**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Gò:**

**1. Gò Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình xây dựng (Thành).

Gò Thành là di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long, tọa lạc tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo được L.Malleret, một nhà nghiên cứu người Pháp, phát hiện năm 1941.

Di tích nằm trên một gò đất sét pha cát, có chiều cao 3 m so với mực nước biển. Diện tích rộng khoảng 10.000 m2. Các năm 1988, 1989 và 1990, qua 2 đợt khai quật đã phát hiện 3 loại di chỉ khác nhau, gồm: di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng. Do dân gian lầm tưởng, khu di tích này là thành thời xưa, lại nằm trên gò, nên gọi là Gò Thành.

Ngày 12/12/1994, di tích khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia.

**2.** **Gò Xương Rồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xương rồng: là loại thực vật ở vùng đất khô cằn, nóng bức, không có lá, mà thay vào đó là các gai nhọn. Thân xương rồng xanh lục, rất mọng nước. Xương rồng thường được sử dụng làm hàng rào, cây cảnh. Theo y học, chiết xuất từ cây và hoa xương rồng có một số lợi ích cho sức khỏe, như làm giảm căng thẳng, làm đẹp da,…).

Gò Xương Rồng là gò có nhiều cây xương rồng hoang mọc, rộng khoảng 0,2 ha, thuộc xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo.

Theo truyện tích dân gian ở địa phương, vào cuối thế kỷ XIX, gò Xương Rồng là sào huyệt của tên tướng cướp Bảy Búa (tên này thứ bảy và thường sử dụng hung khí là búa hoặc sử dụng đến bảy chiếc búa khi gây án). Bọn cướp này rất hung hãn, cướp bóc vô cùng tàn bạo, gây nhiều nỗi khiếp sợ cho dân lành; trong khi đó, chính quyền thực dân gần như bất lực.

Trước tình hình đó, có một thanh niên trong vùng là Phan Văn Ngọ dám một mình đương đầu với bọn cướp. Lúc bấy giờ, Phan Văn Ngọ mới 21 tuổi, rất khỏe mạnh, cường tráng và giỏi võ nghệ, là con trai thứ của Phó Lãnh binh Phan Văn Dõng, vị tướng của lãnh tụ nghĩa quân Trương Định, đã bị thực dân Pháp bắt và xử án chém.

Người thanh niên dũng cảm Phan Văn Ngọ đã một mình vào gò Xương Rồng thách đấu với tên tướng cướp Bảy Búa. Tên Bảy Búa chấp nhận thách đấu. Cuộc tỉ thí ác liệt, một mất, một còn đã diễn ra. Bằng ngón roi sở trường do cha mình truyền lại, Phan Văn Ngọ đã đánh hạ tên Bảy Búa. Nhưng với tính cách hào hiệp, mã thượng, Phan Văn Ngọ đã tha chết tên này với lời khuyên chân thành là nên kiếm nghề lương thiện để mưu sinh, không được cướp bóc, giết hại thường dân.

Tuy nhiên, với bản tính ngang ngược cố hữu, tên cướp này chẳng những không chịu “cải tà quy chánh” mà còn ngạo nghễ tuyên bố sẽ thách đấu phục thù vì chưa “tâm phục, khẩu phục”. Nhận được tin, vào một đêm trăng sáng, Phan Văn Ngọ tiềm nhập vào gò Xương Rồng, bắt trói tên Bảy Búa và mang ra ngoài. Sau đó, ông ném tên tướng cướp này vào Gò Hùm ở gần đó. Không biết, Bảy Búa có bị cọp ăn thịt hay không hay là được đám đệ tử cứu thoát; nhưng sau đó, bọn cướp này giải tán. Kể từ đó, dân cư ở trong vùng trở lại cuộc sống an lành, yên ổn làm ăn, không bị bọn cướp quấy phá nữa.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**Lộ Xoài (xã Song Bình, huyện Chợ Gạo)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ) + Thực vật (Cây xoài).

Lộ Xoài là con đường mà trước kia có một cây xoài to ở tại đầu đường hoặc có hàng cây xoài mọc dọc theo hai đường, thuộc xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, dài khoảng 3,5 km, nối Quốc lộ 50 với nơi giáp ranh thành phố Mỹ Tho, gần Quảng trường trung tâm tỉnh.

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

**Cầu Cựa Gà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bộ phận sau chân của con gà (Cựa gà).

Cầu Cựa Gà nằm trên Đường huyện 6, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1996, dài 24m, kết cấu bê tông cốt thép, được bắc qua rạch Cựa Gà.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**1.** **Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)**

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian “thành” (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ “Nhiếp”: 攝 có nghĩa “Thay quyền để thống trị, kiêm quyền”) và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[[1]](#footnote-1).

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

**2.** **Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)**

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

 Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

**3.** **Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)**

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[[2]](#footnote-2).

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

**4.** **Quận Bến Tranh:**

Quận Bến Tranh được lập ngày 9-02-1913, đầu tiên có 3 tổng Thạnh Quơn (13 làng), Hưng Nhơn (12 làng) và Hưng Nhượng (6 làng).

Ngày 01-01-1928, giải thể quận Bến Tranh. Các làng thuộc 3 tổng được nhập vào quận Chợ Gạo và quận Châu Thành.

**5.** **Quận Chợ Gạo**

Quận Chợ Gạo thành lập ngày 22-3-1912. Đầu tiên có 2 tổng: Hòa Hảo (7 làng), Thạnh Phong (6 làng). Ngày 01-01-1928, nhập thêm tổng Thạnh Quơn (7 làng).

6. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956  của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”, tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Ðiềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Ðịnh, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Ðông, Tân Lý Tây, Tân Lý Ðông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Ðăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Ðông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Ðịnh, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Ðông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Ðức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Ðông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Ðiền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận [Bến Tranh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tranh) từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã [Mỹ Tho](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_Tho), là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ** | **DIỆN TÍCH****(km²)** | **DÂN SỐ****(Người)** |
| **I** | **Thị xã Mỹ Tho** | **8,0** | **109.975** |
| **II** | **Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp** | **225,7** | **67.531** |
| 1 | Hòa Tịnh | 7,7 | 2.604 |
| 2 | Lương Hòa Lạc | 15,0 | 6.464 |
| 3 | Mỹ Tịnh An | 12,1 | 3.230 |
| 4 | Phú Kiết | 11,5 | 3.306 |
| 5 | Phú Mỹ | 46,8 | 5.612 |
| 6 | Tân Bình Thành | 12,5 | 2.458 |
| 7 | Tân Hiệp | 1,0 | 4.571 |
| 8 | Tân Hòa Thành | 20,1 | 3.309 |
| 9 | Tân Hội Đông | 8,4 | 4.118 |
| 10 | Tân Hương | 13,3 | 8.060 |
| 11 | Tân Lý Đông | 40.4 | 4.903 |
| 12 | Tân Lý Tây | 4,5 | 5.368 |
| 13 | Thanh Bình | 12,3 | 2.079 |
| 14 | Thân Cửu Nghĩa | 9,6 | 9.326 |
| 15 | Trung Hòa | 10,5 | 2.123 |
| **III** | **Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp** | **278,4** | **79.124** |
| 16 | Đông Hòa Hiệp | 17,0 | 27.197 |
| 17 | Hậu Mỹ | 60,9 | 10.474 |
| 18 | Hậu Thành | 10,6 | 8.130 |
| 19 | Hiệp Đức | 11,4 | 625 |
| 20 | Hòa Khánh | 25,5 | 10.311 |
| 21 | Hội Cư | 23,1 | 5.304 |
| 22 | Hội Sơn | 4,3 | 170 |
| 23 | Mỹ Thành | 40,6 | 8.273 |
| 24 | Mỹ Thiện | 64,7 | 3.742 |
| 25 | Phú An | 14,2 | 4.523 |
| 26 | Xuân Sơn | 6,1 | 375 |
| **IV** | **Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa** | **363,5** | **101.017** |
| 27 | Bình Phú | 19,3 | 6.863 |
| 28 | Cẩm Sơn | 13,9 | 300 |
| 29 | Long Khánh | 17,9 | 5.024 |
| 30 | Long Tiên | 14,0 | 3.861 |
| 31 | Long Trung | 19,4 | 3.772 |
| 32 | Mỹ Hạnh Đông | 30,1 | 2.000 |
| 33 | Mỹ Hạnh Trung | 10,2 | 4.152 |
| 34 | Mỹ Long | 11,5 | 1.103 |
| 35 | Mỹ Phước Tây | 39,1 | 7.041 |
| 36 | Ngũ Hiệp | 27,3 | 6.039 |
| 37 | Nhị Mỹ | 12,5 | 5.823 |
| 38 | Nhị Quý | 11,8 | 7.344 |
| 39 | Phú Nhuận Đông | 15,6 | 4.980 |
| 40 | Phú Quý | 9,3 | 2.814 |
| 41 | Tam Bình | 16,9 | 4.885 |
| 42 | Tân Bình | 13,0 | 6.724 |
| 43 | Tân Hội | 10,9 | 3.519 |
| 44 | Tân Phú Đông | 5,3 | 675 |
| 45 | Thanh Hòa | 9,9 | 21.588 |
| 46 | Thạnh Phú | 55,6 | 2.510 |
| **V** | **Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An** | **107,3** | **52.208** |
| 47 | Bình Đức | 11,8 | 11.237 |
| 48 | Đạo Thạnh | 6,7 | 6.645 |
| 49 | Long An | 13,6 | 5.254 |
| 50 | Mỹ Phong | 11,1 | 5.456 |
| 51 | Phước Thạnh | 11,5 | 3.125 |
| 52 | Tam Hiệp | 13,6 | 2.749 |
| 53 | Tân Long | 4,9 | 7.208 |
| 54 | Tân Mỹ Chánh | 6,9 | 3.974 |
| 55 | Thạnh Phú | 7,9 | 2.183 |
| 56 | Thới Sơn | 13,8 | 2.148 |
| 57 | Trung An | 5,5 | 2.209 |
| **VI** | **Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan** | **163,1** | **52.664** |
| 58 | An Thạnh Thủy | 17,1 | 4.915 |
| 59 | Bình Ninh | 20,0 | 3.575 |
| 60 | Bình Phan | 9,0 | 5.903 |
| 61 | Bình Phục Nhứt | 18,3 | 5.786 |
| 62 | Đăng Hưng Phước | 14,5 | 6.257 |
| 63 | Hòa Định | 22,0 | 2.700 |
| 64 | Long Bình Điền | 12,1 | 4.331 |
| 65 | Quơn Long | 14,2 | 4.778 |
| 66 | Song Bình | 12,1 | 4.260 |
| 67 | Tân Thuận Bình | 14,9 | 5.579 |
| 68 | Xuân Đông | 8,9 | 4.580 |
| **VII** | **Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu** | **226,5** | **58.791** |
| 69 | An Hữu | 15,0 | 12.047 |
| 70 | An Thới Đông | 7,3 | 6.458 |
| 71 | An Thới Trung | 16,1 | 5.576 |
| 72 | Hòa Lộc | 5,1 | 1.214 |
| 73 | Hưng Thuận | 15,9 | 6.551 |
| 74 | Mỹ Đức Đông | 8,0 | 2.454 |
| 75 | Mỹ Đức Tây | 68,2 | 8.716 |
| 76 | Mỹ Lợi | 42,7 | 1.052 |
| 77 | Mỹ Lương | 13,6 | 5.404 |
| 78 | Thanh Hưng | 34,6 | 9.319 |
| **VIII** | **Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim** | **321,5** | **42.227** |
| 79 | Bàn Long | 10,2 | 385 |
| 80 | Bình Trưng | 6,5 | 1.146 |
| 81 | Điềm Hy | 4,6 | 1.762 |
| 82 | Dưỡng Điềm | 7,0 | 3.384 |
| 83 | Đông Hòa | 95,5 | 6.057 |
| 84 | Hữu Đạo | 4,6 | 941 |
| 85 | Hưng Thạnh Mỹ | 85,9 | Không có số liệu |
| 86 | Kim Sơn | 12,6 | 2.884 |
| 87 | Long Định | 22,6 | 7.599 |
| 88 | Long Hưng | 14,0 | 1.460 |
| 89 | Nhị Bình | 32,9 | 7.409 |
| 90 | Phú Phong | 10,9 | 1.338 |
| 91 | Song Thuận | 9,0 | 1.968 |
| 92 | Vĩnh Kim | 5,2 | 5.894 |

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

**7. Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)****(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số****(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP****Mỹ Tho** | **TX** **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu** **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ****Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Chợ Gạo:**

**1. Huyện Chợ Gạo**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Chợ Gạo vốn bắt nguồn tại một ngôi chợ đóng ở thôn Bình Phan (gọi trại từ Bình Phương), do ông Trần Văn Nguyệt thành lập vào thời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1787). Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Chợ Gạo là chợ chuyên kinh doanh gạo nổi tiếng trong vùng. Các thương lái tập trung đổ về đây để mua gạo, theo đường thủy ra sông Tiền rồi đưa lên Sài Gòn để bán đi khắp nơi. Tên gọi Chợ Gạo hình thành từ đó.

**Vị trí địa lý:**

Huyện Chợ Gạo nằm về phía Đông tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho - trung tâm tỉnh Tiền Giang 10 km là cửa ngõ đi về các huyện phía Đông và ra biển, có kênh Chợ Gạo là tuyến giao thông thủy quan trọng nối liền Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp huyện Gò Công Tây.

- Phía Tây: giáp thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Phía Nam: giáp tỉnh Bến Tre.

- Phía Bắc: giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 22.943,39 ha.

**Đơn vị hành chính:**

Toàn huyện có 19 đơn vị hành chính cấp xã (18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông; 01 thị trấn: thị trấn Chợ Gạo), với 131 ấp, khu phố (128 ấp, 03 khu phố). Huyện lỵ là thị trấn Chợ Gạo.

**Lịch sử hình thành:**

Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Chợ Gạo lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Chợ Gạo được đặt tên là tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là bốn tổng Hòa Hảo, Hòa Hằng, Thạnh Phong và Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện lỵ đặt tại thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo). Năm 1857, dưới đời vua Tự Đức, do kiêng húy thái hậu Từ Dũ (tên thật là Phạm Thị Hằng) nên đổi tên tổng Hòa Hằng thành tổng Hòa Quới.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Chợ Gạo thuộc hạt Thanh tra Chợ Gạo. Năm 1871, thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, thuộc Trung tâm hành chính Chợ Gạo, Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1902, vùng đất Chợ Gạo bao gồm ba tổng Hòa Hảo, Thanh Phong và Thạnh Quơn thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1912, quận Chợ Gạo được thành lập, có 2 tổng: Hòa Hảo (7 làng), Thạnh Phong (6 làng).

Năm 1913, quận Bến Tranh được thành lập, có 3 tổng Thạnh Quơn (13 làng), Hưng Nhơn (12 làng) và Hưng Nhượng (6 làng). Năm 1928, quận Bến Tranh giải thể. Trong đó, tổng Thạnh Quơn (13 làng) và làng Hòa Tịnh (thuộc tổng Hưng Nhượng) được nhập vào quận Chợ Gạo. Quận lỵ Chợ Gạo đặt tại làng Bình Phan (tổng Hòa Hảo).

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Chợ Gạo có 20 làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

- Tổng Hòa Hảo gồm có 07 làng: Hòa Định (hợp nhất Hòa Thạnh và An Định), Bình Ninh (hợp nhất Hòa Bình và Hòa Ninh), An Thạnh Thủy (hợp nhất Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy), Bình Phan, Tân Thuận Bình (hợp nhất Tân Hòa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông), Qươn Long (hợp nhất Bình Qươn và Bình Long), Bình Phục Nhứt (hợp nhất Bình Phục Tây và Bình Trị).

- Tổng Thạnh Phong gồm có 06 làng: Xuân Đông (hợp nhất Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông), Song Bình (hợp nhất Bình Thạnh và Bình Hài), Long Bình Điền (hợp nhất Long Hựu, Bình Hạnh và Điền Trang), Đăng Hưng Phước (hợp nhất Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước), Mỹ Phong, Tân Hội Mỹ (hợp nhất 4 làng: Phú Hội, Mỹ Chánh, Bình Phong và Phong Thuận).

- Tổng Thạnh Quơn gồm có 07 làng: Lương Hòa Lạc (hợp nhất Lương Phú, Long Hòa và An Lạc), Thanh Bình (hợp nhất Thanh Xuân và Bình Dương), Phú Kiết, Mỹ Tịnh An (hợp nhất Mỹ Trung, Tịnh Hà và An Khương), Tân Bình Thạnh (hợp nhất Nhựt Tân, Bình Cách và Song Thạnh), Hòa Tịnh (hợp nhất Hòa Mỹ và Tịnh Giang), Trung Hòa.

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Chợ Gạo, mà là huyện Chợ Gạo; không có đơn vị hành chính cấp “tổng”; không gọi “làng” mà là “xã” với 20 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Chợ Gạo.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, chính quyền Sài Gòn đặt quận Chợ Gạo thuộc tỉnh Định Tường. Quận lỵ đặt tại xã Bình Phan. Các làng trở thành xã; trả tổng Thạnh Quơn (gồm 7 xã: Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà) cho quận Bến Tranh (được tái lập năm 1956) quản lý. Quận lỵ Bến Tranh ban đầu vẫn đặt tại xã Lương Hòa Lạc. Tuy nhiên, năm 1957, chính quyền Sài Gòn cho dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc tới xã Tân Hiệp (ngày nay là thị trấn Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành); đồng thời, đổi tên xã Tân Hội Mỹ thành xã Tân Mỹ Chánh.

Năm 1964, dời quận lỵ Chợ Gạo từ xã Bình Phan tới xã Tân Thuận Bình. Cũng trong năm này, các xã Mỹ Phong và Tân Mỹ Chánh của quận Chợ Gạo được giao về cho quận Châu Thành quản lý. Sau năm 1965, các tổng bị giải thể.

Kể từ đó cho đến năm 1975, quận Chợ Gạo thuộc tỉnh Định Tường do chính quyền Sài Gòn sắp xếp hành chính có 11 xã, gồm: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Hòa Định, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Quơn Long, Tân Thuận Bình, Xuân Đông, Song Bình. Quận lỵ đặt tại xã Tân Thuận Bình.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì như trước năm 1954, bao gồm 18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Hòa Định, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Quơn Long, Tân Thuận Bình, Xuân Đông, Song Bình Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hòa.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Chợ Gạo, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Bình Phan, Hòa Định, Tân Thuận Bình.

Tháng 3/1976, Chợ Gạo trở thành huyện của tỉnh Tiền Giang, bao gồm 19 đơn vị hành chính là thị trấn Chợ Gạo và 18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông.

Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, điều chỉnh 709,51 ha diện tích tự nhiên và 6.917 nhân khẩu của huyện Chợ Gạo (bao gồm 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc; 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình) về thành phố Mỹ Tho quản lý. Trong đó, phần diện tích và dân số của xã Lương Hòa Lạc nhập vào xã Đạo Thạnh; phần diện tích và dân số của xã Song Bình nhập vào xã Tân Mỹ Chánh.

Sau khi điều chỉnh (2009), huyện Chợ Gạo còn lại 22.943,39 ha diện tích tự nhiên và 183.241 nhân khẩu, có 19 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm: thị trấn Chợ Gạo và các xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông.

Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới. Tính đến năm 2021, huyện Chợ Gạo có 18/18 xã (100%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Đặc sản: trái thanh long tươi, thanh long sấy dẽo, nếp bè,...

**Dân số:** 189.335 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60,1 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chợ Gạo thuộc nhóm vùng kinh tế - đô thị trung tâm của tỉnh Tiền Giang (gồm thành phố Mỹ tho, huyện Châu Thành và Chợ Gạo), với diện tích tự nhiên 23.089,6 ha. Là huyện nông nghiệp, với gần 80% hộ dân sinh sống ở khu vực nông thôn.

Về nông nghiệp, Chợ Gạo có 700 ha lúa, nếp Bè; gần 6.600 ha cây thanh long; 6.500 ha vườn dừa; đàn gia súc trên 140.000 con, cùng với trên 6,6 triệu con gia cầm. Trong đó, cây lúa, nếp Bè và thanh long ngày càng có chỗ đứng trên thị trường nông sản.

Sản xuất nông nghiệp, địa bàn huyện được chia làm 02 vùng gồm:

- Vùng thuộc hệ Ngọt hóa Gò Công: gồm 07 đơn vị - xã Xuân Đông, Hòa Định, Bình Ninh, An Thạnh Thủy, Bình Phan, Bình Phục Nhứt và thị trấn Chợ Gạo. Vùng này chủ yếu sản xuất các loại lúa thơm phục vụ xuất khẩu, sản xuất rau màu và cũng là khu vực trồng tập trung các loại cây công nghiệp như dừa - khoảng 4.000 ha, ca cao.

- Các xã thuộc hệ Bảo Định: gồm 12 đơn vị - xã Hòa Tịnh, Phú Kiết, Lương Hòa Lạc, Trung Hòa, Mỹ Tịnh An, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Song Bình, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Tân Thuận Bình, Quơn Long là vùng thực hiện đề án phát triển cây thanh long (diện tích 5.000 ha), cây bưởi da xanh (diện tích 1.000 ha) và rau màu.

Thanh long và nếp Bè là 02 sản phẩm của huyện đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Trên cơ sở đó, huyện đã thành lập Hợp tác xã để sản xuất, kinh doanh và quảng bá thương hiệu cho 02 loại sản phẩm này. Hiện các sản phẩm đang từng bước thâm nhập thị trường một số nước châu Âu. Để đáp ứng cho việc phát triển thương hiệu, sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh đối với 02 sản phẩm này, huyện đang triển khai chương trình sản xuất theo tiêu chuẩn Viêt GAP và Global GAP, góp phần tiêu thụ hàng hóa nông sản, đồng thời tạo điều kiện để khai thác tốt các thương hiệu hàng hóa đã được công nhận.

Cùng với phát triển cây thanh long, cây lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng được đầu tư phát triển theo hướng bán công nghiệp với quy mô trang trại vừa và nhỏ, ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế của huyện với khoảng 102.000 con heo, 39.000 con bò và 6,6 triệu con gia cầm lấy trứng và thịt mỗi năm; công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng tập trung và bền vững. Chợ Gạo là một trong những địa phương có diện tích thanh long lớn và cho hiệu quả kinh tế cao ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, huyện Chợ Gạo cũng có tiềm năng lớn về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch.

Huyện có thế mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng được đầu tư phát triển theo hướng bán công nghiệp với quy mô trang trại vừa và nhỏ và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế của huyện, với khoảng 50.000 con heo, 51.300 con bò và 8,6 triệu con gia cầm lấy trứng và thịt mỗi năm; công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng tập trung và bền vững.

Ngoài ra, huyện Chợ Gạo cũng có tiềm năng lớn về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch; phát triển du lịch sinh thái gắn với vùng sông nước ở xã Xuân Đông, các di tích lịch sử, văn hóa (Khu di tích Óc Eo, Đền thờ Nguyễn Hữu Huân...) và du lịch nhà vườn Thanh long (trái cây đặc sản địa phương).

Mục tiêu đến năm 2025 của huyện phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hợp lý gắn với vùng kinh tế trung tâm của tỉnh nhằm phát triển bền vững. Chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh thực hiện các khâu đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực; phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp nhằm tận dụng các cơ hội phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, Nghị quyết số 11-NQ/TU, Nghị quyết 07-NQ/TU của Tỉnh ủy,... tăng cường liên kết đầu tư, nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ngành tỉnh, các địa phương. Cùng với tỉnh và các đơn vị trong vùng kinh tế trung tâm của tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện cùng với liên kết chung của vùng theo kế hoạch.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn các xã có 47 trường công lập, gồm: 18 trường mầm non, 18 trường tiểu học và 11 trường trung học cơ sở. Ngoài ra, còn có 01 trường mầm non ngoài công lập, 15 nhóm trẻ tư thục. Với hệ thống trường, lớp học được tăng cường đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia, nên đã góp phần quan trọng vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, cũng như phát triển văn hóa, xã hội của địa phương.

Từ năm 2011 đến năm 2020, bằng nhiều nguồn kinh phí, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường đã thực hiện nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các công trình ở 39 trường học, với 268 phòng học, tổng kinh phí 281,1 tỷ đồng (gồm có 18 trường Mầm non, với 145 phòng học; 13 trường Tiểu học, với 50 phòng học và 08 trường Trung học cơ sở, với 73 phòng học); trong đó kinh phí xây mới là 250,7 tỷ đồng, kinh phí sửa chữa và mua sắm thiết bị giáo dục là 30,3 tỷ đồng.

Năm 2020, trên địa bàn các xã của huyện có 50 trường học, chia ra: mầm non 19 trường, tiểu học: 19 trường, trung học cơ sở: 12 trường. Có 47/50 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, chiếm tỷ lệ 94% so tổng số trường trong huyện. Có 24 trường học đạt chuẩn quốc gia*.* Các xã, thị trấn có trường học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đều nằm ở trung tâm xã, thị trấn tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường.

**Y tế:**

Mạng lưới cơ sở y tế phát triển toàn diện. Đội ngũ thầy thuốc và cán bộ, nhân viên y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ngày càng tăng. Chính sách tài chính y tế có nhiều đổi mới; diện bao phủ bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng, ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế mở rộng và phủ khắp từ huyện đến xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của 18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2021 đạt 95,11%.

- Năm 2020, toàn huyện có 100% Trạm y tế có bác sĩ khám chữa bệnh cho nhân dân trong xã, 100% Trạm y tế đạt Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn 2011 ­- 2020.

**Giao thông:**

- Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn luôn được quan tâm đầu tư, mở rộng nhằm từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn. Với phương châm*“Nhà nước và Nhân dân cùng làm”* đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân. Đặc biệt, người dân đã nhận thức rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình và chủ động tham gia tích cực, thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình, hàng năm huyện đều hỗ trợ một phần kinh phí, cùng với vốn đóng góp của nhân dân để xây dựng các tuyến đường trục xã, trục ấp, ngõ xóm. Trong giai đoạn 2011 - 2020, đã huy động nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông cấp xã quản lý, với tổng kinh phí 344,1 tỷ đồng *(trong đó vốn ngân sách 296,1 tỷ đồng, vốn nhân dân đóng góp 48 tỷ đồng),* cụ thể:

+ Đường xã: đã đầu tư mới và nâng cấp mở rộng 70 tuyến, dài 136 km, nâng tổng số đến nay 126/126 tuyến đường xã đạt chuẩn, tổng chiều dài 261/261 km. Trong đó, đường nhựa 117 tuyến, chiều dài 250,3km; đường bê tông xi măng 9 tuyến, chiều dài 11,4km, đạt 100% so với quy định, tăng 125% so với năm 2011 với tổng vốn đầu tư 248 tỷ đồng.

+ Đường ấp và đường liên ấp: đã đầu tư mới và nâng cấp mở rộng 68 tuyến, dài 75,6 km, nâng tổng số đến nay là 120/142 tuyến đạt chuẩn; tổng chiều dài 144/166 km. Trong đó: đường nhựa 49 tuyến, chiều dài 58,98km; đường bê tông xi măng 52 tuyến, chiều dài 52,9km; đường đá dăm cấp phối 41 tuyến, chiều dài 54,36km, đạt 87%, tăng 156 % so với năm 2011, với tổng vốn đầu tư 86,4 tỷ đồng.

+ Đường ngõ xóm: đã đầu tư mới và nâng cấp đến nay đạt (208/208 tuyến đường) không lầy lội vào mùa mưa; đã đầu tư cứng hóa đạt chuẩn 105 tuyến, dài 86 km, nâng tổng số đến nay là 166/208 tuyến đường ngõ, xóm, tổng chiều dài 113/143 km. Trong đó: đường nhựa 01 tuyến, chiều dài 1,8km; đường bê tông xi măng 112 tuyến, chiều dài 74,5km; đường đá dăm cấp phối 95 tuyến, chiều dài 66,7km. đạt 79%, tăng 172% so với năm 2011; với tổng vốn đầu tư 9,7 tỷ đồng.

- Hệ thống thủy lợi huyện Chợ Gạo nằm trong vùng dự án Bảo Định và dự án Ngọt hóa Gò Công nên hệ thống công trình (kênh, đê, cống, …) liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Trên địa bàn huyện có 42 tuyến kênh trục chính và 279 tuyến kênh nội đồng, với tổng chiều dài 560,4 km, thuộc dự án Bảo Định và dự án Ngọt hóa Gò Công. Trong đó:

+ Kênh cấp I: gồm 11 tuyến, tổng chiều dài 63,4 km.

+ Kênh cấp II: gồm 31 tuyến, tổng chiều dài 124,8 km.

+ Kênh cấp III và nội đồng: 279 tuyến, tổng chiều dài 372,2 km.

Trên địa bàn huyện hệ thống thủy lợi được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh. Có phương án duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ công trình theo quy định. Việc quản lý khai thác các công trình thủy lợi liên xã do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổ chức quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo theo đúng kế hoạch được duyệt. Hệ thống cống được vận hành chủ động phục vụ phát triển sản xuất.

Từ năm 2011 đến năm 2020, huyện và xã đã tổ chức thi công 282 công trình bằng cơ giới, tổng chiều dài 350,3 km, với tổng kinh phí 44,7 tỷ đồng. Hiện nay, hệ thống công trình thủy lợi của huyện đã hoàn chỉnh, đảm bảo phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 19.412/19.412 ha *(đạt 100%)* diện tích sản xuất nông nghiệp của huyện.

Các xã đều có phương án sử dụng nguồn nước, trong đó bao gồm nguồn nước từ các công trình thủy lợi, nguồn nước ngầm; đẩy mạnh tuyên truyền việc sử dụng nước hợp lý, bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, tập trung tuyên truyền: Luật Thủy lợi năm 2017; Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều và Nghị định 65/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 104/2017/NĐ-CP.

**Văn hóa:**

 Thực hiện Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tiền Giang, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Tiền Giang, ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045. Theo đó huyện Chợ Gạo được quy hoạch như sau:

- Vùng I - phía Nam (gồm các xã Xuân Đông - Hòa Định - An Thạnh Thủy - Bình Ninh - Bình Phan - Bình Phục Nhứt).

- Vùng II - (gồm các xã: Long Bình Điền - Trung Hòa - Tân Thuận Bình - Bình Phan - Quơn Long- Song Bình).

- Vùng III - phía Tây Bắc (gồm các xã: Lương Hòa Lạc (đô thị Bến Tranh) - Trung Hòa - Tân Bình Thạnh - Mỹ Tịnh An - Hòa Tịnh - Phú Kiết - Thanh Bình).

Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên dọc sông Tiền, sông Bảo Định và kênh Chợ Gạo.

Bảo tồn các khu di tích - văn hóa: Khu di tích khảo cổ Óc Eo, Gò Thành (Tân Thuận Bình), Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân (Hòa Tịnh). Một số công trình văn hóa lịch sử gắn liền với đời sống văn hóa của người dân Chợ Gạo như: chùa Bà Kết (xã Bình Phan), mộ Anh hùng dân tộc Âu Dương Lân (xã Phú Kiết), Bia căm thù (Bình Ninh), Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn (Song Bình), Bia tưởng niệm Bảy dũng sĩ Xóm ao (Thanh Bình),...

**Du lịch:**

Phát huy giá trị du lịch sinh thái vườn gắn với vùng sông nước, hình thành vùng phát triển du lịch sinh thái xã Xuân Đông gắn với sông nước kênh Chợ Gạo và sông Tiền gắn với điểm du lịch Làng mai vàng, Niệm Phật đường Liên hoa xã Xuân Đông.

Mô hình Khu du lịch sinh thái Hồ Gia Trang (ấp Song Thạnh, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo), đây là loại hình dịch vụ bao gồm: Phòng Hội thảo - hội nghị, nhà nghỉ, câu cá giải trí, khu vui chơi trượt cỏ, bóng nước, bắt cá, chèo thuyền ba lá, tắm hồ bơi,… (điểm du lịch Hồ Gia Trang ấp Song Thạnh, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11/02/2020).

Theo định hướng phát triển du lịch, huyện sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước tổ chức đưa đón khách đến tham quan Khu di tích Óc Eo - Gò Thành (Tân Thuận Bình), kết hợp tham quan du lịch vườn Thanh Long xã Quơn Long; tham quan vườn bưởi da xanh kết hợp viếng Khu di tích Bia 8 Dân công tải đạn (xã Song Bình); tham quan Nhà lưu niệm Cố soạn giả Trần Hữu Trang và mộ Anh hùng dân tộc Âu Dương Lân (Phú Kiết); tham quan Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân (Hòa Tịnh), Nhà hương Trưởng Hoài (thị trấn Chợ Gạo); tham quan làng nghề bó chổi (xã Hoà Định), chùa Long Phan (xã Bình Phan), Vườn mai vàng (xã Xuân Đông),….

**Thể thao:**

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được đầu tư đạt chuẩn, hoạt động có hiệu quả, kết nối được hoạt động của các xã, thị trấn; 18/18 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 27 Nhà văn hóa liên ấp phục vụ cho 72/131 ấp; còn lại 59 ấp ở gần trung tâm xã sinh hoạt ghép với Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 131/131 ấp có điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, được trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân.

Toàn huyện hiện có 114 thiết chế về thể dục, thể thao phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân. Trong đó:

- Cấp huyện có 06 thiết chế về thể dục thể thao gồm: 01 Sân vận động huyện, 01 nhà tập luyện đa năng, 03 sân quần vợt, 01 hồ bơi.

- Cấp xã có 108 thiết chế về thể dục thể thao gồm: 02 nhà thi đấu đa năng, 04 nhà luyện tập đa năng, 12 sân bóng đá lớn, 14 sân bóng đá mini tự nhiên, 01 sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, 38 sân bóng chuyền, 03 sân bóng rổ, 2 sân bóng bàn, 30 sân cầu lông ngoài trời và 02 bể bơi.

Trong những năm qua huyện được tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng 5 sân bóng đá ở các xã Phú Kiết, Thanh Bình, Tân Thuận Bình, Long Bình Điền, Bình Phục Nhứt và sân vận động huyện với tổng kinh phí gần 10 tỷ đồng.

**Tổng số liệt sĩ**:

Toàn huyện có 3.412 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 874 Bà mẹ.

**2. Thị trấn Chợ Gạo**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Đơn vị hành chính trung tâm của huyện Chợ Gạo: thị trấn Chợ Gạo.

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Chợ Gạo chỉ cách trung tâm thành phố Mỹ Tho khoảng 10 km, có vị trí “đòn gánh” giữa thành phố Mỹ Tho và thị xã Gò Công. Là đầu mối nối tỉnh Tiền Giang với tỉnh Long An qua đường Quốc lộ 50, Đường tỉnh 879C,…

Ranh giới khu vực được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp xã Bình Phan và xã An Thạnh Thủy.

- Phía Tây: giáp xã Long Bình Điền.

- Phía Nam: giáp xã Hòa Định.

- Phía Bắc: giáp xã Tân Thuận Bình, xã Bình Phan.

**Diện tích tự nhiên:** 304,84 ha.

**Hành chính**:

Thị trấn có 03 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3.

**Lịch sử hình thành:**

Dưới thời nhà Nguyễn (trong nửa đầu thế kỷ XIX), địa bàn thị trấn Chợ Gạo hiện nay thuộc địa phận các thôn Bình Phương (nay là xã Bình Phan), An Định và Hòa Thạnh (nay là xã Hòa Định), Tân Hóa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông (nay là xã Tân Thuận Bình), tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị (nửa sau thế kỷ XIX - 1945), thị trấn Chợ Gạo hiện nay thuộc địa phận hành chính của các xã Bình Phan, Hoà Định, Tân Thuận Bình.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng chưa có đơn vị hành chính thị trấn Chợ Gạo mà vẫn là các xã Bình Phan, Hòa Định, Tân Thuận Bình; chính quyền thực dân Pháp gọi là xã Bình Phan, xã Hòa Định, xã Tân Thuận Bình thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn vẫn gọi là xã Bình Phan, xã Hòa Định, xã Tân Thuận Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, thị trấn Chợ Gạo thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số**: 7.675 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 64.800.000đ/người/năm (2020).

**Kinh tế**:

Kinh tế địa phương phát triển chủ yếu bằng nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ,….

**Giáo dục**:

Thị trấn có 05 trường: Trường mầm non thị trấn; Trường tiểu học thi trấn; Trường trung học cơ sở thị trấn; Trường trung học phổ thông Chợ Gạo, Trường trung học phổ thông Trần Văn Hoài.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế**:

Trên địa bàn có 01 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

**Giao thông**:

Thị trấn có 25 tuyến đường đã được nhựa và bê tông hóa.

**Văn hóa**:

Thị trấn Chợ Gạo đạt chuẩn Văn minh đô thị năm 2013; có Nhà văn hóa thị trấn, 03 Nhà văn hóa khu phố, 03 khu phố văn hóa, 07 con đường văn hóa, 01 chợ văn hóa, 02 công viên văn hóa, 06 cơ sở thờ tự văn hóa.

**Du lịch**:

Không có điểm du lịch.

**Thể thao**:

Thị trấn có 01 sân vận động, 04 sân bóng đá mi ni, 01 sân bóng chuyền, 01 hồ bơi, 01 nhà thi đấu đa năng,...

**Tổng số liệt sĩ**: 79 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: Không.

**3. Xã An Thạnh Thủy**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

始 Thủy: bắt đầu, mới

安盛始社 An Thạnh Thủy Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã An Thạnh Thủy nằm về phía Đông của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thạnh Nhựt, Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Hòa Định; phía Nam giáp xã Bình Ninh; phía Bắc giáp xã Bình Phục Nhứt, xã Bình Phan, thị trấn Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:**

Tổng diện tích tự nhiên: 1.515,72 ha.

**Hành chính:**

Địa bàn xã có 10 ấp: An Khương, Thạnh Kiết, Thạnh An, Thạnh Hòa, Thạnh Hiệp, Bình Thủy, Thạnh Thới, An Phú, An Quới, An Thọ.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Vĩnh An, Toàn Thạnh và Bình Thủy thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có các thôn Bình Thủy, Mỹ Hảo, Toàn Thạnh, Vĩnh An, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có ba làng[[3]](#footnote-3) Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Mỹ Thạnh và Bình Thủy hợp nhất lấy tên là làng Thạnh Thủy; năm 1932, hai làng Hòa An và Thạnh Thủy hợp nhất lấy tên là làng An Thạnh Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng An Thạnh Thủy thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã An Thạnh Thủy thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017 , xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** Có 12.396 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sảng xuất nông nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã có 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 99,9%.

**Y tế:**

Năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của xã đạt 99,8%

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

**Giao thông:**

- Có Quốc Lộ 50, Đường tỉnh 877, Đường tỉnh 877B đi qua.

- Đường xã: có 05/05 tuyến dài 14.623 mét, được láng nhựa đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380:2014, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đường ấp: có 08/08 tuyến dài 13.326 mét, được bê tông hóa đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380: 2014, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (chỉ tiêu là 50%).

- Đường ngõ xóm: có 25 tuyến dài 17.545 mét được cán bê tông xi măng và trải đá 0 - 4 đạt 100%. Bao gồm: 20 tuyến cán bê tông xi măng dài 14.769 mét; 05 tuyến trải đá 0 - 4 là dài 2.776 mét.

Trong đó: Đường xây dựng đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380:2014 là 08 tuyến dài 5.896 mét, đạt tỷ lệ 33,61% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (chỉ tiêu là 30%).

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa xã, 10 nhà văn hóa ấp, 10/10 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa, chiếm tỷ lệ 100%.

**Du lịch:**

Xã không có điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có một số sân bóng đá mini của tư nhân thu hút nhiều thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập thể dục thể thao.

**Tổng số liệt sĩ:** 272 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 69 Bà mẹ.

**4. Xã Bình Ninh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平: Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

宁: Ninh: Yên ổn, an ninh

平宁社 Bình Ninh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Ninh nằm ở phía Nam huyện, phía Đông giáp xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã An Thạnh Thuỷ, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp xã Hoà Định, huyện Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:**

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 1.900 ha.

**Hành chính**:

Xã Bình Ninh có 12 ấp, gồm: Bình Hưng Thượng; Bình Hưng Hạ; Bình Long; Hòa Thạnh; Hòa Phú; Hòa Mỹ; Hòa Quới; Hòa Lạc; Hòa Lợi Tiểu; Bình Phú; Bình Quới Hạ; Bình Quới Thượng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Hòa Bình, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh hợp nhất lấy tên là làng Bình Ninh, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Ninh thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Ninh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 11.166 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55,37 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Phần lớn người dân sống bằng nông nghiệp, chăn nuôi. Do có vị trí địa lý nằm cặp sông Tiền và Đường tỉnh 877 đi qua, nên công nghiệp phát triển mạnh, với 02 công ty có vốn đầu tư nước ngoài, 02 công ty vốn trong nước, góp phần giải quyết việc làm cho 1.500 lao động tại xã.

**Giáo dục:**

Được đầu tư cơ sở, vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học. Trên địa bàn xã có 03 trường học (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở) đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,30% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 877 và 877B, Đường huyện 23B đi qua. Ngoài ra, các tuyến đường xã quản lý được nhựa hóa, bê tông hóa; các tuyến đường, ngõ xóm, liên xóm được trãi đá đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã có tuyến đường thủy quan trọng là sông Tiền chảy ngang qua phía nam xã.

**Văn hóa:**

Xã 01 Nhà văn hóa xã, 02 nhà văn hóa liên ấp và 12 trụ sở ấp văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt, văn nghệ,… của người dân trên địa bàn xã.

**Du lịch:**

Không có điểm du lịch.

**Thể thao:**

Phát triển mạnh các môn thể thao bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,… Trên địa bàn xã có 01 sân bóng đá ở ấp Hòa Thạnh, 01 sân cầu lông tại Nhà văn hóa xã. Ngoài ra, có 02 sân bóng đá nhân tạo và 04 sân bóng chuyền do nhân dân đầu tư xây dựng.

**Tổng số liệt sĩ:** 235 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 109 Bà mẹ.

**5. Xã Bình Phan**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

芳 Phương (Phan): Hương thơm

平芳社 Bình Phan Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Phan nằm ở phía đông bắc huyện; phía Đông giáp xã Bình Phục Nhứt; phía Tây giáp xã Tân Thuận Bình; phía Nam giáp xã An Thạnh Thủy; phía Bắc giáp xã Bình Phục Nhứt.

**Diện tích tự nhiên:**

Diện tích tự nhiên của xã là 964,96 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Bình Thọ Trung, Bình Thọ Thượng, Tân Thạnh, Bình Hưng, Bình Ninh và Bình Thọ Đông.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phương thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phương thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có làng Bình Phan, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng Bình Phan thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phan thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Phan thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.354 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 54,15 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Mặc dù cơ cấu kinh tế của xã đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại, từng bước giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm so với tiềm năng và yêu cầu phát triển. Đến năm 2021, kinh tế của xã cơ bản vẫn là nông nghiệp nên thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng chung của huyện.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã Bình Phan có 02 trường học gồm: 01 trường mầm non và 01 trường tiểu học (đều đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

**Giao thông:**

Mạng lưới giao thông đường bộ của xã hiện khá phát triển, hầu hết các tuyến đường chính được láng nhựa, trải đá 0x4, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, thông thương, giao lưu văn hóa giữa xã và các vùng phụ cận. Trong những năm qua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” hệ thống giao thông của xã đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trong xã. Diện tích đất giao thông là 21,88 ha, chiếm 20,78% diện tích đất phát triển hạ tầng.

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Bình Phan bao gồm:

Đường huyện:

Xã Bình Phan có 02 tuyến: Đường huyện 22 và Đường huyện 25B cũ (nay là đường Đông nam kênh Chợ Gạo) đi qua xã, riêng đường Đông nam kênh Chợ Gạo hiện nay đang xuống cấp nghiêm trọng và nằm trong khu vực mở rộng kênh Chợ Gạo giai đoạn 2 (đang thực hiện).

Theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo về Ban hành tên đường đối với hệ thống đường bộ do xã quản lý, UBND xã Bình Phan quản lý 16 tuyến đường gồm:

Đường trục xã:

* Đường Bình Thọ Đông - Bình Hưng: Chiều dài 2,98 km; (nhựa 5m).
* Đường Bình Thọ Đông - Bình Ninh: Chiều dài 2,494 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường 26/3: Chiều dài 3,21 km; (nhựa 5m).

Đường trục ấp, liên ấp:

* Đường Bình Ninh: Chiều dài 0,652 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Tham Thu: Chiều dài 3,332 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Nghĩa Trang Bình Phan: Chiều dài 1,976 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Lộ chùa Gò Kết : Chiều dài 1,84 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Gò Mã Đông 1: Chiều dài 1,021 km; (đá 0x4 -3m).
* Đường Gò Mã Đông 2: Chiều dài 0,7 km; (đá 0x4 -3m).
* Đường Bình Ninh - Bình Hưng: Chiều dài 0,605 km; (nhựa 3m).
* Đường Lộ Đình: Chiều dài 1,051 km; (nhựa 3m).
* Đường Bình Thọ Trung: Chiều dài 1,4 km; (nhựa 3,5m).
* Đường Bình Thọ Trung- Tân Thạnh: Chiều dài 1,375 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Cộng Đồng: Chiều dài 1,045 km; (nhựa 3,5m).
* Đường Bình Thọ Thượng 1: Chiều dài 1,36 km; (nhựa 3,5 m).
* Đường Bình Thọ Thượng 2: Chiều dài 0,816 km; (nhựa 3m).

Về giao thông thủy, xã có tuyến kênh/kinh Chợ Gạo chạy ngang qua.

**Văn hóa:**

- Trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 01 Nhà văn hóa liên ấp và có 05 trụ sở ấp văn hóa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa , vui chơi giải trí và họp hội của nhân dân trên địa bàn xã

- Xã có 03 cơ sở thờ tự văn hóa gồm có: Chùa Long Phan cổ tự tại ấp Bình Hưng; chùa Trường Bình tại ấp Bình Thọ Đông; chùa Khai Minh tại ấp Bình Ninh (Trong đó Chùa Long Phan cổ tự được tỉnh công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2010)

**Thể thao:**

Xã có quy hoạch sân bóng đá tại trung tâm hành chính của xã, nhưng chưa có kinh phí xây dựng.

**Tổng số liệt sĩ:** 115 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 22 Bà mẹ.

**6. Xã Bình Phục Nhứt**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

服 Phục: Tin phục

一 Nhất (Nhứt): Thứ nhất

平服一社 Bình Phục Nhứt Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Phục Nhứt nằm ở phía Đông Bắc huyện Chợ Gạo; phía Đông giáp xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp xã An Thanh Thuỷ, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp kênh Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:** 1.795,7ha.

**Hành chính**:

Xã có 07 ấp: Bình Khương 1, Bình Khương 2, Bình Ninh, Bình Phú, Bình Quới, Bình Thọ 1, Bình Thọ 2.

**Lịch sử hình thành:**

Thôn Bình Phục Nhứt lập năm 1743. Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Bình Phục Nhứt và Bình Phục Nhứt Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Bình Phục Nhứt và Bình Phục Nhứt Đông hợp nhất thành thôn Bình Phục Nhứt, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1865, thôn Bình Phục Nhứt tách ra thành hai thôn Bình Trị và Bình Long; từ năm 1900, có ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây hợp nhất lấy tên là làng Bình Phục Nhứt, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phục Nhứt thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Phục Nhứt thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.414 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 56,43 triệu đồng/người/năm (2020)

**Kinh tế**:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã, như: cây màu, thanh long, bò thịt, gà thả vườn,...

Xã chú trọng đến công tác tổ chức liên kết sản xuất theo hướng GAP, xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trái thanh long, ổn định đầu ra cho các hộ trồng thanh long.

Năm 2021, trên địa bàn xã có 05 tổ hợp tác nước, 02 hợp tác xã: HTX tín dụng và 01 HTX nông nghiệp Bình Phục Nhứt.

**Giáo dục:**

Xã Bình Phục Nhứt có 04 trường học: Trường trung học phổ thông Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Bình Phục Nhứt, Trường mầm non Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế**:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,57% (2020).

**Giao thông:**

Về giao thông: xã có khoảng 4,2 km đường nhựa thuộc Đường tỉnh 877E đi qua, 07 tuyến đường liên xã, 14 tuyến đường liên ấp, 28 tuyến đường vào xóm, ấp. Hầu hết các tuyến đường liên xã, liên ấp đều đã được trải nhựa hoặc bê tông hóa đạt 100%, mặt đường rộng từ 3m đến 5m, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Về giao thông thủy, xã có tuyến kênh/kinh Chợ Gạo chạy ngang qua.

**Văn hóa:**

Nhà văn hóa xã đã xây dựng tại khu đất công Ủy ban nhân dân xã, với tổng diện tích 850 m2, hội trường có 200 chỗ ngồi, có 3 phòng chức năng (Phòng Hành chánh; Phòng Đọc sách, báo và thư viện; Phòng Thông tin - Truyền thanh) thuộc ấp Bình Khương 2.

Xã có 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà Văn hóa liên ấp Bình Phú - Bình Quới - Bình Khương, Nhà văn hóa liên ấp Bình Thọ 1 - Bình Thọ 2), 07 Ấp văn hóa, mỗi ấp đều có trụ sở làm việc khang trang.

**Du lịch**:

Không có điểm du lịch.

**Thể thao:**

+ 01 sân vận động, diện tích 1.100m2. Địa điểm tại ấp Bình Ninh.

+ 02 sân đóng đá mini, địa điểm ấp Bình Ninh và Bình Khương 1.

+ 05 điểm luyện tập thi đấu thể thao. Địa điểm tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, 02 nhà văn hóa liên ấp, sân trường THPT Bình Phục Nhứt và trường THCS Bình Phục Nhứt.

- Có hồ bơi nhân tạo đặt tại Trường tiểu học Bình Phục Nhứt. Mỗi năm học tổ chức nhiều lớp học bơi cho các em cấp I.

**Tổng số liệt sĩ**: 258.

**Tồng số Bà mẹ VN anh hùng**: 41 Bà mẹ.

**7.** **Xã Đăng Hưng Phước**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

登 Đăng: Lên, chín tốt

Hưng 興: Hưng thịnh

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

登興福社 Đăng Hưng Phước Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Đăng Hưng Phước là xã nằm về phía Tây của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Tân Thuận Bình; phía Tây giáp xã Song Bình và Thanh Bình; phía Nam giáp xã Long Bình Điền; phía Bắc giáp xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1.438 ha.

**Hành chính:**

Xã có 09 ấp: Bình An, Bình Thành, Bình Phú Quới, Hưng Ngãi, Đăng Phong Dưới, Đăng Phong Trên, Đăng Nẵm, Vĩnh Phước, Bình Ninh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Đăng thuộc tổng Thạnh Phong, hai thôn Vĩnh Phước và Hưng Nghĩa thuộc tổng Thạnh Quơn; các thôn và tổng này đều thuộc huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1929, ba làng Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước hợp nhất lấy tên là làng Đăng Hưng Phước, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Đăng Hưng Phước thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Đăng Hưng Phước thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 11.186 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Toàn xã có 85% hộ dân sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp và 15% hộ dân sinh sống bằng nghề tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

**Giáo dục:**

Xã có 1 trường trung học cơ sở, 1 trường tiểu học, 1 trường mầm non.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

**Giao thông:**

Địa bàn xã có 13 tuyến đường cấp huyện và cấp xã được láng nhựa và tráng bê tông; có 56 tuyến đường đan liên xóm tạo thuận lợi cho việc sinh hoạt đi lại, phục vụ phát triển kinh tế xã hội cho nhân dân trên đại bàn xã; đến nay cơ bản trên 90% các tuyến đường do xã quản lý được tráng nhựa, láng nhựa và tráng bê tông.

**Văn hóa:**

- Xã có 9/9 Ấp văn hóa, có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, mỗi ấp có trụ sở; có 2 nhà văn hóa liên ấp. Xã được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới.

**Du lịch:**

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là Đình thần Bình Đăng, thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, cúng viếng.

**Thể thao**:

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích 8.193m2, diện tích đất quy hoạch khu thể thao (chưa tính diện tích sân bóng đá của xã) với tổng diện tích 1.500 m2. Địa điểm toạ lạc tại ấp Bình Thành. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trường trung học cơ sở và 2 ấp có điểm luyện tập thể thao, đáp ứng được nhu cầu luyện tập thể dục thể thao cho mọi người.

Phong trào thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên, xã có 9 đội bóng đá, 9 đội bóng chuyền, mỗi năm đều tổ chức từ 2 - 3 lần thi đấu bóng đá và bóng chuyền. Đây là lực lượng nồng cốt cho phong trào ở cơ sở, cùng với sự nhận thức của nhân dân về lợi ích việc rèn luyện thân thể nên ngày càng có nhiều người tham gia luyện tập thể thao, có 4182/11.933 người chiếm 35% và 730 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 25,43%.

**Tổng số liệt sĩ**: 335 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 47 Bà mẹ.

**8.** **Xã Hòa Định**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

定 Định: Ổn định, yên ổn

和定社 Hòa Định Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Hòa Định nằm ở phía Nam huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp hai xã Bình Ninh, An Thạnh Thủy; phía Tây giáp xã Xuân Đông; phía Bắc giáp với thị trấn Chợ Gạo và một đoạn giáp kênh Chợ Gạo; phía Nam giáp sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 1.438 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: An cư, Nhơn Hòa, Hòa Thành, Hòa Lạc Trung, Mỹ Thạnh, Long Hòa.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn An Định thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn An Định và thôn Hòa Thạnh thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng An Định và Hòa Thạnh thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng An Định và Hòa Thạnh hợp nhất lấy tên là làng Hòa Định, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Định thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Hòa Định thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.486 người (2020).

**Thu nhập bình quân:** 60.000.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

- 60% người dân sống bằng nông nghiệp, 20% người dân làm tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ mua bán nhỏ lẻ, 20% người dân làm công ty, xí nghiệp…

- Tiểu thủ công nghiệp: bó chổi, đan lát, lục bình…

- Nông nghiệp: chăn nuôi heo, bò, gà, vịt, trồng các loại cây dừa, nhản, thanh long,…

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Hòa Định (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường mầm non Hòa Định.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

**Giao thông:**

Đường xã và ấp do xã quản lý 23 tuyến chiều dài 31,544 km; đã nhựa hóa, bê tông hóa đạt 90%.

**Văn hóa:**

- Xã đạt chuẩn văn hóa năm 2018; 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 96% số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa.

- Xã có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, phục vụ tốt nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân.

**Du lịch:**

Xã có 2 điểm du lịch ở hai ấp Nhơn Hòa và An Cư.

**Thể thao:**

- Xã có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 1 phòng luyện tập thể thao, 2 sân cầu lông, 1 sân bóng chuyền,1 câu lạc bộ đa môn 50 thành viên, 3 câu lạc bộ 1 môn như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

- Số người luyện lập thể thao thường xuyên 3.330/9846, chiếm tỷ lệ 35% (2020).

- Số gia đình luyện tập thể thao thường xuyên 684/2694, chiếm tỷ lệ 25,4% (2020).

**Tổng số Liệt sĩ:** 153 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 31 Bà mẹ.

**9.** **Xã Hòa Tịnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

靖 Tịnh: Yên ổn, yên lặng

和靖社 Hòa Tịnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Hòa Tịnh nằm ở phía Tây huyện, phía Đông giáp xã Mỹ Tịnh An, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ gạo, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

**Diện tích tự nhiên:** 711,65 ha.

**Hành chính**:

Xã có 04 ấp: Hòa Ninh, Hòa Bình, Hòa Phú, Hòa Quới.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hòa Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tịnh Giang được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của thôn Lợi Thạnh; thôn Tịnh Giang thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Hòa Mỹ và Tịnh Giang thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, hai làng này hợp nhất lấy tên là làng Hòa Tịnh, thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Tịnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Hòa Tịnh thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số**: 7.272 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 52,72 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã, như: thanh long, heo, bò sữa, bò thịt, dê, gà....

Xã Hòa Tịnh chú trọng đến công tác tổ chức liên kết sản xuất theo hướng GAP, xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trái thanh long, ổn định đầu ra cho các nông hộ trồng thanh long.

Năm 2021, trên địa bàn xã có 06 tổ hợp tác nước và 01 hợp tác xã nông nghiệp; sản phẩm là chuyên cung cấp dừa trái uống nước và dừa giống.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Hòa Tịnh (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường mầm non Hòa Tịnh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 878b đi qua; Đường huyện 30b nằm trục giữa xã.

Đường xã: Trên địa bàn toàn xã có 2 tuyến, dài 3,250 km; đã đầu tư nhựa hóa đạt 100%.

Đường ấp:Xã có 4 tuyến dài 5,45 km đã đạt chuẩn (đạt 100%).

Đường dân sinh: Xã có 16 tuyến dài 11,052 km đã đạt chuẩn (đạt 100%).

**Văn hóa:**

Nhà văn hóa xã đã xây dựng tại khu đất công Ủy ban nhân dân xã, với tổng diện tích 1.500 m2, hội trường có 200 chỗ ngồi, có 3 phòng chức năng (Phòng Hành chánh; Phòng Đọc sách, báo, thư viện; Phòng Thông tin - Truyền thanh) thuộc ấp Hòa Phú.

Xã có 4 Ấp văn hóa, 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà văn hóa liên ấp Hòa Ninh - Hòa Bình, Nhà văn hóa liên ấp Hòa Phú - Hòa Quới).

**Du lịch:**

Xã có 01 Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia là Đền thờ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, có diện tích hơn 5000m². Hàng năm thu hút hàng ngàn lượt khách du lịch đến tham quan; cũng là nơi giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

**Thể thao:**

- 01 sân bóng đá mini, diện tích 1.500m2. Địa điểm tại ấp Hòa Quới.

- 02 điểm luyện tập thi đấu thể thao. Địa điểm tại ấp Hòa Quới và ấp Hòa Bình.

- Hồ bơi nhân tạo do Trường trung học cơ sở Tịnh Hà hợp đồng với cơ sở tư nhân đặt tại Ủy ban nhân dân xã.

**Tổng số liệt sĩ**: 92 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 17 Bà mẹ.

**10.** **Xã Long Bình Điền**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

田 Điền: Ruộng đồng

隆平田社 Long Bình Điền Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Bình Điền nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp thị trấn Chợ Gạo và xã Tân Thuận Bình; phía Tây giáp xã Song Bình; phía Nam giáp xã Xuân Đông và Hòa Định; phía Bắc giáp xã Đăng Hưng Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 1.249,61 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Điền Thạnh, Điền Lợi, Tân Bình, Bình Hạnh, Long Thạnh, Thạnh Lợi, Bình Hòa và Điền Mỹ.

**Lịch sử hình thành**:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Long Hựu, Bình Hạnh và Điền Trang thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Long Thạnh (do Long Hựu đổi tên), Bình Hạnh và Điền Trang thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Long Bình Điền, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Long Bình Điền thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Long Bình Điền thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.823 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Có trên 80% người dân địa phương sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp, còn lại hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn xã thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và chăn nuôi gia súc, gia cầm nói riêng. Lĩnh vực trồng trọt phát triển cây bưởi, thanh long, cây dừa,...

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Long Bình Điền, Trường tiểu học Long Bình Điền (cả hai trường đều đạt chuẩn quốc gia) và Trường mầm non Long Bình Điền.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

**Giao thông:**

- Đường xã : có 10 tuyến, chiều dài 16,3 km.

- Đường trục ấp có 8 tuyến, chiều dài 11,4km đều được cứng hóa.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: đạt 100% cứng hóa.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

**Văn hóa:**

- Năm 2014, xã Long Bình Điền vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

- Năm 2018, xã được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới và Xã nông thôn mới năm 2019.

- Xã có 08 Ấp văn hóa, 04 cơ sở thờ tự văn hóa, 02 chợ văn hóa, 02 con đường văn hóa, 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và 01 Nhà Văn hóa liên ấp đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân trên địa bàn xã.

**Du lịch:**

 Chưa có điểm tham quan, du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động bóng đá với diện tích trên 9.005m2 .

Trung tâm văn hóa thể thao xã có đủ các trang thiết bị.

**Tổng số liệt sĩ:** 195 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 34 Bà mẹ.

**11.** **Xã Lương Hòa Lạc**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

良Lương: Thiện, tốt

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

樂 Lạc: Lạc quan, vui mừng

良和樂社 Lương Hòa Lạc Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Lương Hòa Lạc nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; phía Bắc giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:** 958,1 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Lương Phú A; Lương Phú B; Lương Phú C; An Lạc A; An Lạc B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Lương Phú, Long Hòa và An Lạc thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Lương Phú, Long Hòa và An Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, ba làng này thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, ba làng Lương Phú, Long Hòa và An Lạc hợp nhất lấy tên là làng Lương Hòa Lạc, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1933, làng Lương Hòa Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Lương Hòa Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Lương Hòa Lạc thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.874 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 57,69 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Về nông nghiệp, xã có thế mạnh về trồng lúa, vườn cây ăn trái (các loại cây chủ lực là dừa, mận an phước, thanh long), rau màu và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Có chợ Bến Tranh và khu phố là trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa của xã và các vùng lân cận.

Năm 2021, làng nghề chạm khắc gỗ của xã có 12 cơ sở chạm (189 hộ tham gia*,* với tổng số 485 lao động.

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

**Giao thông:**

Có 02 đường giao thông bộ đi qua xã, gồm Đường tỉnh 879, Đường huyện 28; đường thuỷ có sông Bảo Định. Cả đường bộ và đường thủy đều thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân.

 Đường xã: Toàn xã có 11/11 tuyến đường được bêtông và nhựa hóa với tổng chiều dài 16.335/16.335 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải (BGTVT) và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Đường ấp: Có 03/03 tuyến đường được bêtông hóa, với tổng chiều dài 3.256/3.256 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ GTVT và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Đường ngõ xóm: Có 32 tuyến đường được bêtông hóa với tổng chiều dài 23.610 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ GTVT và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Toàn xã có 26 tuyến kênh/kinh (2 tuyến cấp 1 gồm kênh/kinh Bảo Định và kênh/kinh Hóc Đùng; 4 tuyến cấp 2 gồm kênh/kinh Nhỏ, kênh/kinh Lộ Tổng, kênh/kinh Bàu Đụng và Kênh/Kinh Nổi; 18 tuyến cấp 3 và 9 cống điều tiết) với tổng chiều dài 33.395m, tất cả đều được phân cấp quản lý.

**Văn hóa:**

Xã có 05/05 ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa, đạt 100%; 7 cơ sở thờ tự văn hóa; 01 Nhà văn hóa xã, diện tích 2.353 m2, bao gồm hội trường và 5 phòng chức năng (Phòng Hành chính, Phòng Thông tin, Phòng Đọc sách báo, Phòng truyền thanh); 02 Nhà văn hóa liên ấp Lương Phú A - Lương Phú B và An Lạc A - An Lạc B.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động với diện tích 6.500 m2. Năm 2021, mô hình Khu liên hợp thể thao với diện tích 8.070 m2tại ấp Lương Phú A đã được UBND huyện thông qua với mục tiêu phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân trong khu vực.

Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn xã luôn được duy trì và phát triển với nhiều hình thức, hàng năm tham gia thi đấu tại huyện đều đạt giải cao.

**Tổng số liệt sĩ:** 229 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 01 Mẹ.

**12.** **Xã Mỹ Tịnh An**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt đẹp

靖 Tịnh: Yên ổn, yên lặng

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

美靖安社 Mỹ Tịnh An Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Mỹ Tịnh An nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Trung Hòa và xã Tân Bình Thạnh; phía Tây giáp xã Phú Kiết và xã Hòa Tịnh; phía Nam giáp xã Phú Kiết và xã Thanh Bình; phía Bắc giáp xã Trung Hòa.

**Diện tích tự nhiên:** 1.146,5 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: An Thị, An Khương, Mỹ Trường, Mỹ Thọ, Mỹ Khương, Mỹ An A, Mỹ An B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Trung và An Khương thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tịnh Hà được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của thôn Lợi Thạnh; thôn Tịnh Hà thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Mỹ Trung, Tịnh Hà và An Khương thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Tịnh An, thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Mỹ Tịnh An thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Mỹ Tịnh An thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 9.855 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Đời sống kinh tế của nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), số người dân tham gia các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã có 4 trường học: Trường mầm non Mỹ Tịnh An; Trường tiểu học Mỹ Tịnh An và Trường trung học cơ sở Tịnh Hà, Trường trung học phổ thông Thủ Khoa Huân. Xã đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% (2020).

**Giao thông:**

- Xã có 2 tuyến Đường tỉnh 878B và 879; 2 tuyến Đường huyện 28B, 28C.

- Đường xã: Trên địa bàn toàn xã có 5 tuyến, dài 10,530km; đã đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đường ấp: Xã có 7 tuyến dài 10,340km đã đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100%.

- Đường dân sinh: Xã có 10 tuyến dài 9,100 km đã đạt chuẩn, tỷ lệ 100%.

Các tuyến đường đã được kết nối thông suốt trên địa bàn xã và với các địa phương khác, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Xã còn có các trục kênh chính, gồm kênh/kinh Bảo Định, rạch Ông Đăng, kênh/kinh Miếu Điền và kênh/kinh Cầu Giữa,... thuận lợi cho việc tưới tiêu và chống ngập úng trong mùa lũ, đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và giao thông thủy.

**Văn hóa:**

Xã có 07 Ấp văn hóa và được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới vào năm 2019, hàng năm có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, qua bình xét có từ 95% hộ trở lên đạt tiêu chuẩn.

**Du lịch:**

Xã có một số di tích lịch sử, như đình thần Mỹ Tịnh An (thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân), nơi thực dân Pháp xử án chém Nguyễn Hữu Huân, mộ bà Lê Thị Lộc (phu nhân của Nguyễn Hữu Huân),… thu hút đông đảo du khách đến tham quan, thăm viếng.

**Thể thao:**

Phong trào thể dục - thể thao của xã tập trung vào bóng đá, bóng chuyền, cầu lông và đi bộ.

**Tổng số liệt sĩ**: 220 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 39 Bà mẹ.

**13.** **Xã Phú Kiết**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

吉 Cát (Kiết): Tốt lành

富吉社 Phú Kiết Xã

**Vị trí địa lý**:

Xã Phú Kiết nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thanh Bình và một phần của xã Mỹ Tịnh An; phía Tây giáp xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Lương Hòa Lạc; phía Bắc giáp xã Hòa Tịnh và một phần của xã Mỹ Tịnh An.

**Diện tích đất tự nhiên:** 1.142,19 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Phú Lợi A, Phú Lợi B, Phú Lợi C, Phú Khương A, Phú Khương B, Phú Khương C, Phú Thạnh A và Phú Thạnh.

**Lịch sử hình thành**:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú An thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú An được đổi thành thôn Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Kiết thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Phú Kiết thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Phú Kiết thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Kiết thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015 , xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số**: 11.409 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 58,18 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Là xã nông nghiệp, với trên 50% dân số sinh sống chủ yếu bằng hoạt động sản xuất nông nghiệp, số còn lại hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ mua bán khác, vì thế, xã Phú Kiết luôn quan tâm thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với thế mạnh của địa phương theo hướng “Vườn, màu, chăn nuôi”. Năm 2021, xã Phú Kiết có diện tích vườn 871ha, trong đó, thanh long 24ha (có 16 ha thực hiện theo mô hình VietGAP), bưởi 24ha, dừa 578ha, chanh trên 23ha.

Trên địa bàn xã có 146 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở này hoạt động rất có hiệu quả, kịp thời đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa trong nhân dân. Nếu như năm 2015, xã Phú Kiết chỉ có 01 hợp tác xã (HTX) thì đến nay đã có 02 HTX là HTX Nước sinh hoạt nông thôn Phú Lợi A và HTX Chăn nuôi cút Tấn Lực với 1.200 thành viên, có những đóng góp tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo việc làm cho hàng trăm lao động.

**Giáo dục:**

 Xã có 02 trường: Trường tiểu học Phú Kiết và Trường mầm non Phú Kiết. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

- Đường xã: có 10 tuyến với chiều dài 20.375 m, đã được cứng hóa 100%.

- Đường ấp và đường liên ấp: có 05 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 4.640 m. Đã được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường dân sinh:có 16 tuyến đường dân sinh với tổng chiều dài 11.200/11.200 m, không lầy lội vào mùa mưa, trong đó cứng hóa đạt chuẩn 100%.

**Văn hóa:**

Xã đã xây dựng Nhà văn hóa đa năng với diện tích trên 500 m2 địa điểm tại ấp Phú Lợi A. Hội trường nhà văn hóa đa năng: có sức chứa trên 200 chỗ ngồi.

Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp, liên ấp được cung cấp và trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, như bàn, ghế, tượng Bác, bục phát biểu, phông màn, loa máy, sách báo, bàn bóng bàn,… Các thiết chế văn hóa của xã hoạt động có hiệu quả đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện thể dục thể thao cho người dân trên địa bàn.

**Du lịch**:

Xã có Bia đào kênh/kinh Bảo Định được tạo tác năm 1819 dưới thời vua Gia Long nên thu hút các nhà nghiên cứu và những người yêu thích lịch sử đến tham quan.

**Thể thao**:

Diện tích đất quy hoạch khu thể thao (chưa tính diện tích sân bóng đá của xã) với tổng diện tích 1.500m2: gồm sân bóng chuyền, cầu lông, sân bóng đá mini, sân tập thể dục dưỡng sinh tại Nhà văn hóa xã và Nhà văn hóa các ấp. Trung tâm văn hóa thể thao xã có đủ dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Xã có 1 sân bóng đá lớn diện tích là 7.350m2; địa điểm tại ấp Phú Lợi A.

**Tổng số liệt sĩ**: 251 người.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 47 Bà mẹ.

**14.** **Xã Quơn Long**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**:

Địa danh Hán Việt:

光 Quang (Quơn): Sáng đẹp, rực rỡ

隆 Long: Hưng thịnh

光隆社 Quơn Long Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Quơn Long nằm về phía Đông Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Tân Thuận Bình; phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo; phía Bắc giáp với tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1.330,22ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: Quang Thọ, Quang Phú, Quang Ninh, Quang Khương, Long An, Long Hòa, Long Hiệp.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Quơn thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1878, làng Bình Long được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của làng Bình Phục Nhứt; từ năm 1900, hai làng Bình Quơn và Bình Long thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Bình Quơn và Bình Long thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hợp nhất hai làng Bình Quơn và Bình Long lấy tên là làng Quơn Long, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Quơn Long thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Quơn Long thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số**: 10.415 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Chủ yếu là nông nghiệp: Trồng chuyên canh cây thanh long. Năm 2021, toàn xã có 1.987 hộ dân trồng thanh long với diện tích là 1.057 ha, trong đó có 352,57 ha được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP.

**Giáo dục**:

Xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Quơn Long, Trường tiểu học Quơn Long và Trường mầm non Quơn Long. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế**:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Đi qua xã có Đường tỉnh 879D, Đường huyện 25, Đường huyện 26/3, Đường huyện 26C. Các tuyến đường xã, đường liên ấp đã được nhựa hóa, bê-tông hóa đạt 100%.

Trên địa bàn xã có 40 tuyến kênh chiều dài 51,107 km trong đó 03 tuyến kênh cấp 2 do huyện quản lý.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn quy định; 08/08 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa hàng năm; có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh thất cao đài chơn lý Quơn Long, Đình văn hóa Quơn Long); có 2 con đường văn hóa (đường văn hóa trung tâm ấp Long Hiệp, đường văn hóa trung tâm ấp Long An). Hàng năm, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt từ 90% trở lên.

**Du lịch:**

 Xã có Di tích cách mạng Đài vô tuyến điện Xứ ủy Nam Bộ, tọa lạc tại ấp Quang Thọ. Hàng năm, di tích thu hút du khách đến tham quan.

**Thể thao**:

Toàn xã hiện có 01 khu thể thao tại Trung tâm văn hóa - thể thao xã, tọa lạc tại ấp Long Thạnh. Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 01 câu lạc bộ cờ tướng, 8/8 ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền,... Năm 2020, số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 4.116/10.415 đạt 39,52%, số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 837/2.929 đạt 28,58%.

**Tổng số liệt sĩ**: 265 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 69 Bà mẹ.

**15**. **Xã Song Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

双 Song : Song song

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

双平社 Song Bình Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Song Bình nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Long Bình Điền, xã Đăng Hưng Phước; phía Tây giáp xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho; phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã Mỹ Phong, xã Thanh Bình.

**Diện tích tự nhiên:** 1.230,54 ha.

**Hình chính:**

Xã Song Bình có 7 ấp: Bình Long, Bình An, Bình Thuận, Bình Hòa A, Bình Hiệp, Bình Hòa B và Tân Tỉnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Hài và Bình Thời thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, thôn Bình Thời được đổi tên thành thôn Bình Thạnh vì kỵ úy của vua Tự Đức: Nguyễn Phúc Thời (Nguyễn Phúc Hồng Nhậm).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Bình Hài và Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hợp nhất hai làng Bình Hài và Bình Thạnh lấy tên là làng Song Bình, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Song Bình thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Song Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số :** 8.116 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60,62 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

**Là xã thuần nông, xã Song Bình quan tâm phát huy thế mạnh trồng trọt theo hướng chuyển mạnh mẽ cây trồng, vật nuôi, tạo cơ cấu phù hợp, định hình những vùng sản xuất chuyên canh, giúp nông dân tăng thu nhập, ổn định cuộc sống và xây dựng nông thôn mới thành công. Từ định hướng trên, năm 2020, địa phương đã xây dựng được vùng trồng thanh long xuất khẩu gần 100 ha, trên 317 ha dừa chuyên canh và gần 200 ha bưởi da xanh. Đây là những cây trồng đặc sản được thị trường ưa chuộng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.**

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Song Bình và Trường mầm non Song Bình đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

**Giao thông:**

Chủ yếu là giao thông đường bộ kết nối với các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện và các tuyến Đường xã, liên ấp, tạo nên hệ thống giao thông xuyên suốt, hoàn chỉnh. Năm 2020, toàn xã có 24,3 km tuyến đường giao thông nông thôn được trải nhựa, đổ đá xanh, bê tông dài 11,4 km, đảm bảo tốt việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

**Văn hóa:**

Năm 2018, xã Song Bình đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa các ấp, 01 ngôi đình, 2 chùa, 1 thánh thất, 1 chi hội đạo Tin lành, 1 ngôi miếu, 1 di tích lịch sử cấp tỉnh là Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn. Hàng năm, có trên 98% số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

**Du lịch:**

Xã có 1 di tích lịch sử cấp tỉnh là Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn xã Song Bình, thu hút đông đảo du khách, học sinh, sinh viên đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao với các sân bóng chuyền, cầu lông, các sân bóng đá mini của tư nhân, đảm bảo nhu cầu tập luyện thể thao cho nhân dân.

**Tổng số liệt sĩ**: 326 liệt sĩ

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng** : 34 Bà mẹ.

**16.** **Xã Tân Bình Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新平盛社 Tân Bình Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Bình Thạnh nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Trung Hòa và xã Mỹ Tịnh An; phía Nam giáp xã Mỹ Tịnh An và tỉnh Long An; phía Bắc giáp xã Trung Hòa và tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1126,85 ha.

**Hành chính:**

Xã có 4 ấp: Tân Mỹ, Nhựt Tân, Bình Cách và Song Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có bốn thôn Tân Thạnh, Bình Cách, Thạnh Mỹ và Nhựt Tân, thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Song Thạnh (do hai thôn Tân Thạnh và Thạnh Mỹ hợp nhất), Bình Cách và Nhựt Tân, thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Song Thạnh, Bình Cách và Nhựt Tân thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Cách và Song Thạnh hợp nhất lấy tên là làng Bình Thạnh, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, sáp nhập hai làng Nhựt Tân và Bình Thạnh lấy tên làng Tân Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Bình Thạnh thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.014 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 55 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Đời sống kinh tế của nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), tỷ lệ nhân dân tham gia các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ còn ít, nhưng cũng không hoàn toàn thoát khỏi sản xuất nông nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Bình Thạnh, Trường tiểu học Tân Bình Thạnh và Trường trung học cơ sở Tân Bình Thạnh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

**Giao thông:**

Xã Tân Bình Thạnh có 2 tuyến Đường tỉnh 878B và 879B đi qua, có 4 tuyến đường xã với tổng chiều dài 9,055 km, 13 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 18,5 km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa, 7 tuyến đường dân sinh dài 6,3 km được cán bê tông xi măng đạt 100%.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa các ấp; có 4/4 Ấp văn hóa và được công nhận xã văn hóa nông thôn mới vào năm 2015, hàng năm có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, qua bình xét có từ 95% hộ trở lên đạt tiêu chuẩn.

**Du lịch:**

Xã chưa có khu du lịch.

**Thể thao:**

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao với các sân bóng chuyền, cầu lông, các sân bóng đá mini của tư nhân, đảm bảo nhu cầu tập luyện thể thao cho nhân dân.

**Tổng số liệt sĩ**: 249 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 62 Bà mẹ.

**17. Xã Tân Thuận Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

順 Thuận: Thuận theo, suôn sẻ

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

新順平社 Tân Thuận Bình Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Thuận Bình nằm về phía Bắc của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Quơn Long, phía Tây giáp xã Đăng Hưng Phước, phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo, phía Bắc giáp xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên**: 1.225,72 ha.

**Hành chính:**

Xã có 10 ấp: Tân Hòa, Tân Thành, Tân Đông, Tân Thắng, Tân Hưng, Tân Phú 1, Tân Phú 2, Tân Bình 1, Tân Bình 2A và Tân Bình 2B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hóa và Thuận Hòa thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Tân Hòa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Tân Hóa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Tân Thuận Bình, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thuận Bình thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Thuận Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số**: 11.081 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 62,30 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân đầu tư sản xuất nông nghiệp, phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã. Từ năm 2010, người dân trong xã đã chuyển từ trồng nếp bè sang cây thanh long. Năm 2021, diện tích cây thanh long trên địa bàn xã hiện có là 712 ha, được công nhận tiêu chuẩn VIETGAP là 289,66 ha.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Thuận Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thuận Bình (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Tân Thuận Bình.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% (2020).

**Giao thông:**

 Địa bàn xã có tuyến tránh Quốc lộ 50, Đường tỉnh 879D và tuyến kênh Chợ Gạo đi qua rất thuận lợi cho giao thương, hàng hóa phát triển kinh tế địa phương. Năm 2021, toàn xã có 10 tuyến đường xã với tổng chiều dài 24,237 km, 04 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 4,070 km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới và có 10 tuyến đường dân sinh dài 2,543 mét, được trải bê tông, đạt 72,4% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Văn hóa:**

Năm 2018 xã được đầu tư xây dựng 01 Trung tâm văn hóa - thể thao đặt tại Ủy ban Nhân dân xã và 02 Nhà văn hóa liên ấp đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu hưởng thu văn hóa của nhân dân.

**Du lịch:**

Di tích Gò Thành thuộc nền văn hóa Óc Eo, tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 10km về hướng Đông - Đông Bắc.

Năm 1994, di tích khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

**Thể thao:**

Phong trào thể dục - thể thao được nhân dân thực hiện thường xuyên, vào các dịp lễ như Quốc khánh 02/9, 30/4,... đều có tổ chức thi đấu thể thao, đồng thời vào các dịp Tết Nguyên đán đều có đăng ký tham gia các môn thể thao do huyện tổ chức.

Xã có sân bóng đá diện tích 4.800m2 tọa lạc tại ấp Tân Thành, đảm bảo phục vụ nhu cầu thể dục thể thao của nhân dân trên địa bàn xã.

**Tổng số liệt sĩ**: 228 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 45 Bà mẹ.

**18**. **Xã Thanh Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

清 Thanh: Trong sạch

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

清平社 Thanh Bình Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thanh Bình nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo; xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Phú Kiết, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; phía Bắc giáp xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:** 1.399,60 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Trường Xuân A, Bình Phú, Bình Long, Trường Xuân B, Đăng Phong, Thạnh Đăng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Thanh Xuân và Bình Dương thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Thanh Xuân và Bình Dương thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng này hợp nhất lấy tên là làng Thanh Bình, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Thanh Bình thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Thanh Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Xã được tuyên dương danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.  Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.078 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 48 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã Thanh Bình vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; trong đó, tập trung chuyển đổi từ trồng lúa và nếp sang trồng cây thanh long, dừa và các loại rau màu,… cho thu nhập cao hơn cây lúa, nếp từ 2 đến 3 lần. Ngoài ra, xã còn chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thanh Bình, Trường tiểu học Thanh Bình, Trường trung học cơ sở Thanh Bình (cả trường đều đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

**Giao thông:**

Trên địa bàn xã có 18 tuyến đường giao thông do xã quản lý, chiều dài 27,501 km được nhựa hóa toàn bộ, đạt tỷ lệ 100%.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Xã được công nhận Xã văn hóa, 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 96% hộ được công nhận gia đình văn hóa (2020).

**Du lịch:**

Xã có các di tích lịch sử, như Chiến thắng ở Ruộng Gò, chiến thắng Bảy Dũng sĩ xóm Ao... thu hút du khách, nhất là học sinh, sinh viên, đến tham quan dưới hình thức du lịch “Về nguồn”.

**Thể thao:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào toàn dân tham gia tập luyện thể dục - thể thao ngày càng phát triển.

**Tổng số liệt sĩ:** 487 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 74 Bà mẹ.

**19.** **Xã Trung Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

忠 Trung: Trung thành

和 Hòa: Hòa hợp, hòa thuận

忠和社 Trung Hòa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Trung Hòa có vị trí nằm về phía Tây Bắc của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, xã Tân Hương, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long An và xã Hoà Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên**: 1.079,35 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Trung Lợi, Trung Chánh, Phú Hòa, Trung Hòa và Trung Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Trung và Phú Hòa thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Trung Lộc (do Bình Trung đổi tên) và Phú Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, hai thôn Trung Lộc và Phú Hòa hợp nhất thành thôn Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Trung Hòa thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 7.338 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Có trên 80% người dân sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, cây thanh long, cây dừa, cây ăn trái (bưởi, chanh),… chăn nuôi gia súc, gia cầm); còn lại hoạt động trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán theo hướng nhỏ lẻ.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Trung Hòa, Trường tiểu học Trung Hòa (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020)..

**Giao thông:**

Qua xã có Đường tỉnh 878B và 879, Đường huyện 29 và 30.

Đường xã có 08 tuyến, được trải nhựa, chiều dài 11,7 km.

Đường trục ấp có 10 tuyến, chiều dài 13,4km, đều được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ngõ, xóm có 04 tuyến dài 4,3km , sạch và không lầy lội vào mùa mưa: đạt 100% cứng hóa.

Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Xã được công nhận Xã văn hóa, 5/5 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 95,5% hộ được công nhận gia đình văn hóa (2020).

**Du lịch:**

Xã thuộc vùng nông thôn nên về du lịch chưa phát triển.

**Thể thao:**

- Xã có 01 sân vận động với diện tích trên 5.000m2, 02 sân bóng mi ni.

- Trung tâm văn hóa - thể thao xã có đủ các trang thiết bị tập luyện thể dục – thể thao.

**Tổng số liệt sĩ:** 195 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 39Bà mẹ.

**20.** **Xã Xuân Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

春 Xuân: Mùa xuân

東 Đông: Phía đông.

春東社 Xuân Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Xuân Đông nằm về phía Nam của huyện Chợ Gạo; phía đông giáp xã Hòa Định; phía Tây và phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp kênh/kinh Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên**: 1.514,64 ha.

**Hành chính**:

Xã có 6 ấp: Tân Thạnh, Tân Thuận, Tân Ninh, Tân Hòa, An Lạc Trung, An Lạc Thượng

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Xuân và Tân Tĩnh thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông hợp nhất lấy tên là làng Xuân Đông, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Xuân Đông thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Xuân Đông thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số**: 8.977 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 57,76 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Có trên 80% người dân sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp (chủ lực là cây dừa và cây mai vàng,… chăn nuôi gia súc, gia cầm); số người làm tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán chiếm tỷ lệ nhỏ.

**Giáo dục**:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Xuân Đông, Trường tiểu học Xuân Đông, Trường trung học cơ sở Xuân Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020).

**Giao thông**:

Xã Xuân Đông nằm trên các trục giao thông thủy bộ quan trọng của huyện như: Đường huyện 24, kênh Chợ Gạo thuận lợi trong việc đi lại và giao thương hàng hóa.

Xã có 5 tuyến đường xã, chiều dài 9,6km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa, bê tông xi măng đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 7 tuyến đường ấp, chiều dài trên 11km cũng được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa, bê tông xi măng, cấp phối đá dăm; 12 tuyến đường dân sinh, chiều dài trên 8km được cán xi măng và trải.

**Văn hóa**:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%. Năm 2021, xã có 2.452/2.562 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt 95,7%. Có 6 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa” liên tục từ 05 năm trở lên, chiếm tỷ lệ 100%.

**Du lịch:**

Định hướng phát triển du lịch vườn mai và du lịch tâm linh trên địa bàn xã với Niệm Phật đường Liên Hoa - Quan âm Phật đài,…

**Thể thao:**

Xã có nhà văn hóa, có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định, tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

**Tổng số liệt sĩ:** 109 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 18 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

**Quốc lộ 50**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

**\* Tỉnh lộ:**

**1. Đường tỉnh 877**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877).

Đường tỉnh 877, có số hiệu đường bộ ĐT.877; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Phường 5 và xã Long Hòa, thị xã Gò Công); điểm cuối: Kênh Chợ Gạo - Bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 29,734 km.

2. **Đường tỉnh 877B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877B).

Đường tỉnh 877B, có số hiệu đường bộ ĐT.877B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp Biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 39,258 km.

3. **Đường tỉnh 878B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878B).

Đường tỉnh 878B, có số hiệu đường bộ ĐT.878B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879B (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 8,700 km.

4. **Đường tỉnh 878C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878C).

Đường tỉnh 878C, có số hiệu đường bộ ĐT.878C; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879 (Chợ Bến Tranh, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 1,293 km.

5. **Đường tỉnh 879**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879).

Đường tỉnh 879, có số hiệu đường bộ ĐT.879; điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 15,358 km.

6. **Đường tỉnh 879B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879B).

Đường tỉnh 879B, có số hiệu đường bộ ĐT.879B; điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 13,434 km.

7. **Đường tỉnh 879C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879C).

Đường tỉnh 879C, có số hiệu đường bộ ĐT.879C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 6,590 km.

8. **Đường tỉnh 879D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879D).

Đường tỉnh 879D, có số hiệu đường bộ ĐT.879D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (cầu Rạch Tràm, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 10,648 km.

\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Chợ Gạo:

Đường huyện:

**1. Đường huyện 22**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (22).

Đường huyện 22 có số hiệu đường bộ ĐH.22; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Đường 30 tháng 4, thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Đường tỉnh 877E (xã Bình Phục Nhứt); chiều dài: 6,179 km.

**2. Đường huyện 23**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23).

Đường huyện 23 có số hiệu đường bộ ĐH.23; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Đường 30 tháng 4, thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Cầu Hòa Định - kênh Xuân Hòa (xã Hòa Định); chiều dài: 3,450 km.

**3. Đường huyện 23B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 23B có số hiệu đường bộ ĐH.23B; điểm đầu: Đường huyện 23 (xã Hòa Định); điểm cuối: Cầu Ngang Thạnh Nhựt, ranh huyện Chợ Gạo và huyện Gò Công Tây; chiều dài: 7,685 km.

**4. Đường huyện 23C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 23C có số hiệu đường bộ ĐH.23C; điểm đầu: Cầu Hòa Định (xã Hòa Định); điểm cuối: cống Vàm Giồng, xã Bình Ninh); chiều dài: 10,369 km.

**5. Đường huyện 24**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24).

Đường huyện 24 có số hiệu đường bộ ĐH.24; điểm đầu: Đường huyện 23 (xã Hòa Định); điểm cuối: Đường Lộ Vàm (xã Xuân Đông); chiều dài: 6,722 km.

**6. Đường huyện 24B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 24B có số hiệu đường bộ ĐH.24B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Song Bình); điểm cuối: Giáp ranh thành phố Mỹ Tho (xã Song Bình); chiều dài: 6,722 km.

**7. Đường huyện 24C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 24C có số hiệu đường bộ ĐH.24C; điểm đầu: Công viên Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền); chiều dài: 3,456 km.

**8. Đường huyện 25**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (25).

Đường huyện 25 có số hiệu đường bộ ĐH.25; điểm đầu: Đường Dương Văn Khoa (thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Ranh xã Đồng Sơn (xã Quơn Long); chiều dài: 9,014 km.

**9. Đường huyện 25C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (25) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 25C có số hiệu đường bộ ĐH.25C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình); điểm cuối: Đường huyện 26 (xã Tân Thuận Bình); chiều dài: 3,475 km.

**10. Đường huyện 26**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) .

Đường huyện 26 có số hiệu đường bộ ĐH.26; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường tỉnh 879D (xã Quơn Long); chiều dài: 7,769 km.

**11. Đường huyện 26B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 26B có số hiệu đường bộ ĐH.26B; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Giáp ranh thành phố Mỹ Tho (xã Song Bình); chiều dài: 5,136 km.

**12. Đường huyện 26C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 26C có số hiệu đường bộ ĐH.26C; điểm đầu: Đường huyện 25 (xã Tân Thuận Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879D (xã Quơn Long); chiều dài: 5,136 km.

**13. Đường huyện 27**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27).

Đường huyện 27 có số hiệu đường bộ ĐH.27; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); chiều dài: 4,350 km.

**14. Đường huyện 27B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 27B có số hiệu đường bộ ĐH.27B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền); điểm cuối: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); chiều dài: 6,276 km.

**15.Đường huyện 27C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 27C có số hiệu đường bộ ĐH.27C; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường huyện 24B (xã Song Bình); chiều dài: 5,189 km.

**16. Đường huyện 27D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 27D có số hiệu đường bộ ĐH.27D; điểm đầu: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường huyện 24B (xã Song Bình); chiều dài: 4,650 km.

**17. Đường huyện 27E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 27E có số hiệu đường bộ ĐH.27E; điểm đầu: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: 24B (xã Song Bình); chiều dài: 5,443 km.

**18. Đường huyện 28**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28).

Đường huyện 28 có số hiệu đường bộ ĐH.28; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Lương Hòa Lạc); chiều dài: 5,633 km.

**19. Đường huyện 28B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 28B có số hiệu đường bộ ĐH.28B; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Phú Kiết); chiều dài: 6,559 km.

**20. Đường huyện 28C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 28C có số hiệu đường bộ ĐH.28C; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Tịnh An); điểm cuối: Cầu Bà Thẻ (xã Mỹ Tịnh An); chiều dài: 5,500 km.

**21. Đường huyện 29**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (29).

Đường huyện 29 có số hiệu đường bộ ĐH.29; điểm đầu: Đường tỉnh 878B (xã Tân Bình Thạnh); điểm cuối: Cầu Phú Trung (xã Trung Hòa); chiều dài: 3,610 km.

**22. Đường huyện 30**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (30).

Đường huyện 30 có số hiệu đường bộ ĐH.30; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Tân Bình Thạnh); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Trung Hòa); chiều dài: 7,641 km.

**23. Đường huyện 30B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (30) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 30B có số hiệu đường bộ ĐH.30B; điểm đầu: Đường đan đội 2, ấp Hòa Quới (xã Hòa Tịnh); điểm cuối: Cầu Hộ Tài, ranh huyện Châu Thành (xã Hòa Tịnh); chiều dài: 5,678 km.

**24. Đường huyện 12**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12).

Đường huyện 12 có số hiệu đường bộ ĐH.12; điểm đầu: Cầu Ngang Thạnh Nhựt, ranh huyện Gò Công Tây (xã Bình Ninh); điểm cuối: Đường tỉnh 877 (xã Bình Ninh); chiều dài: 0,858 km (nối Đường huyện12 Gò Công Tây ).

**Đường phố:**

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

**1. Đường 3-2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (3-2).

Sự kiện lịch sử:

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã chủ động tổ chức và chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng, Trung Quốc

Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) soạn thảo: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản. Hội nghị thông qua lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến đồng bào, đồng chí trong cả nước nhân dịp thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như là một Đại hội thành lập Đảng. Những văn kiện được thông qua tại Hội nghị hợp nhất chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam - theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, là sự kiện gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này.

Đường 3-2có điểm đầu: Ngã năm vòng xoay; điểm cuối: cầu Chợ Gạo (dây văng); chiều dài: 1,650 km; chiều rộng: 22,5 m.

2. **Đường 30 - 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh “Độc Lập”, tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ quân chủ ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30 - 4có điểm đầu: cầu Chợ Gạo (dây văng); điểm cuối: cầu sắt Bình Phan; chiều dài: 1,842 km; chiều rộng: 22,5 m.

**3. Đường Lê Thị Lệ Chi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Lệ Chi)

Tiểu sử danh nhân:

# LÊ THỊ LỆ CHI

# (1941 – 1972)

Lê Thị Lệ Chi sinh năm 1941 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình truyền thống cách mạng.

Căm thù bọn giặc dày xéo quê hương và giết chết người chồng thân yêu, năm 1961, bà tham gia cách mạng; và tuy con hãy còn nhỏ, nhưng bà vẫn hăng hái đi đầu trong các cuộc đấu tranh chính trị, tải đạn, tải thương,... Sau đó, bà được tổ chức cho đi học cứu thương rồi y tá, công tác tại trạm y tế xã. Với sự chăm chỉ, cần cù, tay nghề của bà ngày càng tiến bộ, phục vụ tốt việc điều trị cho thương binh và chữa bệnh cho nhân dân trong xã và các vùng phụ cận. Ngoài ra, bà còn trực tiếp đào nhiều hầm bí mật để che giấu thương binh, tránh sự phát hiện của địch.

Cuối năm 1969, bà được cấp trên cử đi học y sĩ ở vùng căn cứ giáp giới Campuchia thuộc tỉnh An Giang. Cuối năm 1971, mãn khóa học, bà trở về tỉnh nhà chờ phân công nhiệm vụ. Lúc này, người cha của bà đang công tác tại cơ quan hậu cần Tỉnh đội đã lớn tuổi, hai người em trai, một mới vừa hy sinh, một bị thương nặng; hơn nữa, chiến trường Chợ Gạo đang hồi rất gay go, địch đánh phá vô cùng ác liệt; nên tổ chức định điều bà về công tác ở Bệnh xá quân y tỉnh. Thế nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, bà vẫn nhất quyết xin về huyện nhà công tác, dù biết sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Trở về Chợ Gạo, bà được cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ phụ trách Trạm xá dân y huyện đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Tại đây, trong điều kiện thuốc men, y cụ còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ thầy thuốc ít ỏi, mật độ bom pháo dầy đặc và địch thường xuyên càn quét; nhưng bà đã cùng với một đồng đội là nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến ra sức khắc phục khó khăn, hết lòng điều trị, chăm sóc hàng chục thương binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào địa hình của khu vực trạm xá. Sau khi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, bà mới cùng người đồng đội của mình xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất, gữ vững khí tiết của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến rạng sáng ngày 16- 4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường có điểm đầu: giao với đường 30-4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Đắc Thắng; chiều dài: 0,445 km; chiều rộng: 16 m.

**4. Đường Trương Thành Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Thành Công).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG THÀNH CÔNG**

**(1952 – 1973)**

Trương Thành Công, tên thật là Trương Thành Chơi, sinh năm 1952 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1969, ông tham gia lực lượng An ninh vũ trang huyện Chợ Gạo. Tháng 8-1970, ông được cấp trên điều về Đội An ninh vũ trang chuyên trách bảo vệ Tỉnh ủy thuộc Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ông đã cùng đồng đội dũng cảm, mưu trí đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét ác liệt của địch vào căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đặt tại Long Tiên (huyện Cai Lậy), bảo vệ tuyệt đối an toàn cán bộ và cơ quan Tỉnh ủy.

Tháng 5-1971, địch tung 8 đại đội địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường và 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có phi pháo, máy bay yểm trợ, tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Trước tình hình đó, ông cùng với đơn vị liên tục đánh chặn các mũi tiến công của quân địch. Sau 10 ngày đêm không thực hiện được ý định, địch buộc phải rút quân.

Tháng 7-1971, địch sử dụng 1 tiểu đoàn đánh vào căn cứ Tỉnh ủy. Đơn vị nhanh chóng đưa cán bộ Tỉnh ủy đi sơ tán. Theo sự phân công của cấp trên, ông cùng 2 đồng đội ở lại bám trụ đánh địch. Suốt 23 ngày đêm, tổ chiến đấu do ông chỉ huy diệt 83 tên địch, riêng ông diệt và làm bị thương 45 tên, bẻ gãy cuộc tấn công của địch.

Tháng 12-1971, địch đưa 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có chỉ điểm dẫn đường, bất ngờ tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Ông và cùng với đơn vị anh dũng chiến đấu suốt 1 tháng, đánh bại các cuộc tấn công của địch, diệt 14 tên.

Tháng 4-1973, địch càn vào căn cứ, ông và đơn vị chiến đấu, diệt gần 100 tên, bảo vệ an toàn cho cán bộ và giữ vững địa bàn.

Ngày 9-5-1973, trong một trận đánh quyết liệt với địch, ông bị thương nặng và không may sa vào tay giặc. Địch tra tấn ông rất dã man hòng khai thác tin tức. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất, quyết giữ bí mật của tổ chức. Bất lực, địch đã giết hại ông.

Trong quá trình công tác và chiến đấu, ông được khen thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì, 1 Huy chương Giải phóng hạng Nhì, 1 giấy chứng nhận Dũng sĩ Quyết thắng hạng Nhì và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 24-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông - Trương Thành Công - được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Thành Công có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: Cuối khu dân cư; chiều dài: 0,520 km; chiều rộng: 12 m.

**5. Đường Trần Văn Hiển**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hiển).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN VĂN HIỂN**

**(1900 – 1945)**

Trần Văn Hiển còn được gọi là Trần Vinh Hiển, sinh năm 1900 tại làng Tân Thuận Bình, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông xuất thân trong một gia đình nhân sĩ yêu nước nổi tiếng. Thân sinh của ông là Trần Văn Hoài (Hương trưởng Hoài) vừa trực tiếp tham gia vừa có nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng.

Năm 1925, ông sang Pháp du học. Lúc ấy, cha của ông có sáng tác một bài thơ, nhắn nhủ ông hãy làm tròn trách nhiệm của người trí thức yêu nước đối với Tổ quốc:

*Ba bảy muôn trùng lướt dặm khơi,*

*Đưa con đi học dặn đôi lời.*

*Bạc đầu chẳng tiếc công dời núi,*

*Xanh tóc đừng nao sức vá trời.*

*Đến nước thôi thời liều với nước,*

*Ở đời ai nỡ phú cho đời.*

*Đã sanh trách nhiệm làm nam tử,*

*Gánh vác cho đời há phải chơi.*

Ở Pháp, ông tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và trí thức, nên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1926.

Năm 1935, ông trở về nước; rồi lập ra nhà hàng “*Đêm Thanh*”, nhằm hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng và kinh doanh, tạo nguồn tài chính cho Đảng.

Năm 1940, ông tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Chợ Gạo; và nghĩa quân đã chiếm được một số xã. Nhưng sau đó, thực dân pháp tiến hành đàn áp khốc liệt và cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Vì thế, ông rút vào hoạt động bí mật tại Sài Gòn và Mỹ Tho.

Năm 1943, tại hội nghị Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại nhà của cha ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo), ông được bầu là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ. Từ đây, ông cùng với tập thể Xứ ủy ra sức hoạt động nhằm khôi phục phong trào cách mạng ở Nam kỳ.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với các vị trong Tỉnh ủy Mỹ Tho lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh giành được thắng lợi rực rỡ. Sau đó, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho. Ở cương vị này, ông tích cực chỉ đạo công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 24 - 10 - 1945, ông đã anh dũng hy sinh khi thực dân Pháp xua quân tấn công trụ sở Ủy ban Cách mạng tỉnh. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Hiển có điểm đầu: giao với đường Nguyễn Hữu Huân; điểm cuối: giao với đường Dương; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 16 m.

**6. Đường Nguyễn Hữu Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HỮU HUÂN**

**(1830- 1875)**

Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu.*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Hữu Huân có điểm đầu: Ngã năm vòng xoay; điểm cuối: cầu Bình Phan; chiều dài: 3,7 km; chiều rộng: 46 m.

**7. Đường Nghĩa Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh Hán Việt (Nghĩa: : Nghĩa khí, lẽ phải, việc làm vì lợi ích chung ; Hưng: : Hưng thịnh).

Đường Nghĩa Hưng có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: Giáp cuối khu dân cư; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

**8. Đường Dương Khuy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Dương Khuy).

Tiểu sử danh nhân:

**DƯƠNG KHUY**

**(1910 – 1946)**

Dương Khuy sinh năm 1910 tại làng An Thạnh Thủy, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình Nho học yêu nước.

Từ thuở thiếu niên, được các nhà yêu nước tiền bối, như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Vĩnh Hoài (Hương trưởng Hoài) hết lòng chăm sóc, giáo dục, nên ông sớm có ý thức đấu tranh chống áp bức, bóc lột, giành độc lập, tự do cho đất nước và đồng bào. Vì thế, ông đã từng tham gia tổ chức Thanh niên Cao vọng do nhà yêu nước Nguyễn An Ninh sáng lập.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, được tổ chức phân công hoạt động ở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại đây, ông đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Giồng Trôm trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931. Tháng 4 - 1932, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam); hoạt động tại các xã Lương Quới, Bình Hòa, Bình Thành thuộc huyện Giồng Trôm.

Năm 1933, ông bị địch bắt trên đường công tác tại Châu Bình. Tòa án thực dân kết án ông 4 năm tù và 10 năm biệt xứ. Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với lý tuởng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp của Đảng.

Cuối năm 1936, mãn hạn tù, ông đến cư trú và hoạt động tại làng Long Hưng, một địa phương có phong trào cách mạng phát triển rất mạnh của huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Nhưng chỉ một năm sau, ông bị địch bắt trở lại; và phải chịu án 2 năm tù. Không khuất phục được ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, đến cuối năm 1939, địch buộc phải thả ông ra tù. Ngay sau đó, ông tìm cách móc nối với các cơ sở cách mạng, hoạt động trở lại.

Năm 1940, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kì, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Chợ Gạo. Đến trước cuộc khởi nghĩa nổ ra, ông bị địch bắt lần thứ ba; và lần này, chính quyền thực dân đày ông lên Tà Lài, chốn rừng thiêng nước độc thuộc vùng Đồng Nai Thượng, tỉnh Biên Hòa. Tại đây, ông sinh hoạt trong chi bộ Đảng của nhà tù, cùng với các nhà cách mạng nổi tiếng, như Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông, Tô Ký,…

Cuối năm 1941, để gầy dựng lại cơ sở cách mạng ở các địa phương sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp, ông cùng với hai người khác được chi bộ nhà tù tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục, tuy trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm, nhưng đã thành công. Ông lại trở về Mỹ Tho, bám dân và bắt tay vào việc xây dựng lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1943, ông được cấp trên chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến tháng 5-1943, làm Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam bộ (gồm các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long). Tháng 10-1943, theo đề nghị của ông, hội nghị bầu Ban cán sự Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị đề ra phương hướng hành động trước mắt và chuẩn bị tư thế để khi nhận được nghị quyết và tài liệu của Trung ương thì có hành động nhất quán. Tại hội nghị, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với cương vị là Bí thư Liên tỉnh ủy và trực tiếp phụ trách tỉnh Mỹ Tho, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở các tỉnh thuộc vùng trách nhiệm của mình, nhất là các cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quán triệt Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ông đã triệu tập Ban Cán sự Tỉnh ủy Mỹ Tho nhằm đề ra những chủ trương cần kíp trong việc phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 15-5-1945, tại Hội nghị Tỉnh ủy được tổ chức ở xã Trung An (nay thuộc TP Mỹ Tho), ông được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy. Tại hội nghị, Tỉnh ủy chủ trương tập trung khôi phục nhanh các cơ sở Đảng, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đón thời cơ và chớp thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 17-8-1945, ông chủ trì Hội nghị Tỉnh ủy về việc phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị nhất trí nhận định thời cơ cách mạng đã chín muồi và quyết định phát lệnh khởi nghĩa với phương châm nơi nào có lực lượng mạnh, địch yếu thì khởi nghĩa trước, nơi nào lực lượng ta còn yếu thì khởi nghĩa sau, quyết phải giành cho được chính quyền về tay nhân dân.

Ở thị xã Mỹ Tho, các điều kiện khởi nghĩa có nhiều thuận lợi hơn các nơi khác, lại là nơi đầu não chính trị của địch trong toàn tỉnh, nên Tỉnh ủy quyết định chọn thị xã Mỹ Tho khởi nghĩa trước để lấy đà và tạo điệu kiện thuận lợi cho các quận khởi nghĩa. Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở Mỹ Tho, lấy lực lượng của trường quân sự tại đình An Vĩnh, xã Long An làm lực lượng chủ công. Lúc bấy giờ, trường quân sự tỉnh sắp mãn khóa 2 với gần 100 học viên, được biên chế thành 3 trung đội do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy. Nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao là phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng nội ô đánh chiếm bằng được các cơ sở trọng yếu. 4 giờ sáng ngày 18-8-1945, lực lượng chủ công tiến vào thị xã bằng 2 chiếc xe đò hiệu Hữu Lợi. Đến đường Bourdais (nay là đường Hùng Vương) tách làm 2 cánh, một cánh do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy tiến chiếm trại lính người Việt; một cánh do đồng chí Hàng Nhật Nguyên chỉ huy tiến chiếm sở mật thám và sở cảnh sát. Các cánh quân đều được sự tiếp ứng của lực lượng tại chỗ và sự hướng dẫn của cơ sở nội ứng nên đã nhanh chóng làm chủ các mục tiêu đã định. Sau đó, quần chúng đánh chiếm các công sở còn lại, bao gồm Tòa bố (dinh tỉnh trưởng), Tòa án, Kho bạc,…Đến trưa cùng ngày, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho đã toàn thắng. Sau khi chiếm được Tòa bố và làm chủ các công sở, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy xúc tiến việc thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh và chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh lớn chào mừng cách mạng thành công. Ngay sau khởi nghĩa thắng lợi tại thị xã Mỹ Tho, các huyện trong tỉnh lần lượt giành được chính quyền.

Đêm 24-8-1945, ông chủ trì cuộc họp Tỉnh ủy được tổ chức tại Tòa bố Mỹ Tho để xác định cơ cấu chính quyền nhân dân của tỉnh, triển khai ngay việc tổ chức mit-tinh lớn tại sân vận động Mỹ Tho (nay là Tòa nhà Shophouse Vincom Mỹ Tho) để chào mừng thắng lợi của cách mạng và ra mắt chính quyền của nhân dân. Sáng ngày 25-8, một cuộc mít tinh lớn gồm hơn 30.000 người từ các địa phương đổ về sân vận động Mỹ Tho để chào mừng cách thắng lợi và chứng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

 Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai của bọn chúng. Đầu tháng 10-1945, quân Pháp đánh chiếm Mỹ Tho, ông rút vào hoạt động bí mật và cùng với Tỉnh ủy lãnh đạo và chỉ đạo nhân dân tỉnh Mỹ Tho tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, như củng cố cơ sở Đảng, tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng vùng căn cứ,…

Tháng 9-1946, quân Pháp hành quân càn quét vào xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; và do có mật thám chỉ điểm, nên bọn chúng đã bắt được ông trong lúc ông đang triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy tại Chợ Gạo.

Biết ông là cán bộ lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhà cầm quyền Pháp vừa bày trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn, đánh đập dã man hòng làm ông nhụt chí. Thế nhưng, ông vẫn giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Trước sau, ông chỉ nhận mình là nhà báo với tên giả là Trần Văn Khá. Tỉnh ủy Mỹ Tho đã nhiều lần tổ chức giải thoát cho ông; nhưng đều không thành. Nhận thấy không thể khuất phục được ông; nên vào cuối năm 1946, giặc Pháp đã hèn hạ xử bắn ông tại xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Ông đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, để lại bao niềm tíêc thương cho đồng bào, đồng chí. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Dương Khuy có điểm đầu: giao với đường Nguyễn Hữu Huân; điểm cuối: giáp với ranh xã Long Bình Điền; chiều dài: 1,150 km; chiều rộng: 16 m.

**9. Đường Nguyễn Đắc Thắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đắc Thắng).

Tiểu sử danh nhân:

## NGUYỄN ĐẮC THẮNG

**(1924 – 1983)**

Nguyễn Đắc Thắng tên thật là Nguyễn Văn Tấn, bí danh là Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1924 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng vào tháng 8-1945 tại Mỹ Phong trong lực lượng thanh niên tiền phong. Từ năm 1946, ông hoạt động trong phong trào thanh niên, giữ chức Xã đoàn phó rồi Xã đoàn trưởng xã Mỹ Phong. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ năm 1950-1954, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong Đảng, quân đội, chính quyền từ cấp huyện đến tỉnh.

Sau năm 1954, ông ở lại miền Nam công tác. Năm 1965, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban An ninh tỉnh (nay là Công an Tiền Giang). Dưới sự chỉ đạo của ông, các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc An ninh tỉnh được củng cố, bổ sung; đồng thời, công tác phân công cán bộ cũng được chỉnh đốn, các bộ phận điệp báo, bảo vệ chính trị được nâng chất. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chiến đấu trên địa bàn tỉnh nhà, theo yêu cầu của An ninh Trung ương Cục miền Nam, ông và ban lãnh đạo an ninh tỉnh đã trích xuất, đưa về trên 2 đại đội an ninh vũ trang, góp phần xây dựng lực lượng an ninh vũ trang toàn Miền ngày càng lớn mạnh.

Giữa năm 1966, ông được Tỉnh ủy phân công về hoạt động ở Gò Công. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Gò Công bị địch đánh phá vô cùng ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn kiên trì bám chặt cơ sở, xây dựng mạng lưới an ninh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công tác chống phá bình định mà địch đang ráo riết tiến hành ở địa bàn này.

Tháng 8-1968, Tỉnh ủy Gò Công chính thức được tái lập, ông được cử làm Phó bí thư Tỉnh ủy. Tháng 6-1969, ông được Khu ủy Khu 8 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Sau đó, ông chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy nhằm đề ra các phương châm, phương thức công tác phù hợp với từng vùng địa bàn. Theo đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy, chi bộ tổ chức bám trụ địa bàn; cán bộ, du kích bám trụ trong dân, xây dựng thế tiến công mới, sẵn sàng thực hiện các đợt tấn công theo kế hoạch hiệp đồng của cấp trên. Nhờ vậy, cuộc chiến đấu của quân dân Gò Công vượt qua những khó khăn, thử thách, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Tháng 8-1971, ông chủ trì hội nghị quán triệt Chỉ thị 01/71 của Trung ương Cục do Tỉnh ủy tổ chức, nhằm chuyển hướng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động, xúc tích chuẩn bị lực lượng, tiếp tục chống phá kế hoạch bình định mới của địch. Từ đó, ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở lớp huấn luyện Võ Duy Linh để đào tạo chi ủy viên cho các chi bộ cơ sở; đồng thời, chấn chỉnh lại bộ máy lãnh đạo, tổ chức thành 4 ban cán sự vùng và ban cán sự thị xã để đảm bảo tính gọn nhẹ, chỉ đạo cơ sở được sâu sát và kịp thời.

Liên tục trong hai tháng 3 và tháng 4-1972, dưới sự chủ trì của ông, Tỉnh ủy Gò Công tổ chức học tập Chỉ thị 13/71 và Chỉ thị 01/72 của Trung ương Cục, quán triệt quyết tâm tiến công địch, chống phá bình định cho tất cả cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng nòng cốt trong toàn tỉnh. Dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Gò Công anh dũng tiến công địch, giành được nhiều thắng lợi vang dội, tiêu biểu là chiến thắng Đồng Sơn ngày 26 và 27-7-1972.

Sau khi hiệp định Paris được ký kết (27-01-1973), ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho lực lượng vũ trang của tỉnh kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của quân đội Sài Gòn. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1973, ông chủ trì hội nghị của Tỉnh ủy về việc học tập và thảo luận nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương Cục và của Khu ủy. Từ đó, nâng cao quyết tâm tiến công địch trên các mặt chính trị, quân sự, binh vận, kinh tế cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng trong tình hình mới. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển thuận lợi và mạnh mẽ.

Đầu tháng 4-1975, tình hình cách mạng miền Nam có chuyển biến mới vô cùng thuận lợi. Ngày 15-4-1975, ông chủ trì hội nghị Tỉnh ủy mở rộng. Tại hội nghị, ông đã báo cáo tình hình phát triển nhảy vọt của cách mạng, thời cơ để giải phóng miền Nam đã trở bên chín muồi hơn bao giờ hết; đồng thời, ông cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ tự lực giải phóng quê hương của Gò Công; và nhiệm vụ này được tiến hành theo phương châm tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiến tới xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng thực lực của lực lượng vũ trang tại chỗ và phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Với chức trách Bí thư Tỉnh ủy, ông và ông Tỉnh đội trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy thống nhất trên toàn chiến trường Gò Công.

Chiều ngày 29-4-1975, ông di chuyển sang mảng bắc Gò Công, họp với ban chỉ huy mảng để đẩy mạnh tiến công vào mục tiêu số 1: thị xã Gò Công. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, ngay sau khi tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện, ông đã kịp thời ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và chính trị tiến thẳng vào chiếm các điểm then chốt của địch, nhanh chóng giải phóng quê hương. 15 giờ cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên cột cờ trước dinh tỉnh trưởng và tòa hành chánh tỉnh Gò Công, báo hiệu tỉnh Gò Công đã được hoàn toàn giải phóng.

Sau ngày toàn thắng 30-4-1975, ông đã cùng với tập thể Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gò Công ra sức lãnh và chỉ đạo công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Năm 1976, hai tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và TP Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang. Lúc bấy giờ, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 1983, ông lâm trọng bệnh và qua đời. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn luôn thể hiện ý chí tiến công cách mạng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; mưu trí, sáng tạo, năng động, linh hoạt trong công tác lãnh đạo, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công, cùng với toàn miền tạo nên chiến thắng ngày 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Đắc Thắng có điểm đầu: giao với đường 30-4 ; điểm cuối: giáp với kinh/kênh Chợ Gạo; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 16 m.

**10. Đường Vương Đình Thống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Vương Đình Thống).

Tiểu sử danh nhân:

**VƯƠNG ĐÌNH THỐNG**

**(1916 – 1959)**

Vương Đình Thống, bí danh là Chánh Lý, sinh năm 1916 tại làng Hòa Định, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Sớm giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, ông tham gia hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám (1945) ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền; và được cấp trên phân công làm Trưởng Công an khu Chợ Thiết (nay thuộc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), chỉ huy các cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược và diệt ác trừ gian ở khu vực này.

Đầu năm 1946, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt. Tại bót mật thám Catinat (Sài Gòn), mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững ý chí cách mạng, một lòng trung thành với Đảng, cương quyết giữ bí mật của tổ chức.

Sau đó, địch đày ông lên Nhà giam tù binh Cẩm Giang (Tây Ninh). Nhà giam này nguyên là kho chứa cao su được khai thác từ các đồn điền có từ trước năm 1945. Sau đó, thực dân Pháp cải tạo lại và biến thành trại giam tù binh, gồm có 5 trại, mỗi trại chứa khoảng 400 tù binh. Đây là vùng “sơn lam chướng khí” sát với biên giới Campuchia. Mục đích của bọn chúng là lợi dụng điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, ăn uống thiếu thốn, nhất là bệnh sốt rét, để tận diệt tù binh.

Trong nhà giam, ông vẫn một mực trung kiên với cách mạng. Ít lâu sau, ông cùng với một số tù binh tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục trải qua nhiều gian khổ hiểm nguy. Ông và những người bạn tù phải chịu đựng những ngày dài đói khát, lạnh lẻo trong rừng sâu, lại phải đối đầu với cọp, voi, rắn rít,… và nhất là phải trốn lánh các toán lính đang truy lùng gắt gao. Nhưng cuối cùng, cuộc vượt ngục thành công. Ông lại tiếp tục hoạt động tại chiến khu Đ ở miền Đông Nam bộ. Tại đây, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ sản xuất vũ khí ở Binh công xưởng 48 Lý Chính Thắng.

Sau năm 1954, ông được điều động về công tác tại quê nhà. Để tạo thế hợp pháp trong hoạt động, ông làm nghề dạy học; và được các bậc cha mẹ học sinh hết lòng yêu mến, tin cậy.

Năm 1955, ông là Bí thư Chi đoàn xã Xuân Đông. Trong thời kỳ này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở huyện Chợ Gạo rất ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn bám chặt địa bàn và cơ sở quần chúng, cùng với nhân dân đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thi hành hiệp định Genève và các quyền dân sinh dân chủ. Đồng thời, ông còn tổ chức lực lượng tự vệ mật, tiến hành công tác diệt ác trừ gian để bảo vệ quần chúng và răn đe bọn ác ôn.

Sau đó, do có chỉ điểm, ông bị địch bắt. Tại khám Chợ Gạo, bọn thẩm vấn đánh đập ông hết sức tàn bạo nhằm buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng; nhưng cuối cùng, bọn chúng đành phải thất bại trước ý chí gang thép của ông. Một lần nữa, ông tổ chức vượt ngục; nhưng bị lính canh phát hiện bắn gãy chân; và bị bắt trở lại.

Năm 1957, địch chuyển ông lên giam ở khám Chí Hòa (Sài Gòn). Lúc này, chính quyền Ngô Đình Diệm đang triển khai chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” rất tàn độc trên toàn miền Nam. Trong trại giam, tù chính trị bị buộc phải xác định rõ lập trường của mình theo hai hướng: Một là đi theo con đường cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hai là chấp nhận “ly khai cộng sản”. Tuy nhiên, đồng chí và tất cả tù chính trị đều chống ly khai, bảo vệ lập trường và khí tiết cách mạng. Lập tức, địch ở khám Chí Hòa áp dụng chế độ tra tấn, cấm cố hà khắc. Tất cả các phòng đều chật cứng tù nhân, cúp nước, không cho tắm rửa, khẩu phần ăn ngày càng tồi tệ và sử dụng mọi cực hình tra tấn. Đỉnh điểm là bọn chúng cắt toàn bộ rau, đồ tươi, gạo đỏ, ép ăn gạo mốc trắng, tù nhân bắt đầu bị sưng nướu chân răng, kiết lỵ, tiêu chảy, phù thủng,… Kẻ địch quyết tâm giết chết tù chính trị, lấy cái chết để tác động tư tưởng, ép ly khai. Thâm độc hơn, khi phát hiện tù nhân gần chết, địch sẽ dụ dỗ ly khai để được chữa bệnh,…

Vượt lên trên tất cả những đày ải khổ cực, ông cũng như tất cả tù vẫn giữ vững khối đoàn kết. Ngoài thời gian dành cho việc trao đổi bàn bạc kế hoạch đối phó với địch, ông và các tù chính trị khác dành thời gian cho việc học tập và tu dưỡng bản thân. Đối với các chiến sĩ cách mạng, khám Chí Hòa thực sự là một trường học lớn, mà bài học lớn nhất là sự thử thách tình yêu đối với Tổ quốc, sự kiên trung đối với Đảng và khí tiết cách mạng. Ông đã vượt qua nỗi đau về thể xác, kiên cường chịu đựng và tích cực tham gia học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối cách mạng của Đảng, lý tưởng cách mạng vô sản. Ông luôn luôn tỏ rõ lập trường kiên định cách mạng, kiên quyết không khai báo, không học “tố cộng”, không chào cờ chính quyền Sài Gòn, không hô các khẩu hiệu phản động, không tuyên bố ly khai Đảng và Bác Hồ.

Bất lực trước ý chí đấu tranh bất khuất của một chiến sĩ cách mạng kiên trung, bọn địch đã mang ông ra xử án chém theo Luật phát xít 10/59 tại sân vận động Chợ Gạo vào ngày 23-7-1959. Vì nước, vì dân, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Vương Đình Thống có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: giáp kinh/kênh Chợ Gạo; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

**11. Đường Lê Thị Ngọc Tiến**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (lê Thị ngọc Tiến).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ** **THỊ NGỌC TIẾN**

**(1951 – 1972)**

Lê Thị Ngọc Tiến sinh năm 1951 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1967, bà tham gia cách mạng ở địa phương; sau đó, được cấp trên cử đi học lớp đào tạo y tá. Trong thời gian học, bà ra sức trau dồi chuyên môn và rèn luyện tay nghề, để khi ra trường, làm tốt công tác điều trị bệnh nhân.

Năm 1969, bà được phân công về Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Trạm có nhiệm vụ điều trị, chăm sóc thương bệnh binh của huyện.

 Lúc này, tình hình trên chiến trường Chợ Gạo diễn ra rất ác liệt; địch liên tục bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học, đóng đồn bót và hành quân càn quét vào vùng địa hình của ta. Vì thế, vào khoảng tháng 3 – 1970, Trạm xá Dân y huyện buộc phải mở hướng sang xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre để xây dựng cơ sở điều trị và nuôi dưỡng thương bệnh binh.

Với cương vị là Phó trạm, bà đã cùng với Trưởng trạm và 3 y tá khác vừa xây dựng lán trại, ổn định nơi ăn chốn ở; vừa tổ chức cho 30 thương binh nặng vượt vòng vây của địch trên sông Tiền qua trạm điều trị. Mấy tháng sau, Trạm trưởng hy sinh, bà lên thay, điều hành công tác chiến đấu bảo vệ trạm, mua sắm thuốc men, lương thực, thực phẩm và chữa trị, chăm sóc thương bệnh binh. Dù trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, gian khổ, bà vẫn luôn phấn đấu vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu “*Lương y như từ mẫu*” của người thầy thuốc cách mạng.

Sau trạm Vang Quới, bà mở thêm một trạm xá nữa ở rừng Cây Giá thuộc xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, để chăm sóc và nuôi dưỡng thương binh nặng, không còn khả năng chiến đấu, công tác. Dù hai trạm cách nhau đến 7 km, đường đi trên sông Tiền thường xuyên bị tàu địch tuần tra, kiểm soát gắt gao; nhưng bà vẫn lo chu toàn công việc của cả hai trạm, được cấp trên và thương bệnh binh tin tưởng, khen ngợi.

Đầu năm 1972, do vùng giải phóng ở Chợ Gạo được phục hồi và mở rộng, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, bà chỉ huy việc dời hai trạm Vang Quới và Thừa Đức từ Bình Đại, Bến Tre về Hòa Định, Chợ Gạo một cách an toàn. Trạm xá tiếp tục đón nhận và chăm sóc, chữa trị tốt thương bệnh binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào địa hình của khu vực trạm xá. Sau khi cùng với trưởng trạm là y sĩ Lê Thị Lệ Chi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, hai bà xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của hai bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến rạng sáng ngày 16-4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Thị Ngọc Tiến có điểm đầu: giao với đường Lê Thị Lệ Chi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Minh Giác; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

**12. Đường Nguyễn Văn Thường**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Thường).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

**(1929 – 1971)**

Nguyễn Văn Thường, bí danh là Tấn Thành, sinh năm 1929 tại làng Mỹ Tịnh An, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1950, ông tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương, làm công tác giao liên, rải truyền đơn,… Năm 1954, ông vận động nhân dân xã Mỹ Tịnh An đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống chính quyền địch vi phạm hiệp định Genève.

Sau đó, do bị địch truy bắt gắt gao, ông chuyển địa bàn công tác lên Sài Gòn. Hoạt động được một thời gian, ông bị địch phát hiện; nên phải rút về căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đóng ở Tân Hòa Đông (nay thuộc huyện Tân Phước). Tại đây, ông được bố trí vào lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh.

Năm 1960, ông về Chợ Gạo, thành lập lực lượng vũ trang của huyện; và được phân công phụ trách khu vực Tây Bắc Chợ Gạo, gồm có 7 xã. Năm 1963, ông là Huyện ủy viên Huyện ủy Chợ Gạo kiêm Chính trị viên phó Huyện đội.

Là một cán bộ mưu trí, dũng cảm, năng nổ, luôn bám chặt cơ sở, gần gũi nhân dân, ông có nhiều kinh nghiệm trong việc vận động quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang đánh phá các ấp chiến lược của địch; và từ đó, xây dựng thành xã, ấp chiến đấu của ta; điển hình là địa bàn Cựa Gà ở xã Mỹ Tịnh An. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở huyện Chợ Gạo phát triển ngày càng mạnh mẽ.

 Năm 1968, trong cuộc tập kích chiến lược Xuân Mậu Thân, với cương vị là Chính trị viên Huyện đội, ông đã chỉ huy bộ đội địa phương huyện và du kích các xã tiến công địch ở khắp nơi trên địa bàn huyện. Sau đó, địch tiến hành phản kích quyết liệt; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, lãnh đạo nhân dân đấu trang chống địch càn quét.

Năm 1969, ông được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Chợ Gạo. Năm 1970, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho. Trong thời gian này, địch tiến hành chương trình bình định và đánh phá cơ sở cách mạng ở huyện Chợ Gạo rất ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn cùng với Huyện ủy lãnh đạo cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân, giữ vững phong trào.

Ngày 4-12-1971, trong lúc đi làm nhiệm vụ vận động quần chúng, ông vướng phải lựu đạn gài của địch và đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Thường có điểm đầu: giao với đường 30-4; điểm cuối: giáp cầu Hòa An; chiều dài: 0550 km; chiều rộng: 16 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Chợ Gạo:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 877:**

**1. Cầu Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

- Vị trí: Km 25+399, xã Bình Phụt Nhứt, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bình Phục Nhứt

- Quy mô: Dài 30 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6m

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

**2. Cầu 3-2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Sự kiện lịch sử (3-2: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam).

- Vị trí: Km 28+971, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào

- Quy mô: dài 30 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6m

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**Trên Đường tỉnh 878B:**

**1. Cầu An Thạnh Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

- Vị trí: Km 3+009, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: rạch Cầu Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 7,7m; khổ cầu 8,5m; dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 11

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

**2. Cầu Bình Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Bình Thủy).

- Vị trí: Km 21+783, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Đình

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

**3. Cầu Hòa Tịnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Tịnh).

- Vị trí: Km 2+898, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 878B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +3.85

- Tải trọng (Tấn): HL93[[4]](#footnote-4)

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

**Trên Đường tỉnh 879:**

**1. Cầu Kinh/Kênh Nhỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Nhỏ).

- Vị trí: Km 8+273, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kênh/Kinh Nhỏ

- Quy mô: Cầu dài 19m; mặt thép rộng 4m; khổ cầu 6m; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

**2. Cầu Mỹ Tịnh An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Tịnh An).

- Vị trí: Km 13+071, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đăng

- Quy mô: 1 nhịp dài 10m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối; CĐdc: +2,8m; Bthông nước = 7,5m; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**3. Cầu Bà Thể**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Thể).

- Vị trí: Km 11+65, xã Phú Kiết – xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 1 nhịp dài 9m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 4 dầm I 500; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1982

**4. Cầu Phú Kiết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết).

- Vị trí: Km 10+080, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**5. Cầu Bún**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực phẩm (Bún).

- Vị trí: Km 14+617, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lăng

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**Trên Đường tỉnh 879B:**

**1. Cầu Mô**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Mô đất).

- Vị trí: Km 10+812, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Kênh Nội Đồng

- Quy mô: 1 nhịp dài 13m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

**2. Cầu Thanh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

- Vị trí: Km 7+672, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

**Trên Đường tỉnh 879C:**

**1. Cầu Ông Văn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Văn).

- Vị trí: Km 4+003, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Rạch Hóc Lựu

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTTA 24,25m nhịp giữa; dầm bản BTCT nhịp biên; Htt: +3.80

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2007

**2. Cầu Thạnh Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Thạnh Lợi).

- Vị trí: Km 1+316, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 27m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +1.70

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

**Trên Đường tỉnh 879D:**

**1. Cầu 20-7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Sự kiện lịch sử (20-7: Ngày Thương binh - Liệt sĩ)

- Vị trí: Km 8+470, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879D

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +1.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**2. Cầu Kinh/Kênh 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (4).

- Vị trí: Km 3+839, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879D

- Cầu bắc qua: Kênh Tư

- Quy mô: 3 nhịp dài 55m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 6 dầm/ nhịp; Htt: +1.60

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**Trên Quốc lộ 50:**

**1. Cầu Bình Phan Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan) + Tính từ (Mới: Cầu Bình Phan được xây dựng trước năm 1975 trong nội ô thị trấn Chợ Gạo. Năm 2013, trên Quốc lộ 50, cầu Bình Phan Mới được xây dựng cách cầu cũ khoảng 500 m).

- Vị trí: km70+712

- Cầu bắc qua: Rạch Bình Phan

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 70,2 m

- Chiều rộng: 12 m

**2. Cầu Chợ Gạo Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn/Huyện Chợ Gạo) + Tính từ (Mới: Cầu Chợ Gạo được khánh thành năm 1972. Năm 2013, cầu được tháo dỡ để xây dựng cầu Chợ Gạo Mới cách cầu cũ khoảng 500 m).

- Vị trí: km72+290

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Chợ Gạo

- Số nhịp: 11

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 595 m

- Chiều rộng: 12 m

**3. Cầu Kinh/Kênh Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

- Vị trí: km73+480

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 55 m

- Chiều rộng: 12 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

1. **Cống Xuân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Xuân: 春: Mùa xuân; Hòa: 和: Hoà hợp, hoà thuận).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1978; là loại cống hở, số cửa 4, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 34.000 ha.

1. **Cống Bình Phan**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (xã Bình Phan).

Cống ở xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 2,2 m, sâu 2,36 m, diện tích phục vụ 950 ha.

\* **Cống vừa và nhỏ:**

**1. Cống Ba Đại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Đại).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 130 ha.

**2. Cống Ba Nhành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba nhành).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 0,9 m, diện tích phục vụ 58 ha.

**3.** **Cống Bà Lọ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Lọ).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2003; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**4. Cống Bà Xồm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Xồm).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**5. Cống Bàu Sấu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Bàu) + Động vật (Cá sấu).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1990; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 250 ha.

**6. Cống Bình Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng; Long: 隆: Hưng thịnh, long trọng).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,7 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**7. Cống Hai Chớ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Chớ).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 10 ha.

**8. Cống Hai Do**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Do).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 160 ha.

**9. Cống Kinh/Kênh Huyện**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Đơn vị hành chính (Cấp huyện).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1990; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**10. Cống Kinh/Kênh Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

Cống ở Khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 1.004 ha.

**11. Cống Long Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long Hiệp).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 903 ha.

**12. Cống Lộ Xoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: Đường) + Thực vật (Cây xoài).

Cống ở xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2010; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,7 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**13. Cống Lộ Tổng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: Đường) + Đơn vị hành chính thời xưa (Tổng: Cấp hành chính trên xã, dưới huyện).

Cống ở xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 3,2 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**14. Cống Muôn Nghiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Muôn Nghiệp).

Cống ở xã Bình Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1998; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**15.** **Cống Mười Đen**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mười Đen).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,1 m, diện tích phục vụ 53 ha.

**16.** **Cống Mười Sùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mười Sùng).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,8 m, diện tích phục vụ 302 ha.

**17.** **Cống Năm Le**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Năm Le).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 75 ha.

**18.** **Cống Nghị Tĩnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghị Tĩnh).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 0,8 m, sâu 1,3 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**19.** **Cống Nghị Tĩnh Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghị Tĩnh) + Tính chất (Mới).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 1,32 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**20.** **Cống Ông Văn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Văn: ông tên là Dương Văn Văn có công lập chợ Ông Văn vào đầu thế kỷ XIX ở xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo).

Cống ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2015; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1541 ha.

**21. Cống Rạch Chợ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Chợ).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1980; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**22. Cống Rạch Chợ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Chợ).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**23.** **Cống Số 1 Sông Tra**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 1) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2m, diện tích phục vụ 200 ha.

**24.** **Cống Số 2 Sông Tra**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 2) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.400 ha.

**25.** **Cống Số 7 Long Bình Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 7) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Cống ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2011; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 250 ha.

**26**. **Cống Tân Thuận Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thuận Bình).

Cống ở xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 1.700 ha.

**27.** **Cống Thợ Tiện**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Nghể nghiệp (Thợ tiện: là người làm việc với máy tiện để cắt gọt một khối kim loại thành chi tiết hoàn chỉnh).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**28. Cống Thủ Ngữ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức quan võ hoặc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn (Thủ) + Tên người (Ngữ).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 10 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**29.** **Cống Tư Lớn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Tư Lớn).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Ф 100 m, sâu 0,6 m, diện tích phục vụ 10 ha.

**\* Đê:**

**1. Đê Bình Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Đê kéo dài qua các xã Hòa Định, Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, có điểm đầu: Cầu Hòa Định, điểm cuối: Cống Vàm Giồng, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 10.800 m, chiều rộng 3,5 m - 6 m, cao trình 2,7 m.

**2**. **Đê Rạch Tràm - Ninh Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây tràm) - Địa danh Hán Việt (Ninh Đồng).

Đê kéo dài qua các xã Tân Thuận Bình, Quơn Long, huyện Chợ Gạo; xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Cầu Đôi, điểm cuối: Đê Tây kinh/kênh Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 8.745 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,20 m - 2,35 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 |   |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | chung(rộng tối thiểu 7,5 m) |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che |   |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng |   |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn |   |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | Có phần mềm quản lý bến xe |   |

**Bến xe Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Bến xe Chợ Gạo, mã số (63)15, tọa lạc tại Khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.104 m², điện thoại: (0273)3835455, xếp loại 6.

**\* Bến đò:**

**Khái niệm**

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

**1.Bến đò Ba Cà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Thứ và tên người (Ba Cà).

Bến đò Ba Cà bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến đò Giữa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Vị trí (Giữa).

Bến đò Giữa bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3**. **Bến đò Lộ Vàm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Lộ: đường) + Địa hình thiên nhiên (Vàm).

Bến đò Lộ Vàm bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối xã Song Bình, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**4**. **Bến đò Nhà Thờ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (nhà thờ đạo Thiên chúa).

Bến đò Nhà Thờ bờ phải và bờ trái đều nằm trên rạch Kỳ Hôn, nối xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**5. Bến đò Quơn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Bến đò Quơn Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**6**. **Bến đò Tám Bống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Thứ và tên người (Tám Bống).

Bến đò Tám Bống bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo với xã Tân Thuận Bình, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**\* Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**1. Bến phà Bình Ninh - Tân Thới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh - Xã Tân Thới).

Bến phà Bình Ninh - Tân Thới bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến phà Cồn Tàu (1)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Phương tiện giao thông thủy (Tàu).

Về nguồn gốc địa danh Cồn Tàu có 2 cách giải thích:

- Cù lao giống hình chiếc tàu thủy nên gọi là cù lao Tàu.

- Xưa kia, có một chiếc tàu buôn vào ăn hàng bị chìm tại đây. Về sau, phù sa bồi tụ lại thành cồn, từ đó có tên gọi Cồn Tàu.

Bến phà Cồn Tàu (1) bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo.**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo

+ Địa chỉ: Số 1, Ấp Bình Hạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Số điện thoại: 02733835229

+ Trang thông tin điện tử: http://ttytchogao.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttythuyenchogao@yahoo.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 18,700m2; diện tích sử dụng: 4,767m2.

+ Tổng số cán bộ, viên chức (năm 2022): 298; trong đó nam: 93; nữ: 205.

Năm 2009, Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo được thành lập theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Trung tâm Y tế Chợ Gạo có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khoẻ, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khoẻ cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khoẻ lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hoả táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp

+ Sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng, thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khoẻ sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giá dục sức khoẻ về y tế, chăm sóc sức khoẻ trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở để thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hoá chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 04 chi bộ trực thuộc, với 61 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 32 tổ công đoàn với 298 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên có 2 chi đoàn với 27 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe; 02 khoa thuộc hệ y học dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm; 05 khoa lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu, khoa Khám bệnh, khoa Nhi, khoa Nội - Nhiễm, khoa Ngoại - Sản; 02 khoa cận lâm sàng: Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 110 giường bệnh.

Trung tâm có 01 Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An) và 19 trạm y tế xã, thị trấn trực thuộc: Trạm Y tế thị trấn Chợ Gạo, Trạm Y tế các xã Song Bình, Bình Ninh, Tân Thuận Bình, Tân Bình Thạnh, Hòa Tịnh, Mỹ Tịnh An, Long Bình Điền, Bình Phan, Đăng Hưng Phước, Trung Hòa, Quơn Long, Bình Phục Nhứt, Lương Hòa Lạc, Thanh Bình, Xuân Đông, Hòa Định, xã Phú Kiết, An Thạnh Thuỷ.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa 1: 16; Bác sĩ chuyên khoa 2: 02; Cử nhân đại học: 21; Cử nhân cao đẳng: 25; Trình độ khác: 204.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**Bia lưu niệm Đào kinh/kênh Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Đào kinh/kênh Bảo Định).

Bia tọa lạc tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

Trước khi có kinh Bảo Định, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc - nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm lược nước ta. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kinh/kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Do đoạn kinh/kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kinh/kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kinh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) - bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Đây là công trình lớn, nên theo Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là *Bia đào kinh/kênh Bảo Định*), có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn, Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân, Bình Tây tướng quân, Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường, Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy trực tiếp dân phu tại công trường.

- Chưởng cơ Lãnh binh, Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Công trình cải tạo kinh/kênh được tiến hành gần 4 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỹ Mão (23/2/1819); kết thúc ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3/6/1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để “*truyền mãi về sau*”; và đặt tên cho kinh là Bảo Định. Lúc này, kinh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kinh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kinh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Đặc biệt, một trong những viên quan chỉ huy công trình là An toàn hầu Trịnh Hoài Đức đã sáng tác một bài thơ ca ngợi cảnh đẹp và giá trị kinh tế của kinh Bảo Định:

TÂN KINH THẦN MỤC

Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,

Tân kinh mục tử[[5]](#footnote-5) trục tương lai.

Địch xuy lô quản xâm yên tố,

Ngưu đạp vân căn[[6]](#footnote-6) nhập thủy ôi.

Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[[7]](#footnote-7) thế,

Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH

Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,

Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.

Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,

Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.

Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,

Dâu xanh bóng mát họp cò đông.

Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,

Để áo, nằm say cạnh khóm hồng.

Bia đào kinh Bảo Định (Phụng khai tân cảng ký) được tạo tác bằng đá sa thạch, có kích thước 40cm x 60cm. Chữ khắc trên bia là khắc chìm (âm nét). Chung quanh bia trang trí hoa văn. Bia được đặt trên một đế bằng đá. Toàn bộ bia được để trong miếu có nền cao 01 m; diện tích miếu 1,4 m x 1,4 m; mái lợp ngói móc; đế chung quanh diện tích 2,5 m x 2,5 m.

Nội dung bia đào kinh Bảo Định (Bản dịch của Cử nhân Hán học Nguyễn Năm):

“*Tháng chạp năm Mậu Dần.*

*Công đồng truyền khâm phụng.*

*Sắc lệnh đến mùa xuân tới sẽ khai mở cảng sông Định Tường.*

*Đến tháng giêng năm nay Kỹ Mão (1819) thực thi công trình.*

*- Trấn Định Tường cung cấp 3225 dân phu.*

*- Khâm sai Chưởng cơ lãnh binh Nhiệm tín hầu lãnh nhiệm vụ.*

*- Khâm sai trấn thủ Định Tường, Bửu thiện hầu có nhiệm vụ đốc thúc dân phu.*

*- Khâm sai Gia Định thành phó tổng trấn, Thị trung tả thống chế Lý văn Hầu đốc thúc nơi công trình.*

*- Khâm sai Tổng đốc Chưởng tiền quân, Bình tây Đức quận công.*

*- Khâm sai Hiệp tổng trấn Lại bộ thượng thư An toàn hầu.*

*cùng hiệp tâm cấp phát lương hướng: mỗi người 1 quan tiền, 1 phương gạo. Đến ngày 28 tháng giêng khởi công từ chợ Lung (Thang trông - Phú Kiết ) đến bến Mỹ Tho - hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng - hoặc sửa những chỗ nông, sâu đắp hai bờ sông thành đê phẳng. Làm như thế đến ngày 10 tháng tư nhuận thì thông ra bến cảng.*

*Ngưỡng mong thánh thượng chứng giám cho sự khai sáng tốt đẹp này.*

*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu, cạn nên ghe thuyền các loại khó đi lại, lao khổ không nên kéo dài, ăn uống không nên tạm bợ, tiêu xài không nên vay mượn.*

*Công sức ngày tháng đã bỏ ra để ngàn vạn năm tiện lợi, mưa nắng thuận hòa, công sức của muôn dân đã thành đạt, con đường giao thông được sửa chữa.*

*Xin sơ lược tỏ bày mọi sự với năm tháng tạc vào bia đá truyền mãi về sau.*

*Năm Gia Long thứ 18, ngày 10 tháng tư nhuận Kỷ Mão (1819)*”.

\* **\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**1. Bia tưởng niệm “02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến hy sinh”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Nguyễn Thị Ngọc Tiến hy sinh).

Lê Thị Lệ Chi sinh năm 1941 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình truyền thống cách mạng.

Căm thù bọn giặc dày xéo quê hương và giết chết người chồng thân yêu, năm 1961, bà tham gia cách mạng; và tuy con hãy còn nhỏ, nhưng bà vẫn hăng hái đi đầu trong các cuộc đấu tranh chính trị, tải đạn, tải thương,... Sau đó, bà được tổ chức cho đi học cứu thương rồi y tá, công tác tại trạm y tế xã. Với sự chăm chỉ, cần cù, tay nghề của bà ngày càng tiến bộ, phục vụ tốt việc điều trị cho thương binh và chữa bệnh cho nhân dân trong xã và các vùng phụ cận. Ngoài ra, bà còn trực tiếp đào nhiều hầm bí mật để che giấu thương binh, tránh sự phát hiện của địch.

Cuối năm 1969, bà được cấp trên cử đi học y sĩ ở vùng căn cứ giáp giới Campuchia thuộc tỉnh An Giang. Cuối năm 1971, mãn khóa học, bà trở về tỉnh nhà chờ phân công nhiệm vụ. Lúc này, người cha của bà đang công tác tại cơ quan hậu cần Tỉnh đội đã lớn tuổi, hai người em trai, một mới vừa hy sinh, một bị thương nặng; hơn nữa, chiến trường Chợ Gạo đang hồi rất gay go, địch đánh phá vô cùng ác liệt; nên tổ chức định điều bà về công tác ở Bệnh xá quân y tỉnh. Thế nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, bà vẫn nhất quyết xin về huyện nhà công tác, dù biết sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Trở về Chợ Gạo, bà được cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ là Phó Ban Dân y kiêm Trưởng Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo. Lúc đó, Bệnh xá Dân y huyện đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Tại đây, trong điều kiện thuốc men, y cụ còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ thầy thuốc ít ỏi, mật độ bom pháo dầy đặc và địch thường xuyên càn quét; nhưng bà đã cùng với đồng đội là nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến ra sức khắc phục khó khăn, hết lòng điều trị, chăm sóc hàng chục thương binh từ các chiến trường chuyển về.

Lê Thị Ngọc Tiến sinh năm 1951 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1967, bà tham gia cách mạng ở địa phương; sau đó, được cấp trên cử đi học lớp đào tạo y tá. Trong thời gian học, bà ra sức trau dồi chuyên môn và rèn luyện tay nghề, để khi ra trường, làm tốt công tác điều trị bệnh nhân.

Năm 1969, bà được phân công về Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Trạm có nhiệm vụ điều trị, chăm sóc thương bệnh binh của huyện.

Lúc này, tình hình trên chiến trường Chợ Gạo diễn ra rất ác liệt; địch liên tục bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học, đóng đồn bót và hành quân càn quét vào vùng địa hình của ta. Vì thế, vào khoảng tháng 3/1970, Trạm xá Dân y huyện buộc phải mở hướng sang xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre để xây dựng cơ sở điều trị và nuôi dưỡng thương bệnh binh.

Với cương vị là Phó trạm, bà đã cùng với Trưởng trạm và 3 y tá khác vừa xây dựng lán trại, ổn định nơi ăn chốn ở; vừa tổ chức cho 30 thương binh nặng vượt vòng vây của địch trên sông Tiền qua trạm điều trị. Mấy tháng sau, Trạm trưởng hy sinh, bà lên thay, điều hành công tác chiến đấu bảo vệ trạm, mua sắm thuốc men, lương thực, thực phẩm và chữa trị, chăm sóc thương bệnh binh. Dù trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, gian khổ, bà vẫn luôn phấn đấu vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu “*Lương y như từ mẫu*” của người thầy thuốc cách mạng.

Sau trạm Vang Quới, bà mở thêm một trạm xá nữa ở rừng Cây Giá thuộc xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, để chăm sóc và nuôi dưỡng thương binh nặng, không còn khả năng chiến đấu, công tác. Dù hai trạm cách nhau đến 7 km, đường đi trên sông Tiền thường xuyên bị tàu địch tuần tra, kiểm soát gắt gao; nhưng bà vẫn lo chu toàn công việc của cả hai trạm, được cấp trên và thương bệnh binh tin tưởng, khen ngợi.

Đầu năm 1972, do vùng giải phóng ở Chợ Gạo được phục hồi và mở rộng, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, bà cho dời hai trạm Vang Quới và Thừa Đức từ Bình Đại, Bến Tre về Hòa Định, Chợ Gạo một cách an toàn. Trạm xá tiếp tục đón nhận và chăm sóc, chữa trị tốt thương bệnh binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào khu vực Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo. Sau khi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, Trưởng Bệnh xá Lê Thị Lệ Chi và nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của hai bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất, giữ vững khí tiết của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến sáng ngày 16- 4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, hai bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Tên của hai bà Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến được đặt tên hai tuyến đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bia tưởng niệm “02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến hy sinh” nằm trong khuôn viên 1.000 m², tọa lạc tại xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định so613781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bia được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 3 m, rộng 2 m, đặt trên bệ cao 1 m. Trước bia có tôn trí hai bức tượng chân dung của 02 nữ liệt sĩ. Nội dung được ghi trên bia như sau:

“Nơi đây vào ngày 16/4/1972, lực lượng Bảo an địch đánh vào Trạm xá huyện Chợ Gạo. Sau khi đưa thương binh xuống hầm ngụy trang và gài lựu đạn xong, đồng chí Lê Thị Lệ Chi - Phó Ban Dân y kiêm Trưởng Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo và đồng chí Lê Thị Ngọc Tiến - Y tá thuộc Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo bị địch bắt và tra tấn dã man nhưng 2 đồng chí vẫn cương quyết không khai hầm ẩn giấu thương binh.

Đồng chí Lê Thị Lệ Chi và đồng chí Lê Thị Ngọc Tiến đã anh dung hy sinh, bảo vệ an toàn cho 18 thương binh, để lại tấm gương dũng cảm của người đảng viên Cộng sản, không khuất phục trước bạo lực của kẻ thù.

Ngày 23/5/2005, đồng chí Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 19/12/2007, UBND tỉnh Tiền Giang quyết định xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh”.

**2. Bia tưởng niệm “8 dân công tải đạn hy sinh”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (8 dân công tải đạn hy sinh).

Bia tọa lạc tại xã Song Bình, huyện Chợ Gạo.

Ngày 03/02/1975 (23 tháng Chạp năm Giáp Dần), ông Nguyễn Văn Võ, tiểu đội phó, khung huấn luyện Huyện đội Chợ Gạo phụ trách dân công cùng ông Nguyễn Văn Chiêm hướng dẫn 18 dân công tải đạn từ nhà ông Ba Tổng, cán bộ hậu cần Huyện đội ở ấp Bình Hòa B, xã Song Bình đến điểm tập kết tại xã Tân Thuận Bình (cùng huyện Chợ Gạo). Trong số 18 dân công này chỉ có một nam là Nguyễn Văn Chí , còn lại là nữ. Chị Nguyễn Thị Sáu là người lớn tuổi nhất - 19 tuổi,  chị Nguyễn Thị Kim là người nhỏ tuổi nhất - 13 tuổi, đang ngồi ghế nhà trường, tranh thủ thời gian nghỉ Tết tham gia cùng anh chị em tải đạn phục vụ chiến trường. Đạn dược vận chuyển trong đêm hôm đó, gồm các loại: mìn định hướng ĐH10, đạn B40, lựu đạn và một ít đạn nhọn.

Theo kế hoạch đã định là vận chuyển đêm 02/02/1975, nhưng gặp trở ngại không thực hiện được nên phải dời lại sang đêm 03/02/1975. Chiều tối ngày 03/02/1975, đoàn dân công từ nhà ông Sáu Phiểu (xã Long Bình Điền) ra đi, trong số đó có 5 chị đi trễ do bận chuyển đất đắp đài chiến sĩ xã Long Bình Điền. Khoảng 19 giờ cùng ngày, đoàn đến nhà ông Ba Tổng nhận hàng và lập tức lên đường. Độ khoảng 30 phút sau, khi đoàn tải đạn đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị Ba  thuộc ấp Bình Hiệp, xã Song Bình thì đạn phát nổ do va chạm. Vụ nổ làm 08 người hy sinh và 05 người bị thương.

Bia tưởng niệm do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, được tạo tác bằng đá hoa cương tạc hình 8 liệt sĩ, khánh thành năm 2016 cùng với các hạng mục kèm theo như: nhà bia, sân bãi, hàng rào, cây xanh, hệ thống đèn chiếu sáng,… trên diện tích 1.000 m².

Địa điểm xây dựng bia tưởng niệm 08 dân công tải đạn hy sinh được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

**3. Bia tưởng niệm “Thủ khoa Huân hy sinh”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (Thủ khoa Huân hy sinh).

Bia tọa lạc tại cầu Tịnh Hà, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo.

Bia nằm trong khuôn viên rộng 70m2, được xây dựng bằng đá hoa cương, cao 1,8 m, ngang 1,5 m với nội dung được ghi trên bia như sau:

“Nơi đây ngày 19/5/1875 (nhằm ngày 14/4 năm Ất Hợi)

Thực dân Pháp trảm Anh hùng dân tộc

Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (1830 - 1875)”

Bia được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**Bia căm thù**:

Bia căm thù là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, trên bia ghi lại ngày tháng năm, địa điểm, số người bị giết hại trong các cuộc càn quét, tàn sát của kẻ địch đối với nhân dân ta.

**Bia căm thù “Nhân dân Bình Ninh bị Mỹ - ngụy thảm sát”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia) + Tính từ (Căm thù) + Sự kiện lịch sử (Nhân dân Bình Ninh bị Mỹ - ngụy thảm sát).

Bia tọa lạc tại xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo.

Khoảng 2 giờ chiều ngày 17/4/1961, bọn lính ở quận Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây) do tổng Long chỉ huy phối hợp bọn lính ở quận Chợ Gạo do thiếu úy Pho chỉ huy, mở trận càn vào Bình Ninh để truy kích lực lượng ta. Bọn địch càn đến, bắt được 34 người đem ra bắn tại chỗ (trong đó có 17 người ở xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, 17 người xã ở Bình Phục Nhì thuộc huyện Gò Công Tây).

Bia do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng năm 1993 trên diện tích 420 m². Bia cao 4,2 m, cấu trúc bê tông cốt thép, có hình ngọn lửa đang cháy và phù điêu chạm nổi hình ảnh cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta dũng cảm cầm súng chiến đấu. Phía bên phải bia có ghi dòng chữ: “Vào lúc 2 giờ chiều ngày 17 tháng 4 năm 1961, Mỹ, ngụy đã gây ra cuộc thảm sát 34 người dân vô tội của Bình Ninh và Bình Phục Nhì”.

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Nơi giặc gây tội ác. Di tích được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Huyện Chợ Gạo:**

**Công viên huyện Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Công viên được hình thành năm 1998, cải tạo và nâng cấp năm 2018, nằm trong khuôn viên của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Chợ Gạo, tọa lạc tại thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.600 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, sao, lim,…); cây tạo dáng (cau kiểng, dương, sứ trắng,..), cây lá màu và thảm cỏ; hồ nước và đài phun nước, dụng cụ tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[8]](#footnote-8).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[9]](#footnote-9).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[10]](#footnote-10).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[11]](#footnote-11).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[12]](#footnote-12).

**Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[13]](#footnote-13):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1 | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng- Chợ hôm- Chợ chiều- Chợ đêm- Chợ phiên |
| 2 | Theo lịch sử  | - Chợ truyền thống- Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3 | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê- Chợ ven đô- Chợ đô thị- Chợ đồng bằng- Chợ miền núi |
| 4 | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng- Chợ xã (liên làng)- Chợ huyện (liên xã)- Chợ thị trấn- Chợ thị xã |
| 5 | Theo tình chất, quy mô traođổi hàng hóa | - Chợ đầu mối- Chợ bán lẻ- Chợ chuyên doanh- Chợ tổng hợp |
| 6 | Theo loại hình hàng hóa bánchủ yếu tại chợ | - Chợ vải- Chợ trâu- Chợ trái cây- Chợ hải sản |
| 7 | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố- Chợ bán kiên cố- Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[14]](#footnote-14):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[15]](#footnote-15):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[16]](#footnote-16):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Chợ Gạo:**

**1. Chợ An Khương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn; Khương: 康: Yên ổn, bình an, giàu có, mạnh khỏe.

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, diện tích 760 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**2. Chợ An Thạnh Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã An Thạnh Thủy).

Chợ loại 3, ở xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**3. Chợ Bến Tranh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình nhân tạo (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu,… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ.) + Thực vật (Cỏ tranh).

Chợ loại 2, ở xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 267 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**4. Chợ Bình Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Ninh).

Chợ loại 3, ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 59 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**5. Chợ Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhứt).

Chợ loại 2, ở xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.500 m², có 223 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**6. Chợ Cầu Đúc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Cầu) và Động từ (Đúc: Ý nói cầu đúc bằng xi măng bắc qua sông, kênh/kinh, rạch).

Chợ loại 3, ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, diện tích 760 m², có 55 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**7. Chợ Điền Mỹ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Điền: 佃: Ruộng đồng; Mỹ: 美: Tốt, đẹp).

Chợ loại 3, ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**8. Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Chợ Gạo vốn bắt nguồn tại một ngôi chợ đóng ở thôn Bình Phan (gọi trại từ Bình Phương), do ông Trần Văn Nguyệt thành lập vào thời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1787). Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Chợ Gạo là chợ chuyên kinh doanh gạo nổi tiếng trong vùng. Các thương lái tập trung đổ về đây để mua gạo, theo đường thủy ra sông Tiền rồi đưa lên Sài Gòn để bán đi khắp nơi. Tên gọi Chợ Gạo hình thành từ đó.

Cuốn *Địa phương chí Chợ Gạo* cho biết: “Chợ được xây năm 1918, cột gạch, sườn cây, lợp ngói, 6 căn dài 20 thước, ngang 7 thước rưỡi, nền lót gạch tàu, cao ráo sạch sẽ”.

Chợ loại 1, thuộc thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, diện tích 8.400 m², có 694 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, túi xách, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**9. Chợ Hòa Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Định).

Chợ loại 3, ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, diện tích 400 m², có 24 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**10. Chợ Khu 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Khu phố 3).

Chợ loại 3, ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**11. Chợ Long Bình Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Bình Điền).

Chợ loại 3, ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**12. Chợ Ông Văn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Ông) + Tên người (Dương Văn Văn). Chợ do Ông Văn lập ra.

Chợ loại 3, ở xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, diện tích 4.000 m², có 180 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**13. Chợ Phú Kiết (Chợ Thang Trông)**

**-** Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Kiết).

**-** Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vật dụng (Thang: Đồ dùng để trèo lên cao, được làm bằng những thanh gỗ hoặc tre,... xếp song song hoặc hơi choãi ở chân và nối với nhau bằng nhiều thanh ngang dùng làm bậc) + Hướng nhìn (Trông). Năm 1819, khi tiến hành nạo vét kênh/kinh Bảo Định, tại ngã ba giáp nước ở thôn Phú Kiết, người ta cho dựng một cây thang cao để trông hướng đào mở, gọi là thang trông. Về sau, trở thành địa danh: Thang Trông.

Chợ loại 3, ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 59 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**14. Chợ Quơn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Quơn Long).

Chợ loại 3, ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**15. Chợ Song Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Song Bình).

Chợ loại 3, ở xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.794 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**16. Chợ Tân Bình Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Bình Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 36 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**17. Chợ Tân Thuận Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thuận Bình).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**18. Chợ Thanh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thanh Bình).

Chợ loại 3, ở xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 4.000 m², có 95 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, kim khí điện máy, tạp hóa,…

**19. Chợ Tịnh Hà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Tịnh: 静: Yên ổn, yên lặng; Hà: 河: Sông) (*Địa chí Tiền Giang* 2, trang 293).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 73 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**20. Chợ Trung Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Trung Hòa).

Chợ loại 3, ở xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 38 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**Trạm:**

**Trạm bơm Bình Phan**

 \* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trạm bơm: là công trình thủy công; trong đó trang bị các loại máy bơm nhằm đảm bảo lấy nước từ nguồn vận chuyển và bơm nước đến nơi cần tưới tiêu hay cần thoát nước) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan).

\* Khái quát Trạm bơm Bình Phan:

- Địa chỉ: Xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733 838 424

- Tổng diện tích: 8.049,5 m2; diện tích sử dụng: 322,36m2

Trạm bơm Bình Phan được xây dựng năm 1978 với qui mô: 01 nhà máy bơm với công suất 32.000 m³/giờ (gồm 08 máy, công suất 4.000m3/giờ/máy); 01 nhà máy bơm Tham Thu (04 máy, công suất 2.500m3/giờ) và 01 dãy nhà quản lý (07 phòng), được đầu tư từ nguồn kinh phí của Ngân hàng phát triển châu Á, phục vụ cho khu vực các xã Bình Phan, Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo và các xã Bình Nhì, Thạnh Nhựt, Đồng Sơn huyện Gò Công Tây với khoảng 8.000 ha sản xuất.

Tuy nhiên, Trạm bơm Bình Phan có một số nhược điểm là không đủ nước để bơm đưa đi; thứ hai là khi bơm, nước không chảy xuống Gò Công mà chảy tràn nên khu vực ở gần trạm bơm bị ngập. Sau nhiều năm sử dụng, trạm bơm đã xuống cấp nghiêm trọng và không còn hoạt động.

Năm 2000, tại vị trí đầu kênh/kinh Tham Thu, tỉnh đã đầu tư xây dựng Cống Bình Phan, thay thế cho Trạm bơm Bình Phan, nhằm tiếp nước vào kênh/kinh Tham Thu, đảm bảo nước cho tưới tiêu, sản xuất, sinh hoạt cho Nhân dân trong khu vực.

Năm 2020, Trạm bơm được sửa chữa, thay thế 04 động cơ để phục vụ bơm chống hạn và chính thức vận hành 06 tổ máy từ 08 giờ ngày 09/01/2020.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1. Trường Trung học phổ thông Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Ấp Bình Khương 2, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733897636

Trang thông tin điện tử: thptbinhphucnhut.edu.vn

Email:c3binhphucnhut.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Bình Phục Nhứt được thành lập theo Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam:14 ; nữ: 10 ; Chi ủy: 05 ; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 23. Đoàn Thanh niên: 520; nam: 222; nữ: 298.

Tổng số viên chức: 52; nam: 29; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 43; trong đó nam: 22; nữ: 21. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (Đại học): 37; Trình độ khác: 06

Tổng số học sinh: 943; nam:489 ; nữ: 454.

Tổng diện tích: 17.063 m­2 ; diện tích sử dụng: 4.569 m­2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy 02 tầng; phòng làm việc: 12; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 03; các loại hình khác: căn tin (02), nhà xe.

 **2.** **Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 3, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.835.219

Trang thông tin điện tử: https://www.facebook.com/CTT.THPTChoGao

Email: c3chogao.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo có tiền thân từ Trường Trung học Chợ Gạo, được thành lập từ năm 1961. Đến năm 1975, là trường trung học toàn cấp, có đủ lớp từ lớp 6 đến lớp 12. Năm 1977, các lớp cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9) được tách khỏi trường để thành lập Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo, còn trường được đặt tên mới là Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo. Năm 2011, trường nhận được Quyết định thành lập số 1229/ QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hiện nay (2021), Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo là một trong những ngôi trường khang trang, hiện đại trong tỉnh. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Huyện Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 15; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 04; nam: 04, nữ: 00. Công đoàn: 94 công đoàn viên; nam: 37; nữ: 57. Đoàn thanh niên: 1.550; nam: 680; nữ: 870.

Tổng số viên chức: 94 ; trong đó nam: 37; nữ: 57. Tổng số giáo viên: 87; nam: 34; nữ: 53. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (Đại học): 85; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.995; nam: 766; nữ: 1.229.

Tổng diện tích:18.055 m²; diện tích sử dụng: 4.423 m²

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 20; Phòng học: 45; Phòng thí nghiệm: 06 ; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 03; Khu thể thao (nhà đa năng): 01; Khu vệ sinh: 04.

 **3. Trường Trung học phổ thông Thủ Khoa Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Danh xưng đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ khoa Huân).

Địa chỉ: Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3.665.082

Trang thông tin: Website: <http://thptthukhoahuan.tiengiang.edu.vn>

Email: c3thukhoahuan.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Thủ Khoa Huân khai giảng khóa đầu tiên vào ngày 05/9/1983. Năm 1988, trường được thành lập theo Quyết định số 351/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/1988 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

#### THỦ KHOA HUÂN

**(1830 - 1875)**

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày ra nước ngoài.

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu.*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên; nam: 14; nữ: 20; Chi ủy: 04; nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 70 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 1.248 ; nam: 607; nữ: 641.

Tổng số viên chức: 70; nam 27 ; nữ: 43. Tổng số giáo viên: 60; nam 22 ; nữ: 38. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (Đại học): 55; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trình độ khác: 01

Tổng số học sinh: 1476; nam: 647; nữ: 829.

Tổng diện tích: 15.762,7 m2 ; diện tích sử dụng: 3.288 m2

Trường có 03 dãy lầu (dãy B có 03 lầu; dãy C có 01 lầu; dãy D có 02 lầu); Phòng làm việc: 09; Phòng học: 36 phòng; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: có 1 sân bóng đá mi ni, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 05 khu; Căn tin; Nhà xe.

 **4. Trường Trung học phổ thông Trần Văn Hoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hoài).

Địa chỉ: Ô 3, Khu I, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835231.

Trang thông tin điện tử: thpttranvanhoai.tiengiang.edu.vn

Email: c3tranvanhoai.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 26/8/1993 mang tên Trường Trung học phổ thông bán công Chợ Gạo. Năm 2008, theo Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường được chuyển đổi loại hình từ bán công sang công lập và mang tên Trường Trung học phổ thông Trần Văn Hoài.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# TRẦN VĂN HOÀI

**(1871 – 1947)**

Trần Văn Hoài, còn gọi là Hương trưởng Hoài, sinh năm 1871 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Sau khi lập gia đình, ông về cư trú tại quê vợ ở xã Tân Thuận Bình cùng huyện.

Ông là người nhiệt thành yêu nước, từng tham gia các phong trào chống Pháp, như Thiên địa hội, Duy tân hội, hội kín Nguyễn An Ninh,… Ông còn bán ruộng đất, góp tiền ủng hộ phong trào Đông Du do nhà yêu nước Phan Bội Châu khởi xướng.

Năm 1927, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1928, ông bị thực dân Pháp bắt giam ba năm vì lưu giữ báo chí cách mạng ở trong nhà.

Năm 1931, sau khi ra tù, ông tham gia Hội Khuyến học Nam Kỳ, tổ chức cho nhiều thanh niên ra nước ngoài học tập chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, ông còn bỏ vốn lập đoàn ghe chài và vựa trái cây ở chợ cầu Ông Lãnh (Sài Gòn) để làm công tác liên lạc và gây quỹ tài chánh cho Đảng. Cũng trong năm 1931, đồng chí Cộng (Nguyễn Văn Ngự - Tỉnh ủy viên) thay mặt Tỉnh ủy Mỹ Tho xuống Chợ Gạo tổ chức cuộc họp - cũng tại nhà ông Hương trưởng Hoài để củng cố, thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của huyện Chợ Gạo. Chi bộ đầu tiên của huyện Chợ Gạo có 7 đảng viên: Trần Văn Hoài, Võ Trọng Phụng, Dương Khuy, thầy giáo Thiện (Nguyễn Đăng Duy), Dương Văn Nguơn, Trần Thị Hồng Liên, Trần Văn Hiển (con của ông). Đồng chí Võ Trọng Phụng được chỉ định làm Bí thư chi bộ.

Năm 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở Chợ Gạo. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị thực dân Pháp bắt giam lần thứ hai. Ở trong tù, dù bị đày ải, hành hạ đến cùng cực, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với cách mạng.

Năm 1943, sau khi mãn hạn tù, ông lại tiếp tục hoạt động cách mạng. Ngôi nhà của ông chính là nơi diễn ra hội nghị thành lập Xứ ủy Lâm thời Nam Kỳ (10-1943) do ông Trần Văn Giàu làm Bí thư. Tháng 5 - 1945, cũng ở tại nhà ông, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị toàn Xứ, nhằm đề ra các hoạt động chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (9-1945), ngôi nhà to lớn của ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo) bị giặc Pháp đốt tan hoang. Nén nổi đau riêng và bất kể tuổi cao sức yếu, ông và các con cháu trong gia đình đều đi kháng chiến. Việc ông tham gia cách mạng đã có tác động to lớn đối với tinh thần yêu nước và hướng về kháng chiến của giới nhân sĩ trí thức đương thời.

Ngày mùng 10 tháng 5 năm Đinh Hợi (nhằm ngày 28-6-1947), ông có chuyến công tác đặc biệt vượt qua lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1), đoạn thuộc xã Long Định, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang, nhưng bị địch phục kích; và ông đã hy sinh anh dũng. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông tại thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

 Năm 2023, Chi bộ nhà trường co đảng viên; nam 13; Nữ: 17 Chi ủy: 04, nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 30. Đoàn thanh niên: 980 đoàn viên; nam: 460; nữ: 520.

 Tổng số viên chức: 59; nam 27; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 57; nam 27; nữ: 30. Thạc sĩ: 04; Cử nhân (đại học): 53.

 Tổng số học sinh: 1.295; nam: 712; nữ: 583.

 Tổng diện tích: 6.323 m2, diện tích sử dụng: 6.323 m2.

 Trường có 02 dãy lầu (dãy A: 01 trệt, 02 lầu; dãy B: 01 trệt; 03 lầu) và 02 dãy nhà trệt; Phòng học: 30; Phòng làm việc: 09; Thư viện: 01; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng Thiết bị: 01; Nhà vệ sinh: 06 khu; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Căn tin; Nhà xe.

 **Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở An Thạnh Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733837031

Trang thông tin điện tử: thcsanthanhthuy.tiengiang.edu.vn

Email: c2anthanhthuycg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy được thành lập năm 1976. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II An Thạnh Thủy. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 2000, trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ.UB ngày 18 tháng 9 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thạnh Thủy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 03; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01.  Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 12; nữ:18. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 434 đội viên; nam: 228; nữ: 206.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam:11; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 25; nam: 10; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 434; nam: 228; nữ: 206.

Tổng diện tích: 5.104 m²; diện tích sử dụng: 5104 m².

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Bình Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733990132

Trang thông tin điện tử: http://thcsbinhninh.pgdchogao.edu.vn

Email: c2binhninhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1992, Trường Phổ thông cơ sở cấp II Bình Ninh được thành lập. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bình Ninh. Năm 2014, trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ninh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06. Đội thiếu niên: 954 đội viên; nam: 482 ; nữ: 472.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 13; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam:13; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 35; Cử nhân (cao đẳng): 05;

Tổng số học sinh: 954 ; nam:482 ; nữ: 472.

Tổng diện tích: 6.616 m2; diện tích sử dụng: 6.000 m2.

Trường có 03 dãy lầu, trong đó có 02 dãy 01 tầng, 01 dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 04; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**3. Trường Trung học cơ sở Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Ấp Bình Ninh, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trang thông tin điện tử: thcsbinhphucnhut.pgdchogao.edu.vn

Email: C2binhphucnhutcg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt được thành lập năm 1976. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Bình Phục Nhứt. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên, nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 03, nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 40; nam: 13; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 22 đoàn viên; nam: 10; nữ: 12. Đội thiếu niên: 830 đội viên; nam: 409; nữ: 421.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 15; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 36; nam: 14; nữ: 12. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 846; nam: 417; nữ 429.

Tổng diện tích: 8.265m2; diện tích sử dụng: 8.265m2.

Trường có 03 dãy lầu; 01 dãy có 02 tầng và 02 dãy có 01 tầng; phòng làm việc: 07; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**4. Trường Trung học cơ sở Đăng Hưng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Đăng Hưng Phước).

Địa chỉ: Ấp Bình An, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 073656243

Trang thông tin điện tử: http://thcsdanghungphuoc.pgdchogao.edu.vn

Email: c2danghungphuoccg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học tỉnh hạt Đăng Hưng Phước được thành lập năm 1972. Năm 1976, trường được đổi tên Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Đăng Hưng Phước. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đăng Hưng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên, nam: 08, nữ: 07. Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công Đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 51 đoàn viên; nam: 35; nữ: 16. Đội thiếu niên: 729 đội viên; nam: 379; nữ: 351.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 15; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 37; nam: 15; nữ: 22. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 780 ; nam: 413; nữ: 367.

Tổng diện tích: 12.090 m2; diện tích sử dụng: 12.090m2.

Trường có 2 dãy lầu (dãy lầu hành chính có 1 tầng trệt, 1 tầng lầu; dãy phòng học có 1 tầng trệt, 2 tầng lầu); phòng làm việc: 09, phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; nhà đa môn: 01.

**5. Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Địa chỉ: Ấp Điền Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835499

Trang thông tin điện tử: thcslongbinhdien.pgdchogao.edu.vn

Email: c2longbinhdiencg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền và Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Bình Điền. Năm 1991, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Long Bình Điền theo Quyết định số 35/QĐ.UB ngày 05 tháng 7 năm 1991 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Bình Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 924 đội viên; nam: 485; nữ: 439.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 16; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 37; nam: 15; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 924; nam: 485; nữ: 439.

Tổng diện tích: 13.331 m2; diện tích sử dụng: 8.762 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 08; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**6. Trường Trung học cơ sở Lương Hòa Lạc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Lương Hòa Lạc).

Địa chỉ: Ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733845046

Trang thông tin điện tử: thcsluonghoalac.pgdchogao.edu.vn

Email: c2luonghoalacgtiengiang.edu.vn

Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Lương Hòa Lạc và Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Lương Hòa Lạc. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Lương Hòa Lạc. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Lương Hòa Lạc.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 07; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 88 đoàn viên; nam: 27; nữ: 61. Đội thiếu niên: 639 đội viên; nam: 326; nữ: 313.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 12; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 34; nam: 12; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 718; nam: 352; nữ: 366.

Tổng diện tích: 8.666 m2; diện tích sử dụng: 1.436 m2.

Trường có 02 dãy lầu; dãy phòng học gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, dãy phòng hành chánh gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ; khu vệ sinh: 01 khu vệ sinh dành cho học sinh và 02 khu vệ sinh dành cho giáo viên; phòng thiết bị: 01, phòng y tế: 01, phòng bộ môn Âm nhạc: 01.

**7. Trường Trung học cơ sở Quơn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Địa chỉ: Ấp Quang Phú, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 991 090

Trang thông tin điện tử: [http://www.thcsquonlong.pgdchogao.edu.vn](http://www.thcsquonlong.pgdchogao.edu.vn/)

Email: c2quonlongcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Quơn Long được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Quơn Long. Năm 1996, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Quơn Long theo Quyết định số 178/ QĐ.UB ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 19; nữ 21. Đoàn thanh niên: 54 đoàn viên; nam: 17; nữ: 37. Đội thiếu niên: 859 đội viên; nam: 497; nữ: 392.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 19; nữ 21. Tổng số giáo viên: 38; nam: 18; nữ: 20. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 902; nam: 480; nữ 422.

Tổng diện tích: 3.680m2; diện tích sử dụng: 3.680m2.

Trường có 03 dãy lầu; trong đó có 02 dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy gồm 01 tầng trệt 03 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm, thực hành: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu vệ sinh: 02.

**8. Trường Trung học cơ sở Thanh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Long, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733898004

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhbinh.tiengiang.edu.vn/

Email: c2thanhbinhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Quơn Long được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Quơn Long. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Quơn Long. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 07; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 56 đoàn viên; nam: 25; nữ: 31; Đội thiếu niên: 563 đội viên; nam: 259; nữ: 304.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 11; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 28; nam: 11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 614; nam: 330; nữ: 284.

Tổng diện tích: 6.614,6 m2; diện tích sử dụng: 6.614,6 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 06; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**9. Trường Trung học cơ sở Tân Bình Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Nhựt Tân, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.836513

Trang thông tin điện tử: http://thcstanbinhthanh.pgdchogao.edu.vn

Email: c2tanbinhthanhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Bình Thạnh. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Tân Bình Thạnh. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Bình Thạnh 179/QĐ.UB ngày 28 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Bình Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 12; nữ: 08; Chi ủy: 05: nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 18; nữ 12. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 02; nữ: 01; Đội thiếu niên: 480 đội viên; nam: 238; nữ: 242.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 18; nữ: 12. Tổng số giáo viên: 28; nam: 17; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 480; nam: 238; nữ: 242.

Tổng diện tích: 4.834 m2, diện tích sử dụng: 1.344 m2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02; phòng thiết bị: 01.

**10. Trường Trung học cơ sở Tịnh Hà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tịnh Hà).

Địa chỉ: Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 328

Trang thông tin điện tử: thcstinhha.pgdchogao.edu.vn

Email: c2tinhhacg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tịnh Hà được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An và Trường Phổ thông cấp II Tịnh Hà sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Tịnh An. Năm 1993, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Tịnh Hà theo Quyết định số 265/QĐ-UB ngày 03/11/1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tịnh Hà.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 08; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03, nữ 03. Đội thiếu niên: 1.537 đội viên; nam: 816; nữ: 721.

Tổng số cán bộ, viên chức: 64; nam: 26; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 61; nam: 23; nữ: 38. Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 1.537; nam: 816; nữ: 721.

Tổng diện tích: 11.512,7 m2; diện tích sử dụng: 4.833,73 m2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05; phòng thiết bị: 01.

**11. Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Thị trấn Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 4, Khu I, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733653653

Trang thông tin điện tử: thcsthitranchogao.edu.vn.

Email:c2ttchogaocg@tiengiang.edu.vn.

*Năm 1994, Trường Trung học cơ sở Hòa Định được thành lập theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Ngày 31 tháng 7 năm 2017, trường dời địa điểm về Ô 4, Khu I, thị trấn Chợ Gạo và được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.*

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 08; nữ: 15; Chi ủy: 05, nam: 02, nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 74 công đoàn viên; nam: 30, nữ: 44. Đoàn thanh niên: 52 đoàn viên; nam: 23; nữ 29. Đội thiếu niên:1.789 đội viên, nam: 908, nữ: 881.

Tổng số cán bộ, viên chức: 74; nam: 30, nữ 44. Tổng số giáo viên: 68, nam: 28, nữ: 40. Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 27.

Tổng số học sinh: 1.789, nam: 908, nữ: 881.

Tổng diện tích: 13.372,8 m2, diện tích sử dụng: 13.372,8 m2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 03 tầng, 01 dãy có 01 tầng, phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

**12. Trường Trung học cơ sở Xuân Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Xuân Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733892059

Trang thông tin điện tử: thcsxuandong.tiengiang.edu.vn.cms

Email: C2xuandongcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông và Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Xuân Đông. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Xuân Đông. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Xuân Đông theo Quyết định số 97/1999/QĐ-UB ngày 03 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Xuân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 02; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 11. Đội thiếu niên: 440 đội viên; nam: 231; nữ: 209.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 10; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 18; nam: 08; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 17; cử nhân( Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 440; nam: 231; nữ: 209.

Tổng diện tích: 2.720 m²; diện tích sử dụng: 1.000 m²

Trường có 01 dãy lầu, có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

 **Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

 **1. Trường Tiểu học An Thạnh Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3835821

Trang thông tin điện tử: http://thanthanhthuy.pgdchogao.edu.vn

Email: c1anthanhthuycg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp I và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Thạnh Hòa . Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học An Thạnh Thủy và Trường Tiểu học Thạnh Hòa. Năm 2019, sáp nhập Trường Tiểu học An Thạnh Thủy và Trường Tiểu học Thạnh Hòa thành Trường Tiểu học An Thạnh Thủy theo Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thạnh Thủy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ 12; Chi ủy: 05 đồng chí; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội Thiếu niên: 539 đội viên; nam: 278; nữ: 261.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 13; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 857; nam: 441; nữ: 416.

Tổng diện tích: 10.928,7 m²; diện tích sử dụng: 5.644m²

Trường có 04 dãy lầu, dãy lầu có 1 tầng: 02 dãy; dãy lầu có 2 tầng: 02 dãy; phòng làm việc: 05; phòng học: 25; phòng nghe nhìn gữ):01phòng; phòng máy tính: 02phòng; thư viện: 01; thiết bị: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**2. Trường Tiểu học Bình Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 990131; 02733 990 157

Trang thông tin điện tử: thbinhninh.pgdchogao.edu.vn

Email: c1binhninhcg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp I Bình Ninh và Trường Phổ thông cấp I Phú Hòa đều được thành lập năm 1976. Năm 2010, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Ninh theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ninh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên; nam 13; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04; Đội thiếu niên: 496 đội viên; nam: 242; nữ: 254.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 13; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 03; Trung học phổ thông: 01 (nhân viên bảo vệ)

Tổng số học sinh: 832; nam: 450; nữ: 382

Tổng diện tích: 7.706,7m2; diện tích sử dụng: 7.706,7 m2

Trường có 02 dãy lầu (dãy hành chính gồm 01 trệt và 01 lầu; dãy lớp học gồm 01 trệt và 02 lầu), phòng làm việc: 06; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**3. Trường Tiểu học Bình Phan**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan).

Địa chỉ: Ấp Bình Thọ Trung, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733837032

Trang thông tin điện tử: thbinhphan.pgdchogao.edu.vn

Email: C1binhphancg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Phan được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phan và Trường Phổ thông cấp II Bình Phan sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phan. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Phan. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Phan. Năm 2014, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1455/UBND-VX ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phan.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 19 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 07; nam: 00; nữ: 07; Đội thiếu niên: 198 đội viên; nam: 102; nữ: 86. Tổng số cán bộ, viên chức: 18; nam: 05; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 15; nam: 05; nữ 10. Cử nhân (đại học): 13; Cử nhân (Cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 354; nam: 190 ; nữ: 164.

Tổng diện tích: 5.230m2; diện tích sử dụng: 2.340m2 ;

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 2 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 12; phòng công nghệ: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; phòng đa chức năng: 01; kho: 01.

**4. Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Trường có 02 điểm trường đều thuộc ấp BìnhKhương 1, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733897072

Trang thông tin điệntử: thbinhphucnhut.pgdchogao.edu.vn

Email: c1binhphucnhutcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Khương. Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt và Trường Tiểu học Bình Khương. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt theo Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 03; nữ: 11; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 48 công đoàn viên nam 09; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 03; nữ: 14. Đội thiếu niên: 601 đội viên; nam: 308; nữ: 293.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 07; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 41 người; nam: 07; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp thư viện: 01.

Tổng số học sinh: 983; nam: 511; nữ: 472.

Tổng số diện tích: 8.597 m2; diện tích sử dụng: 8.597 m2.

Trường có 4 dãy lầu; 03 dãy có 01 tầngvà 01 dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 07; phòng học: 28; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sânchơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06; phòng công nghệ: 01 phòng; phòng đa chức năng: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mĩ thuật: 01; phòng truyền thống: 01.

**5. Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đăng Hưng Phước).

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số diện thoại: 0273 3656 297

Trang thông tin điện tử: Email: thdanghungphuoc@gmail.com.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Vĩnh Phước. Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước và Trường Tiểu học Vĩnh Phước. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt theo Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 2011, Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước hợp nhất với Trường Tiểu học Vĩnh Phước thành Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, vinh dự được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua và nhiều Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đăng Hưng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên, nam: 02, nữ 05. Ban giám hiệu: 03; nam 01; nữ 02. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam 01; nữ: 08. Đội thiếu niên: 592 đội viên; nam: 284; nữ: 308.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48; nam: 12; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 41; nam: 11; nữ: 30. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 41; Trung học sư phạm: 04; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 1.012; nam 498; nữ: 515.

Tồng diện tích: 12.797 m2; diện tích sử dụng: 2.130 m2

Trường có 02 dãy lầu: 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 08; phòng học 29; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng giáo dục trẻ khuyết tật: 01; sân chơi: 1200 m2; khu thể thao: 800 m2; khu vệ sinh: 02.

**6. Trường Tiểu học Hòa Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Định).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 835707

Trang thông tin điện tử: thhoadinh.pgdchogao.edu.vn

Email: thhoadinh@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Định được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Hòa Định và Trường Phổ thông cấp II Hòa Định sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Định. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Hòa Định. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Hòa Định. Năm 2011, Trường được xác nhận tư các pháp nhân theo Quyết định số 29/UBND ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Định.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên, nam: 08; nữ 14; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02: nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 0 ; nữ: 10. Đội thiếu niên: 475; nam: 255; nữ: 220.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 10; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 34; nam: 10; nữ: 24. Cử nhân ( đại học): 29 ; Cử nhân (cao đẳng): 05 ; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 755; nam: 390; nữ: 365.

Tổng diện tích: 6.707,2 m2; diện tích sử dụng: 6.707,2 m2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 22; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01 khu vệ sinh: 06 khu.

**7. Trường Tiểu học Hòa Tịnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Tịnh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 508

Trang thông tin điện tử: thhoatinh.pgdchogao.edu.vn

Email: tieuhochoatinhcg@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Tịnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Hòa Tịnh và Trường Phổ thông cấp II Hòa Tịnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Tịnh. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Hòa Tịnh. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Hòa Tịnh. Năm 2011, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 53/UBND-VX ngày 12/01/2018 của Ủy ban Nhân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Tịnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có13 đảng viên; nam: 04; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 12; nam: 03; nữ: 0. Đội thiếu niên: 286 đội viên; nam:158; nữ: 128.

Tổng số cán bộ viên chức: 22; nam: 7; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 20; nam: 6; nữ 14. Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 529; nam: 281; nữ 248.

Tổng diện tích: 3.179m2 ; diện tích sử dụng: 3.179m2

Trường có 02 dãy lầu; dãy phía bắc: 1 trệt, 1 lầu), dãy phía tây: 1 trệt, 2 lầu); phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; Phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**8. Trường Tiểu học Long Bình Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Địa chỉ: Ấp Điền Lợi, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 837 033

Trang thông tin điện tử: thlongbinhdien.pgdchogao.edu.vn

Email: c1longbinhdiencg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền và Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Bình Điền. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Long Bình Điền. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Bình Điền. Năm 2009, Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Bình Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05, nữ: 07 ; Chi ủy: 03, nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 30. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02, nữ: 03. Đội thiếu niên: 501 đội viên, nam: 270, nữ: 231.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38, nam: 8, nữ: 30. Tổng số giáo viên: 34, nam: 7, nữ: 27. Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 04.

 Tổng số học sinh: 791, nam: 422, nữ: 369.

Tổng diện tích: 8.191m2; diện tích sử dụng: 8.191m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 10, phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**9. Trường Tiểu học Lương Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Lương Phú).

Địa chỉ: Ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 845 161

Trang thông tin điện tử: http://thluongphu.pgdchogao.edu.vn

Email: c1luongphucg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Lương Phú được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Lương Phú và Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Lương Hòa Lạc. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Lương Phú. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Lương Phú. Năm 2014, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1808/UBND-VX ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thôn Lương Phú (xưa). Ấp Lương Phú (nay).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01; nữ: 10; Chi ủy: 03; Nam: 00; Nữ: 03. Ban Giám Hiệu: 01; Nam: 00; Nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên, Nam: 10; Nữ: 27. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; Nam: 02 ; Nữ: 07; Đội thiếu niên: 520 đội viên; Nam: 268; Nữ: 252.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37. Nam: 10; Nữ: 27. Tổng số giáo viên: 34. Nam: 10; Nữ: 24. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 829; Nam: 426; Nữ: 403.

Tổng diện tích: 5.305,9 m2; diện tích sử dụng: 5.305,9 m2

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 1 trệt, 1 lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**10. Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Tịnh An).

Địa chỉ: ấp Mỹ Trường, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 395

Trang thông tin điện tử: http://thmytinhan.pgdchogao.edu.vn/

Email: C1MyTinhAncg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Tịnh An sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Tịnh An. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Mỹ Tịnh An. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An. Năm 2017, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10/10/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Tịnh An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ 08; Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03. Đội thiếu niên: 508 đội viên; nam: 284; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 11; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (Đại học) 26; Cử nhân (Cao đẳng) 07; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 825; nam: 473; nữ: 352.

Tổng diện tích: 5.015 m2 diện tích sử dụng: 5.015 m2.

Trường có 01 dãy lầu; gồm 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 05.

**11. Trường Tiểu học Phú Kiết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết).

Địa chỉ: Ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733836483

Trang thông tin điện: thphukiet.pgdchogao.edu.vn

Email: c1phukietcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Kiết được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Phú Kiết và Trường Phổ thông cấp II Phú Kiết sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Kiết. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Phú Kiết. Năm 1993, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Kiết theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 5 tháng 10 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Tịnh An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 01; nữ: 14; Đội thiếu niên: 497 đội viên; nam: 248; nữ: 249.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 08; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 30; nam: 06; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 832; nam: 427; nữ: 405.

Tổng diện tích: 6.906,5m2; diện tích sử dụng: 6.906,5 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; phòng bảo vệ: 01.

**12. Trường Tiểu học Quơn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Địa chỉ: Ấp Quang Ninh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3991 111

Trang thông tin điện tử: thquonlong.pgdchogao.edu.vn

Email: truongthql@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp I Long Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long, Trường Phổ thông cấp I Long Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1989, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Quơn Long và Trường Tiểu học Long Thạnh. Năm 2019, Trường Tiểu học Quơn Long và Trường Tiểu học Long Thạnh hợp nhất thành Trường Tiểu học Quơn Long theo Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 01; nữ: 07. Đội thiếu niên: 490; nam: 236; nữ: 254.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 11; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ 19. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 830; nam: 410 ; nữ: 420.

Tổng diện tích: 7.625 m2; diện tích sử dụng: 4.125 m2.

Phòng làm việc: 11; phòng học: 25; phòng thí nghiệm (Công nghệ): 01; phòng nghe nhìn (Anh văn): 01; phòng máy tính: 02; phòng Âm nhạc: 01; thư viện: 02; thiết bị: 01; sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 02; phòng đa chức năng: 01; kho: 01.

**13). Trường Tiểu học Song Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Song Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733835513

Email: c1songbinhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Song Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Song Bình và Trường Phổ thông cấp II Song Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Song Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Song Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Song Bình. Năm 2018, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 53/UBND-VX ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Song Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 04; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02; Đội thiếu niên: 178 đội viên, nam: 96; nữ: 82.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 05; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 19; nam: 03; nữ 16. Cử nhân (Đại học): 18; Cử nhân cao đẳng: 04.

Tổng số học sinh: 441; nam: 229 ; nữ: 212.

Tổng diện tích: 5.405m2 ; diện tích sử dụng: 5.405m2

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 03 tầng; 01 dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng máy vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng khoa học cộng nghệ: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng tư vấn học đường: 01; phòng Đội thiếu niên: 01; phòng truyền thống: 01; phòng họp: 01; phòng y tế: 01; nhà ăn học sinh: 01; nhà đa chức năng: 01; nhà kho: 01; nhà bảo vệ: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**14. Trường Tiểu học Thanh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

Địa chỉ: Ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733898008

Trang thông tin điện tử: ththanhbinh.pgdchogao.edu.vn

Email: truongththanhbinh@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thanh Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Thanh Bình và Trường Phổ thông cấp II Thanh Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Thanh Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Thanh Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Bình.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thanh Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 10; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38; nam: 17; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03 ; Đội thiếu niên: 509 đội viên; nam: 254; nữ: 255.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 17; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 34; nam: 14; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 816; nam: 410 ; nữ: 406.

Tổng diện tích: 6.145 m2; diện tích xây dựng: 1.510 m2

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 29; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**15. Trường Tiểu học Tân Bình Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Bình Cách, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733836509

Trang thông tin điện tử: thtanbinhthanh.pgdchogao.edu.vn

Email: C­­1tanbinhthanhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Bình Thạnh. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Tân Bình Thạnh. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Bình. năm 2013, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1675/UBND-VX ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Bình Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 03; nữ: 07. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 17 công đoàn viên; nam: 07 nam; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 127 đội viên.

Tổng số cán bộ, viên chức: 17 nam: 07; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 13; nam: 06; nữ: 07. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 320; nam: 152; nữ: 168.

Tổng diện tích: 4.677 m2; diện tích sử dụng: 2.584 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 2 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**16. Trường Tiểu học Trung Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Trung Hòa).

Địa chỉ: Ấp Trung Thạnh, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiển Giang.

Số điện thoại: 02733836510

Trang thông tin điện tử: http://thtrunghoa.pgdchogao.edu.vn/

Email: c1trunghoa@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Trung Hòa được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Trung Hòa và Trường Phổ thông cấp II Trung Hòa sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Trung Hòa. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Trung Hòa. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Trung Hòa. Năm 2013, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1808/UBND-VX của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 264 đội viên; nam: 134; nữ:130.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 08; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 19; nam: 07; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 446; nam: 226; nữ: 220.

Tổng diện tích: 8.793,2 m2 ; diện tích sử dụng: 1.002 m2

Trường có 01 dãy lầu 2 tầng, phòng làm việc: 4; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**17. Trường Tiểu học thị trấn Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 3, khu 1, Thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 03733835316

Trang thông tin điện tử: [http://thttcg.pgdchogao.edu.vn](http://thttcg.pgdchogao.edu.vn/)

Email: c1ttchogaocg@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập vào khoảng năm 1949. Trước năm 1975, trường có tên là Trường Tiểu học cộng đồng Chợ Gạo. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), trường được đổi  tên là Trường Phổ thông cấp I Khu 1 thị trấn Chợ Gạo. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Khu 1 thị trấn Chợ Gạo và Trường Phổ thông cấp II thị trấn Chợ Gạo sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Chợ Gạo. Năm 1992, bộ phận cấp II của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp I và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I thị trấn Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học thị trấn Chợ Gạo. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10/10/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 03; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 01; nữ 02. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam 10; nữ: 42. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 01; nữ: 09. Đội thiếu niên: 654 đội viên; nam: 322; nữ: 332.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 10; nữ: 42. Tổng số giáo viên: 44; nam: 08; nữ: 36. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 1.113; nam: 589; nữ: 524.

Tổng diện tích: 10.866,1 m2; diện tích sử dụng: 10.866,1 m2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 31; phòng thí nghiệm 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**18. Trường Trường Tiểu học Tân Thuận Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thuận Bình).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835156

Trang thông tin điện tử: http://thtanthuanbinh.pgdchogao.edu.vn

Email: truongthtanthuanbinh2@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thuận Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Thuận Bình và Trường Phổ thông cấp II Tân Thuận Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thuận Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Tân Thuận Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thuận Bình. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Hòa và Trường Tiểu học Tân Thuận Bình hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Thuận Bình theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thuận Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 07; nữ: 10; Chi ủy 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02; Đội thiếu niên: 314 đội viên; nam: 170; nữ: 144.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 17; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 34; nam: 14; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 3.

Tổng số học sinh: 671; nam: 368; nữ: 303.

Tổng diện tích: 9.332 m2; diện tích sử dụng: 1.536 m2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 1 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**19. Trường Tiểu học Xuân Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Xuân Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 892 027

Trang thông tin điện tử: c1xuandongcg@tiengiang.edu.vn

Email: thxuandong@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông và Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Xuân Đông. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Xuân Đông. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Xuân Đông. Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 98/1999/QĐ.UB ngày 03/11/1999 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Xuân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05, nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ 02. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 332 đội viên; nam: 171; nữ; 161.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 14; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 24; nam: 14; nữ: 10. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung cấp: 03. Trung học phổ thông: 01.

Tổng số học sinh: 569; nam: 295; nữ: 274.

Tổng diện tích: 9.873 m2; diện tích sử dụng: 9.873 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy 02 tầng; phòng làm việc: 06; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

 \* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

 **1.** **Kinh/Kênh Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: : gánh vác, giữ gìn; Định: : Yên ổn).

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: “*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu* (1705), *đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tứcQuốc chúa Nguyễn Phúc Chu)*, sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngồi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: “*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè*”.

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: “... *đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819)*, vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*”.

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : “*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: “*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*”.

 Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định* *thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: “... *đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*”. Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: “*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*”; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: “*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*”.

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để “*truyền mãi về sau*”; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

*TÂN KINH THẦN MỤC*

*Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,*

*Tân kinh mục tử[[17]](#footnote-17)* *trục tương lai.*

*Địch xuy lô quản xâm yên tố,*

*Ngưu đạp vân căn[[18]](#footnote-18) nhập thủy ôi.*

*Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,*

*Tang âm lục dã lộ kham môi.*

*Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[[19]](#footnote-19)* *thế,*

*Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.*

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

*SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH*

*Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,*

*Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.*

*Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,*

*Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.*

*Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,*

*Dâu xanh bóng mát họp cò đông.*

*Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,*

*Để áo, nằm say cạnh khóm hồng*

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công cùa quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều của; lại là “cửa ngõ” của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[[20]](#footnote-20).

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[[21]](#footnote-21) gần Trung Lương[[22]](#footnote-22) thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: “*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*”.

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

*Mỹ Tho bóng mát đường cây,*

*Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.*

*Cầu Quay phố xá đôi bên,*

*Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.*

*Gió sông mát rượi hồn thanh,*

*Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.*

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

**2. Kinh/Kênh Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Kinh/Kênh Chợ Gạo nối rạch Kỳ Hôn với sông Tra là một nhánh ngắn của sông Vàm Cỏ, chảy qua địa bàn huyện Chợ Gạo và xã Đồng Sơn (huyện Gò Công Tây).

Kinh/Kênh Chợ Gạo được chính quyền thực dân Pháp cho đào vào năm 1877 bằng phương tiện thủ công theo đề án của đô đốc, chánh tham biện hạt Mỹ Tho Duperrré nên gọi là kinh/kênh Duperré; nhưng dân gian quen gọi là kinh/kênh Chợ Gạo.

Việc đào kinh/kênh của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ nhằm tạo ra con đường thủy cho tàu thuyền vận chuyển lúa gạo từ miền Tây Nam Kỳ về Sài Gòn để xuất cảng. Mặc khác, việc đào kinh/kênh theo lối thủ công còn nhằm mục đích kềm giữ thanh niên trong độ tuổi lao động, đề phòng họ tham gia các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Kinh/kênh được nạo vét lại nhiều lần, lần có quy mô lớn nhất là vào năm 1892, cũng bằng thủ công. Đến giai đoạn 1906 - 1910, kinh/kênh được cải tạo bằng cơ giới nên to và rộng hơn. Quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* (1902) ghi nhận: “Đây là con kinh/kênh được tàu bè của người bản xứ và các tàu hơi nước của các hãng đường sông qua lại tấp nập. Nó thường tràn ngập bởi những chiếc ghe đủ các loại trọng tải”. Kinh/Kênh trở thành con đường thủy quan trọng giữa Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn tuyến kinh/kênh Chợ Gạo đi qua huyện Châu Thành (tỉnh Long An), thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang). Hiện nay, kinh Chợ Gạo sâu 5-7m, rộng trung bình 100m, dài 28 km. Đây là tuyến giao thông thuỷ quan trọng nối sông Tiền và sông Vàm Cỏ, góp phần đắc lực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Bộ.

**3. Kinh/Kênh Lộ Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Vị trí (Ngang).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; các xã Thanh Bình, Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Gò Cát, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, dài 11,8 km, bề ngang 11 - 13 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 825 ha.

**4. Kinh/Kênh Lộ Tổng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Đơn vị hành chính thời xưa (Tổng: Cấp hành chính dưới “huyện”, trên “xã”; Trong ngữ cảnh này chỉ tổng Thạnh Quơn, huyện Chợ Gạo)

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Thanh Bình, Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Hóc Đùn, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Ngang, dài 6,75 km, bề ngang 9 - 11 m, sâu 1,0 - 1,2 m, diện tích phục vụ 330 ha.

**5. Kinh/Kênh Nhỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Nhỏ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua Lương Hòa Lạc, Phú Kiết, Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Ngang, dài 6,66 km, bề ngang 12 - 16 m, sâu 1,55 - 2,60 m, diện tích phục vụ 880 ha.

**6. Kinh/Kênh Tham Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[[23]](#footnote-23) + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50). Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

**7**. **Kinh/Kênh Xuân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Xuân: : Mùa xuân; Hòa: : Hoà hợp, hoà thuận).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Xuân Đông, Hòa Định, An Thạnh Thủy, Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với cống Xuân Hòa, điểm cuối nối với rạch Cầu Ngang, dài 10 km, bề ngang 35 m, sâu 3,5 - 4,0 m, diện tích phục vụ 33.000 ha, nạo vét năm 2010.

**8. Kinh/Kênh 20 tháng 7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký Hiệp định Genève - 20/7/1954).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thuận Bình, Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Hóc Lựu, điểm cuối nối với cống Long Hiệp, dài 7.5 km, bề ngang 14 - 16 m, sâu 1,5 - 2 m, diện tích phục vụ 1.240 ha.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1. Đình Phú Kiết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết)

Đình Phú Kiết tọa lạc tại ấp Phú Lợi A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 2.135 m2, diện tích xây dựng 515 m2.

Sau nhiều lần dời địa điểm và trùng tu (1841, 1941, 1961, 1969, 2005), đình có kiến trúc hỉnh chữ tam (≡) gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện. Đình lợp bằng ngói âm dương, bó nền bằng đá tàng ong, nền móng kè cao 80 cm. Bên trong chánh điện, có nhiều bức hoành phi, câu đối được chạm trỗ tinh xảo mang tính nghệ thuật cao.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Đại càn (Cá Ông), Ngũ hành, tiền hiền, hậu hiền. Hiện nay, đình có 6 sắc phong được bảo quản và lưu giữ cẩn thận, gồm: 4 sắc phong vào năm Thiệu Trị thứ năm (1845) và 2 sắc phong vào năm Tự Đức thứ ba (1850); trong đó có 3 sắc phong Đại càn Quốc gia Nam Hải và 3 sắc phong Bảo An Thành hoàng.

Hàng năm, đình có 2 lệ cúng: cúng hạ điền (16, 17 tháng 6 âm lịch), cúng thượng điền (16, 17 tháng 12 âm lịch).

Đình Phú Kiết được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012.

**2.** **Đình Bình Đăng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Bình Đăng)

Đình Bình Đăng tọa lạc tại ấp Bình Phú Quới, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, được xây dựng đầu thế kỷ 19, diện tích đất 3.188 m², diện tích xây dựng 732 m². Qua nhiều lần sửa chữa và trùng tu (1921, 1989, 1996, 1997, 1998, 2003, 2005, 2007, 2012), đình có kiến trúc hình chữ quốc (), gồm 05 hạng mục: thảo bạt, chánh điện, sân thiên tĩnh, nhà tổ và nhà khói.

Hiện đình còn lưu giữ 13 bộ bao lam, 08 hoành phi, long trụ được chạm khắc rất tinh xảo và 16 câu đối có niên đại thế kỷ XIX và thế kỷ XX. Đình được xem là một trong những ngôi đình lớn có kiến trúc đẹp và độc đáo ở huyện Chợ Gạo.

Hằng năm, đình có 02 lễ cúng: lễ cúng thượng điền vào ngày 11 tháng 12 âm lịch, lệ cúng hạ điền vào ngày 16 tháng 6 âm lịch.

Đình Phú Kiết được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

**Khái niệm Miếu**

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

**Miếu Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Tên Hán Việt (Điền: Ruộng).

Miếu Điền tọa lạc tại ấp Mỹ Khương, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, mái lợp ngói âm dương, cất theo kiểu sắp đọi, gồm 3 gian, cột tròn. Do bị giặc Pháp đốt phá nhiểu lần nên vào năm 2005, miếu được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép, mái lợp fibro xi măng, diện tích xây dựng 230 m2, gồm vỏ ca và chánh điện.

Miếu thờ Thần Nông nên được gọi là Miếu Điền. Hằng năm, miếu có 03 lễ cúng chính: Lễ đưa khách vào ngày 16/3 âm lịch; Lễ Hạ điền vào ngày 20/6 âm lịch; Lễ Cầu bông vào ngày 20/9 âm lịch. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn tổ chức lễ giỗ tưởng niệm các chiến sĩ Quốc vệ đội hy sinh trong trận đánh lính Cao Đài và quân Pháp tại cầu Ông Hậu vào ngày 19/01/1948.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, miếu là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Mỹ Tịnh An và huyện Chợ Gạo.

Miếu Điền được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

**Khái niệm Đền thờ**

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

**Mộ và Đền thờ Nguyễn Hữu Huân**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Mộ và Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).**

Đền thờ Nguyễn Hữu Huân tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830[[24]](#footnote-24) tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu[[25]](#footnote-25).*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Sau khi ông mất, để tỏ lòng tôn kính, nhân dân địa phương đã lập đền thờ cách nơi ông bị xử trảm 100 m (ngay Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An ngày nay). Năm 1995, được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, đền thờ được dời về cạnh mộ ông và xây mới hoàn toàn.

Ngôi đền có diện tích 3.500 m2. Khuôn viên đền thờ được thiết kế như một công viên với các loại hoa kiểng ở địa phương được bố trí hài hòa, đẹp mắt. Ngôi đền được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, theo kiểu đòn dông dọc, gồm vỏ ca, chính điện và nhà khói. Bên trong chính điện có bàn thờ, tượng đồng khắc họa chân dung Nguyễn Hữu Huân; lư hương và các bộ binh khí bằng đồng, Bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Ngôi mộ lúc đầu được đắp bằng đất, đến năm 1927, con cháu ông và nhân dân địa phương xây dựng lại bằng đá xanh gồm hai phần: nấm mộ và bia mộ. Theo các vị bô lão địa phương, mộ được xây theo kiểu “voi phục” vì trông giống như con voi đang nằm áp bụng xuống đất. Nền mộ là những viên đá dày 30cm, rộng 40cm, dài 120cm ghép lại với nhau thành nền để đặt núm mộ với diện tích phần nền bằng đá 4,042m2. Núm mộ gồm 2 tảng đá xanh có hình dáng mô hai đầu cao 70cm, phần giữa lõm xuống cong như lưng voi, phía trước có hoa văn khắc ô chữ nhật xoáy vòng, phía sau hoa văn là những vòng gợn và uốn xoáy lại ở cuối đã được ghép bằng xi măng theo chiều dài.

Bia mộ nối liền với núm mộ gồm 3 phần: chân bia, thân bia và mái bia. Chân bia là một khối đá hình chữ nhật có chạm hoa văn hình lá. Thân bia để viết chữ dày 40cm, cao 72cm rộng 100cm. Mái che bằng đá xanh cao 32cm, rộng 38cm. Mái che giả ngói chia làm 8 rãnh, cuối đầu mỗi rãnh có chạm hoa sen, hai đầu chạm 2 con dơi quay mặt ra ngoài tư thế đang bay trông rất sinh động.

Tại đây, các ngành chức năng đã thành lập Ban bảo vệ đền thờ, hàng ngày có người trông nom, chăm sóc khu di tích và đón tiếp khách tham quan. Hằng năm, vào ngày 15-4 (âm lịch) lễ tưởng niệm ông được tổ chức tại đền thờ rất trọng thể.

Đền thờ Nguyễn Hữu Huân được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 112/VHQĐ ngày 15/6/1987.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

**Khái niệm Chùa**

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

**Chùa Bà Kết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Bà Kết).

Chùa Bà Kết, còn gọi là chùa Long Phan, tọa lạc tại ấp Bình Hưng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, được xây dựng vào khoảng thế kỷ đầu thế kỷ 19. Theo dân gian, ở địa phương có một người phụ nữ từng làm nhiều việc công đức, phước thiện tên là Bà Kết đã xây dựng nên ngôi chùa. Do bị giặc Pháp nhiều lần đốt cháy và bom đạn giặc Mỹ tàn phá nên sau ngày 30/4/1975, chùa trở nên tiêu điều, xuống cấp nặng nề; thậm chí có lúc, chùa không ai ở, mà chủ yếu người dân tự động đến cúng kiếng. Mãi đến năm 2007, chư tôn, đức tăng, ni trong và ngoài tỉnh cùng các phật tử gần xa đóng góp kinh phí để trùng tu lại ngôi chùa. Cụ thể, năm 2007 trùng tu chánh điện; năm 2009 xây đài Quan Âm, miếu ngũ hành; năm 2010 xây dựng hậu tổ, giảng đường để phật tử có điều kiện tu học. Hiện tại, ngôi chùa khá khang trang, phật tử khắp nơi đến thăm viếng, lễ Phật ngày càng đông.

Chùa còn là di tích khảo cổ thuộc nền văn hóa Óc Eo. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di vật, như tượng thần Vishnu (chỉ còn đầu và tay), bình gốm, gạch có kích thước 25cm x 15cm x 8cm,… có niên đại từ thế kỷ thứ IV- VIII tương ứng với thời gian tồn tại của vương quốc Phù Nam.

Chùa Bà Kết được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

 **1.** **Thánh thất An Thạnh Thủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã An Thạnh Thủy).

Thánh thất Chợ Gạo được xây dựng năm 1956, tọa lạc tại ấp An Khương, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo.

**2. Thánh thất Bến Tranh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính xưa (quận Bến Tranh).

Thánh thất Bến Tranh, được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

**3. Thánh thất Bình Phục Nhứt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhứt).

Thánh thất Bình Phục Nhứt được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Bình Khương, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo.

**4. Thánh thất Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Chợ Gạo).

Thánh thất Chợ Gạo được xây dựng năm 1955, xây dựng mới năm 2018, tọa lạc tại Khu 2, thị Trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo.

**5. Thánh thất Hòa Tịnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Hòa Tịnh).

Thánh thất Hòa Tịnh được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

**6. Thánh thất Lương Hòa Lạc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Lương Hòa Lạc).

Thánh thất Lương Hòa Lạc được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

**7. Thánh thất Phú Kiết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Kiết).

Thánh thất Phú Kiết được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Phú Lợi A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

**8. Thánh thất Quơn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Quơn Long).

Thánh thất Quơn Long được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo.

**9. Thánh thất Song Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Song Bình).

Thánh thất Song Bình được xây dựng năm 2004 và trùng tu 2009, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo.

**10. Thánh thất Thanh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thanh Bình).

Thánh thất Thanh Bình được xây dựng trước năm 1972 và trùng tu 2011, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

**11. Thánh thất Tân Thuận Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Thuận Bình).

Thánh thất Tân Thuận Bình được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

 **1.** **Xóm Ao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước).

Xóm Ao là xóm nhà tọa lạc xung quanh một cái ao, thuộc xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

Địa danh này có liên quan đến chiến thắng “Bảy dũng sĩ Xóm Ao”.  Ngày 15/11/1965, tại Xóm Ao,  07 chiến sĩ quân giải phóng đã kiên cường, anh dũng, mưu trí đánh bại cuộc hành quân càn quét của 3 đại đội bảo an địch, có máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt hàng trăm binh lính địch. Từ chiến thắng đó, bà con xã Thanh Bình đặt cho cái tên “Bảy dũng sĩ Xóm Ao” và đã trở thành một địa danh lịch sử.

 **2. Xóm Cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tính từ (Cũ).

Xóm Cũ tọa lạc tại xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo. Địa danh này liên quan đến trận đánh ngày 06/12/1947 của Trung đoàn 120 chủ lực Nam Bộ trước cuộc càn quét của trên 1.000 lính Âu - Phi của quân đội viễn chính Pháp có pháo binh và máy bay yểm trợ mạnh mẽ. Với trận đánh này, ta tiêu diệt và làm bị thương khoảng 200 tên địch. Đây là trận chống càn ác liệt, bộ đội ta kiên cường bám trụ đánh địch giữ làng, tạo thế phá vây, bảo toàn lực lượng và bảo vệ Nhân dân.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

**Khái niệm:**

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

**1. Xứ Bến Tranh**

Xứ Bến Tranh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Ngãi Hữu và thôn Lương Phú, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh)

Xứ Bến Tranh là xứ có bến mà tại đó có nhiều cỏ tranh.

**2. Xứ Bến Tre**

Xứ Bến Tre là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Hạnh, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cây tre).

Xứ Bến Tre là vùng đất có bến mà tại đó có nhiều cây tre hay buôn bán tre.

**3**. **Xứ Cai Lộc**

Xứ Cai Lộc là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Khương, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ thời xưa và tên người (Cai Lộc).

Xứ Cai Lộc là vùng đất do ông Cai đội Phạm Hoằng Lộc quy tụ nhân dân khai khẩn vào cuối thế kỷ 18.

**4. Xứ Cái Chốt**

Xứ Cái Chốt là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Vĩnh An, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Sông cái) + Động vật (Cá chốt).

Xứ Cái Chốt là vùng đất nằm dọc theo rạch Cái Chốt (rạch có nhiều cá chốt).

**5. Xứ Đồng Mới**

Xứ Đồng Mới là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Dương, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Đồng Mới).

Xứ Đồng Mới là vùng đất mới được người dân khai phá.

6. **Xứ** **Gò Kết**

Xứ Gò Kết là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Phan, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Tên người (Bà Kết).

Xứ Gò Kết là vùng đất nằm trên một gò cát mang tên Bà Kết. Ở đây còn có chùa Bà Kết.

**7.** **Xứ Gò Nổi**

Xứ Gò Nổi là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Phục Nhứt, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Danh từ (Nổi: Nhô lên).

Xứ Gò Nổi là vùng đất nằm trên một gò cát cao.

**8.** **Xứ** **Gò Tre**

Xứ Gò Tre là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Thời, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Thực vật (Cây tre).

Xứ Gò Tre là vùng đất nằm trên một gò cát có nhiều tre.

 **9.** **Xứ Tầm Vu**

Xứ Tầm Vu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Cách, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tầm Vu: do từ Khmer Lam Pu (cây bần) gọi trại mà ra).

Xứ Tầm Vu là vùng đất có nhiều cây bần.

**10.** **Xứ Thang Trông**

Xứ Thang Trông là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Phú Kiết, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Dụng cụ trông phương hướng (Thang trông).

Năm 1819, vua Gia Long cho nạo vét và mở rộng kinh/kênh Bảo Định. Viên quan chỉ huy công trình là Nguyễn Văn Phong, trấn thủ trấn Định Tường, cho dựng một cái thang cao để trông hướng trong việc thi công. Từ đó, trở thành địa danh: xứ Thang Trông. Chợ Phú Kiết hiện nay thời xưa có tên là chợ Thang Trông.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**1. Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ) + Tổ chức Đảng (Huyện ủy) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo tọa lạc tại xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, **với diện tích 2.350m2; phục dựng tái hiện cảnh trí lịch sử di tích với 10 phân khu chức năng, như: Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam huyện Chợ Gạo; Phòng hội họp Quân đội; Bộ phận tự túc lương thực - thực phẩm; Nhà công binh xưởng; Văn phòng Huyện ủy Chợ Gạo; Phòng Dân y; Bộ phận giao liên; Hầm bí mật; Phòng Dân vận - Tuyên truyền; Phòng An ninh.**

Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

**2. Khu mộ Âu Dương Lân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Âu Dương Lân).

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày sang Cayenne ở Trung Mỹ vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ và lẻn về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Cuối cùng, ngày 12 tháng 7 năm Ất Hợi (12/8/1875), giặc Pháp đã chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho).

Hiện nay, khu mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. **Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Số lượng (Bảy) + Danh từ (Dũng sĩ: Người có lòng dũng cảm, dám đương đầu với những hiểm nguy, lm nên những việc phi thường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Ao).

Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao tọa lạc tại Ấp 6, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

Ngày 15/11/1965, tại Xóm Ao,  07 chiến sĩ quân giải phóng đã kiên cường, anh dũng, mưu trí đánh bại cuộc hành quân càn quét của 3 đại đội bảo an địch, có máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt hàng trăm binh lính địch. Từ chiến thắng đó, Nhân dân xã Thanh Bình đặt cho cái tên “Bảy dũng sĩ Xóm Ao” và đã trở thành một địa danh lịch sử.

Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao là một công viên rộng 1.200m2, trong đó Bia Chiến thắng cao 7 m, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2. Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Sự kiện lịch sử (Ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962).

Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 tọa lạc tại ấp Long An, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo.

Ngày 17/6/1962, tiểu đoàn bảo an của tỉnh Định Tường và đại đội bảo an của quận Chợ Gạo thuộc quân đội Sài Gòn có xe thiết giáp M.113, máy bay trực thăng, pháo binh yểm trợ tấn công vào trạm giao liên xã Quơn Long. Tại đây, đoàn công tác của các đồng chí cán bộ Trung ương tập kết trở về tăng cường chi viện cho miền Nam (còn gọi là Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu) đang trú đóng tại trạm đã tổ chức chiến đấu chống càn. Trận đánh diễn ra rất quyết liệt giữa ta và địch. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch về phía địch, mặc dù chiến đấu vô cùng dũng cảm; nhưng 37 đồng chí cán bộ của ta đã hy sinh oanh liệt.

Cuộc chống càn của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 tại xã Quơn Long là một trong những sự kiện tiêu biểu trong lịch sử đấu tranh của quân và dân Tiền Giang. Sự hy sinh của các đồng chí đã thể hiện tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” và là tấm gương sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, có tác dụng to lớn trong việc cổ vũ, động viên quân dân ta tiến lên đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình và thống nhất nước nhà.

Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**3. Địa điểm khảo cổ chùa Bà Kết**

 Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Bà Kết).

Địa điểm khảo cổ chùa Bà Kết tọa lạc tại ấp Bình Hưng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di vật, như tượng thần Vishnu (chỉ còn đầu và tay), bình gốm, gạch có kích thước 25cm x 15cm x 8cm,… có niên đại từ thế kỷ thứ 4 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa Óc Eo.

Địa điểm khảo cổ Chùa Bà Kết được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**4. Địa điểm khảo cổ Giồng Dài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Kích thước (Dài).

Địa điểm khảo cổ Giồng Dài tọa lạc tại ấp Trường Xuân A, xã Thanh Binh, huyện Chợ Gạo. Tại đây đã tìm thấy bình gốm, tượng thần Ganesa[[26]](#footnote-26); bình gốm và một số mảnh gốm vỡ, thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

 Địa điểm khảo cổ Giồng dài được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**5. Địa điểm khảo cổ Gò Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Thành). Tên gọi Gò Thành xuất hiện khi những người Việt đầu tiên đến khai phá vùng đất này thấy trên gò có nhiều gạch, cho đó là vết tích của một thành xưa nên đặt tên là Gò Thành.

Địa điểm khảo cổ Gò Thành tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, có niên đại từ thế kỷ 4 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa óc Eo.

Đây là một địa điểm khảo cổ đặc biệt vì nơi đây còn lưu giữ khá nguyên vẹn và phong phú với 3 loại di chỉ khác nhau: di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng. Nhất là di chỉ kiến trúc với nhiều đền tháp ở cạnh nhau có quy mô khác nhau, rất hoành tráng, tuy chỉ còn phần nền.

Sau các đợt khai quật, trùng tu và tôn tạo di tích, các nhà khảo cổ đã nhận thấy ở phía ruộng thấp về phía tây và tây nam của gò cao là di chỉ cư trú. Ở độ sâu khoảng 1,5 đến 3 m, phát hiện có nhiều gốm cổ bị vỡ; nhiều vòi bình; nhiều di cốt trâu bò, heo và xương cá; nhiều dấu vết tro, than, vỏ trái cây, lá dừa nước; cùng với vài cọc gỗ có dấu vết gia công.

Ở trung tâm gò cao là những đền tháp bằng gạch được xây dựng cạnh nhau, hiện chỉ còn phần nền. Chính giữa các đền tháp là những hố thờ dạng giếng hình vuông với nhiều kiểu dáng khác nhau, có độ sâu từ 1,5 đến 3 m. Phía đáy hố thi thoảng có các mảnh vàng hình vuông hoặc hình tròn cắt hình cánh sen, có khắc hình các con vật, chủ yếu là hình voi, một ít tro, các thanh gỗ hình vuông cạnh khoảng 40 cm được chồng lên nhau theo hình vuông, các lớp cát vàng và các lớp cuội xen kẽ. Nền tháp được xây dựng kiên cố với những lớp gạch có kích thước đa dạng.

Đồng thời, tại đây đã phát hiện có 12 hố thờ và mộ có dạng hình giếng nằm rải rác trên mặt gò. Đây là di chỉ mộ táng. Trong các hố thờ và mộ táng, có đến hơn 100 hiện vật bằng vàng vừa nguyên dạng vừa bị vỡ, trong đó có cả vòng đeo gắn hình lá cây, hạt chuỗi hình trái xoan, hình bông mai 6 cánh, hình tứ giác có khắc hình voi… Có 6 hiện vật bằng đồng, trong đó có 2 nhẫn, 1 xập xoã, 1 ống đồng nhỏ và 2 mảnh đồng hình thang,…

Tại nhà trưng bày có hàng chục hiện vật, trong đó đáng chú ý là 01 tượng thần Vishnu bằng đá (thần Bảo tồn) còn nguyên dạng, 1 tượng nữ thần và 1 tượng nam thần đều chỉ còn phần thân; 1 mảnh đá nhỏ có minh văn Phạn ngữ (chữ Phạn cổ) còn rất ít nét; mô hình sinh thực khí nữ (yoni), nam (linga) riêng biệt và sự kết hợp của cả hai - biểu trưng cho nguồn gốc phát triển nhân loại; 02 hạt đá quý màu tím xanh và trắng trong, nhiều mảnh bình, nhiều gốm thô, mịn có tô màu đỏ hoặc nâu, hoa văn trang trí, và vài lá đề bằng gốm…

Địa điểm khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo  Quyết định số 3211/QĐBT ngày 12/12/1994.

**6. Miệt vườn thanh long Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Vườn) + Trái cây (Thanh long) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Thanh long được trồng tại Chợ Gạo từ cách đây hơn 65 năm. Với đặc tính chịu khô hạn, sinh trưởng tốt trên đất cát pha, cây thanh long Tiền Giang cho năng suất khá cao, quả lại ngọt, vỏ mỏng, mẫu mã đẹp. Nắm bắt lợi thế này, khoảng 20 năm trở lại đây, huyện Chợ Gạo đã phát triển cây thanh long theo hướng cây trồng hàng hóa và nhân rộng diện tích trồng.

Năm 2023, huyện Chợ Gạo có khoảng 7.000 ha thanh long, sản lượng đạt khoảng 100.000 tấn mỗi năm. Thanh long được trồng ở hầu khắp các xã trên địa bàn huyện; nhưng tập trung nhiều tại 15 xã: Quơn Long, Thanh Bình, Tân Thuận Bình, Bình Phục Nhứt, Thanh Bình, Đăng Hưng Phước, Tân Bình Thạnh, Phú Kiết, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Song Bình, Bình Phan, Trung Hòa, Lương Hòa Lạc,… Các xã trên địa bàn huyện đã có hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ thanh long. Huyện còn có 73 cơ sở chuyên thu mua, sơ chế thanh long, trong đó có 26 cơ sở có kho lạnh để bảo quản thanh long. Huyện cũng đã đăng ký và được cấp 15 mã vùng trồng xuất khẩu thanh long của huyện Chợ Gạo sang Trung Quốc cho 15 xã trồng thanh long và 135 mã số cơ sở đóng gói thanh long của huyện Chợ Gạo xuất khẩu sang Trung Quốc phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản.

Hai giống thanh long chính được trồng tại đây là thanh long ruột đỏ và thanh long ruột trắng. Trong đó, thanh long ruột đỏ là giống cây đã được Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam trồng thử nghiệm thành công đầu tiên tại Chợ Gạo, từ đó mới nhân rộng khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thanh long là loại trái cây bổ dưỡng, được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang một số nước, nhất là Trung Quốc.

1. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*). [↑](#footnote-ref-2)
3. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-3)
4. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-4)
5. Mục tử: Trẻ chăn trâu. [↑](#footnote-ref-5)
6. Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: “Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn”, nghĩa là: Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi. [↑](#footnote-ref-6)
7. Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình. [↑](#footnote-ref-7)
8. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-8)
9. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-9)
10. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-10)
11. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-11)
12. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-13)
14. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-14)
15. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-15)
16. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-16)
17. Mục tử: Trẻ chăn trâu. [↑](#footnote-ref-17)
18. Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: “*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*”, nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*. [↑](#footnote-ref-18)
19. Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình. [↑](#footnote-ref-19)
20. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1),* Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326. [↑](#footnote-ref-20)
21. Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-21)
22. Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-22)
23. Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, trang 63. [↑](#footnote-ref-23)
24. Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất* của Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, ghi năm sinh của ông là năm 1816. [↑](#footnote-ref-24)
25. Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, các tác giả Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, cho rằng bài thơ *Hãn mã gian quan* không phải là thơ tuyệt mạng của Thủ khoa Huân, rất có thể do Thủ khoa Huân sáng tác để ca ngợi Thị độc học sĩ sung Binh bị Trần Xuân Hòa (Phủ Cậu) vào khoảng đầu mùa thu năm 1864, khi ông này bị quân Pháp bắt và giải ngang qua sông Mỹ Tho. [↑](#footnote-ref-25)
26. Là một vị thần của Ấn Độ giáo, được thể hiện đầu voi mình người, tượng trưng cho tài trí, hạnh phúc và thành công. [↑](#footnote-ref-26)